

Food of Bodhisattvas

Thức Ăn Của Bồ Tát

**Giáo Lý Của Đạo Phật Về Việc
Từ Bỏ Ăn Thịt**

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

**Diệu Nguyệt
Tâm Bảo Đàn
Konchog Sherab Drolma
Chuyển ngữ**

Việt Nalanda Foundation ấn tống 2012

Food of Bodhisattvas

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Thức Ăn Của Bồ Tát

Diệu Nguyệt

Tâm Bảo Đàn

Konchog Sherab Drolma

chuyển ngữ

Vô Huệ Nguyên hiệu đính

Tâm Bảo Đàn trình bày bìa sách

Nguyên bản tiếng Anh

Shambhala

Boston & London

Ấn hành năm 2004

Padmakara Translation Group

Chuyển từ Tạng-ngữ sang Anh-ngữ

© 2004 by Padmakara Translation Group

ISBN 1-59030-116-1

Bản tiếng Việt được giấy phép chuyển dịch của nhóm

Padmakara Translation Group cấp năm 2005

© 2012 Viet Nalanda Foundation

ISBN 978-1-937175-04-7

Sách Ấn Tổng – Không Bán

*Nguyện hồi hướng tất cả công đức
đến quả vị Giác Ngộ của tất cả chư Đạo Sư
của tất cả các dòng truyền thừa
cùng toàn thể
pháp giới chúng sinh...*

Lời Giới Thiệu

Pema Wangyal

Tôi thật vô cùng vui sướng khi Nhóm Dịch Thuật Padmakara (Padmakara Translation Group) đã hoàn thành công việc chuyển ngữ những trang sách quý báu này. Đại sư Shabkar đã vạch rõ cho chúng ta thấy rằng thú vật, côn trùng, và ngay cả loài tôm cua, sò hến cũng chính là pháp giới chúng sinh. Vì tất cả các loài này cũng biết trân quý mạng sống và có nhiều xúc giác, nên chúng ta phải hết sức tôn trọng chúng, không khác gì tôn trọng loài người.

Nếu chúng ta tự coi chúng ta là những người Phật tử đang bước đi trên con đường tu theo truyền thống Đại Thừa... Nếu chúng ta có ước nguyện sống xứng đáng với những giáo huấn của đức Phật thì bằng mọi giá, chúng ta phải nhất quyết tránh xa việc hãm hại bất cứ một chúng sinh nào, dù là trực tiếp hay gián tiếp. Điều này đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong những trang sách quý báu này [của đại sư Shabkar]. Điều đó cũng có nghĩa là chúng ta không thể tự tay sát hại hay hành hạ những chúng sinh này, mà cũng không thể xúi đẩy người khác tham dự vào việc sát hại hay hành hạ chúng.

Khi chúng ta bước chân vào con đường Đạo, chúng ta nguyện xin quy y Tam Bảo, ngưỡng mong chư Phật và

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

chư Bồ-Tát chúng giám cho chúng ta. Chúng ta đã lập đi lập lại các giới nguyện và nói rằng, ‘Nương nơi Tam Bảo, con nguyện không bao giờ hãm hại bất cứ một chúng sinh nào.’ Thật là vô cùng khó khăn nếu chúng ta giả vờ không biết là mình đã thốt lên lời nguyện như vậy, mà cũng thật khó khăn vô cùng nếu chúng ta cố tình diễn giải một cách sai lạc những ngôn từ vốn quá rõ ràng minh bạch của lời nguyện kia.

Và do đó, ước nguyện của tôi không gì khác hơn là cầu xin cho chúng ta phát khởi được lòng yêu thương và từ bi đối với tất cả chúng sinh, đối với bất cứ chúng sinh nào cũng giống như đối với những đứa con yêu mến của chính mình.

Lời Giới Thiệu của Nhóm Dịch Thuật Padmakara (Padmakara Translation Group)

Có những người tuy không hiểu biết nhiều về Phật Giáo nhưng lại có phần nào quen thuộc với giáo lý bất bạo động và từ bi của đạo Phật, những người này thường hay lầm tưởng rằng giới Phật tử đều ăn chay. Họ có phần nào ngạc nhiên pha chút thất vọng khi khám phá ra rằng rất đông Phật tử ở cả phương Đông lẫn phương Tây vẫn thường ăn thịt (ăn mặn), cho dù không nhất thiết là tất cả Phật tử ai ai cũng ăn thịt như vậy. Bỏ qua bên lề vô số những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định ăn thịt của người Phật tử, dù riêng tư hay liên quan đến hoàn cảnh xã hội, thì thái độ chung chung của giới ‘Phật tử ăn mặn’ đều nằm dưới sự chi phối của những yếu tố văn hoá và lịch sử, mỗi quốc gia một khác biệt, không quốc gia nào giống quốc gia nào. Một ví dụ điển hình là giới Phật tử tu theo Đại Thừa tại hai quốc gia Trung Hoa và Việt Nam, sống một nếp sống cổ truyền, giới Phật tử này thường thường là những người ăn chay thuần thành. Ngược lại, tại Nhật Bản chẳng hạn, không có gì lạ lẫm khi thấy Phật tử ăn mặn, và hơn thế nữa, tại Tây-Tạng, chuyện Phật tử ăn mặn gần như luôn luôn là chuyện đương nhiên. Khi Phật Giáo bắt đầu lan truyền qua Âu Châu, Mỹ Châu và nhiều nơi khác, những người đệ tử mới tại các nơi này tự động áp dụng thái độ và các pháp tu tiêu biểu

của truyền thống tu nào mà họ đang noi theo. Điều này thật ra cũng là điều rất tự nhiên.

Tây-Tạng là một quốc gia tại châu Á mà toàn bộ giáo huấn Phật Giáo đã được truyền thẳng từ Ấn Độ vào Tây-Tạng [không đi qua một trung gian nào]. Bắt đầu từ thế kỷ thứ tám trở đi cho đến nay, người dân Tây-Tạng đã một lòng gắn bó với giáo pháp cao sâu của truyền thống Đại Thừa, dưới cả hai dạng Kinh-điển lẫn Mật-điển, qua công phu nghiên cứu, chiêm nghiệm và thực hành giáo pháp này trong đời sống hằng ngày, một giáo pháp nghiêng về trí tuệ và phát triển tâm từ bi hoàn vũ. Hơn thế nữa, điều mà ai cũng thấy rõ là chính giáo pháp và thái độ sống phổ thông trong mọi tầng lớp của người dân Tây-Tạng nói chung, đã tạo được một ảnh hưởng rất sâu sắc trong mối liên hệ giữa người dân Tây-Tạng và môi trường thiên nhiên chung quanh. Trước ngày Tây-Tạng bị Trung Cộng xâm lăng, khi những người khách du lịch từ châu Âu lần đầu đặt chân đến Tây-Tạng và toàn vùng Hy Mã Lạp Sơn, họ đều sửng sốt khi nhìn thấy cảnh sống vô cùng ôn hoà và rục rờ của chim muông, dã thú. Trong một quốc gia mà săn bắn là một hoạt động rất hiếm hoi, hầu như đều bị mọi người lên án, thì dã thú, chim muông chẳng còn chút gì phải sợ hãi loài người. Tuy là như thế, nhưng sự thật hiển nhiên là người dân Tây-Tạng nói chung, từ ngàn xưa cho đến tận bây giờ, vẫn luôn luôn là những người ăn rất nhiều thịt. Lý do chính yếu [đưa tới tình trạng ăn nhiều thịt này] có liên hệ đến hai yếu tố thời tiết và địa dư. Tại Tây-Tạng, phần lớn đất đai nằm trên

một độ cao mà mọi việc trồng trọt, canh nông đều là việc bất khả.

Lẽ dĩ nhiên, thói quen lâu đời thường mọc rễ, trở thành điều ưa chuộng đặc biệt không thể thiếu, và ngay cả đã có sẵn một niềm tin vững chắc vào đạo pháp thì rất nhiều người Tây-Tạng hiện đang sinh sống tại nhiều vùng đất khác nhau trên quả địa cầu vẫn chưa thay đổi được cách thức ăn uống dinh dưỡng của họ. Điều này tự nó cũng không phải là điều gì đáng ngạc nhiên. Phải từ bỏ những thói quen lâu đời là một việc làm rất khó, và việc đầu tiên mà khách du lịch hay dân di tản khắp nơi trên thế giới thường làm một cách thô thúc là nhập cảng và cố tìm mua cho bằng được đủ mọi loại thực phẩm của riêng xứ họ. Cũng giống như những người còn lại trong cộng đồng nhân loại, người dân Tây-Tạng thấy thịt là thức ăn rất ngon miệng, và họ thường thưởng thức với tất cả sự hào hứng thích thú. Nhưng ngay cả nếu chuyện ăn thịt đã và đang là một tập quán bình thường đối với người dân bên trong xứ Tây-Tạng cũng như đối với cộng đồng lưu vong bên ngoài Tây-Tạng, thì phương pháp tu tập hằng ngày của truyền thống Đại-Thừa, chẳng hạn như sự thường xuyên quán chiếu về tâm từ bi và ước nguyện làm Bồ-Tát giải thoát tất cả chúng sinh khỏi đau khổ – phương pháp tu tập này làm cho ta không thể nào không lên tiếng đặt câu hỏi về việc ăn thịt [của người Phật tử]. Theo mẫu mực bình thường thì người Phật tử Tây-Tạng, ngay cả những người công nhận mình thuộc dân ăn mặn chính cống, cũng không hoàn toàn vô cảm

trước vấn đề ăn thịt này. Nhiều người công nhận một cách thẳng thắn là việc ăn thịt không thể nào không liên hệ đến hành động sát hại thú vật một cách có tính toán, và cũng thẳng thắn công nhận là việc ăn thịt là một chuyện thiếu lý tưởng, không thích hợp chút nào cho những người Phật tử đang thực hành theo Phật pháp. Có nhiều người Tây-Tạng cũng cố gắng tránh ăn thịt trong những ngày lễ, cũng như trong những thời điểm thiêng liêng trong năm. Nhiều người tỏ vẻ kính phục truyền thống ăn chay; và rất hiếm có một vị Lạt-ma nào không ca ngợi và cổ vũ những ai có thể ăn chay cho dù chính vị Lạt-ma đó vẫn đang ăn mặn vì lý do này hay lý do khác.

Trong cộng đồng lưu vong Tây-Tạng tại hai xứ Ấn-Độ và Nepal, có nhiều thay đổi về phong tục tập quán đang từ từ thành hình, nhất là trong giới trẻ, bởi vì việc ăn thịt không bắt rễ một cách sâu xa đến vậy trong khung cảnh văn hoá của hai quốc gia này. Một số tu viện, kể cả tu viện Namgyal Dratsang, tu viện gốc của đức Đạt-Lai Lạt-Ma [tại Ấn Độ], đã không cho phép việc nấu nướng thịt thà trong nhà bếp của tu viện nữa. Và ngay cả khi việc chọn lựa ăn chay ăn mặn của mỗi tu viện là một chọn lựa có tính cách độc lập, thì tại ngay những tu viện này, số các vị tu sĩ và nữ tu sĩ bắt đầu hoàn toàn từ bỏ ăn thịt ngày càng đông.

Đối với riêng những hành giả tại phương Tây, hoàn cảnh của chúng ta có nhiều điểm dị biệt. Khác với người Tây-Tạng, chúng ta có thể dễ dàng tìm ra được

đủ loại rau trái bổ dưỡng ở những nơi mà chúng ta đang sinh sống. Cho dù như vậy, [điều đáng tiếc là] chúng ta lại đến từ một nền văn hoá mà cả hai truyền thống tôn giáo lẫn đạo lý đều cho phép và khuyến khích việc ăn thịt. Cái nhìn từ bi đối với thú vật là một cái nhìn vốn sẵn có trong tư tưởng Phật giáo và đã thấm nhuần trong tâm thức của người dân Tây-Tạng cho dù cách thức ăn uống dinh dưỡng của họ không thực sự đi sát với cái nhìn từ bi này. Ngược lại, xã hội mà chúng ta đang sinh sống hoàn toàn không có được cái nhìn từ bi như vậy. Phần lớn, trong thế giới ngày nay, cách đối xử nhân đạo của chúng ta với những con thú nuôi trong nhà chịu ảnh hưởng của tâm lý tình cảm và những cân nhắc liên quan đến tiền bạc, vật chất. Cách đối xử nhân đạo của chúng ta với những con thú nuôi trong nhà này không phát mầm từ sự hiểu biết rằng thú vật là những sinh vật cũng được thọ hưởng trí óc và xúc cảm không khác gì chúng ta, và tự bản chất, chúng cũng đang phải trải qua những cảnh khổ luân hồi không khác gì chúng ta. Dù sao đi nữa, đối với những người Phật tử ở phương Tây, những người do thói quen lẫn ham muốn đã trở thành ‘dân ăn thịt,’ thì sự thử thách dựa trên câu hỏi nêu ra về vấn đề ‘ăn mặn’ của Phật giáo nói chung, và của truyền thống Đại thừa nói riêng, có chiều hướng bị ủ dột, trì trệ thêm. Bởi vì, như những lý do đã được nêu ra ở trên, người Tây-Tạng cho dù có thành tâm đến mấy chăng nữa thì họ cũng chẳng giúp được gì nhiều cho các bạn đồng tu ở phương Tây [trên vấn đề này], ngoại trừ một số hướng dẫn lý thuyết suông.

Tình trạng này còn trở nên rắc rối hơn nữa chính vì sự thâm nhập của một số lý lẽ biện minh theo truyền thống xưa cũ, được đưa ra cốt để tha thứ cho việc ăn thịt của giới Phật tử. Những lý lẽ biện minh này đã được nhiều người ở phương Tây chấp nhận quá mức dễ dàng, thiếu óc phê phán. Có lẽ vì chính những người này đã không đủ khả năng hoặc không đủ ý chí để cân nhắc và lựa chọn một lối sống khác. Những lý lẽ biện minh này gồm có: (1) ý niệm về ba loại thịt thuần tịnh (tam tịnh nhục), (2) tư tưởng rằng con vật nổi được liên hệ tâm thức với Phật pháp (và từ đó được nhiều lợi lạc) khi thịt của chúng được chính các hành giả nhai ăn, và (3) còn nhiều ý niệm khác nữa, đến từ cái nhìn lệch lạc gom góp từ trong kinh điển đã đọc. Như đại sư Shabkar đã trình bày cho chúng ta thấy, những tranh luận này hoàn toàn sai lạc, hoặc sai lạc quá nửa, và đòi hỏi một lối diễn giải nghiêm túc, trung thực hơn. Thật ra việc này cũng dễ hiểu bởi vì những lý lẽ biện minh trên được nêu lên với chút ân hận trong lòng; đây là những cố gắng rất ‘người’ (rất ‘gượng ép nhân tạo’) để cứu vãn lương tâm ray rứt khi việc từ bỏ ăn thịt trở nên quá khó. Nhưng trong một hoàn cảnh bình thường, với những người bình thường [muốn tìm hiểu về vấn đề này một cách nghiêm chỉnh], thì thật là một sai lầm nếu ta cho rằng những lý lẽ biện minh đó là những diễn đạt nguyên lý rất ráo.

Dù sao đi nữa, điều quan trọng cần biết là tại Tây-Tạng, hiện nay, cũng như trong quá khứ, đã luôn luôn

có một quan điểm hoàn toàn khác biệt với những lý lẽ biện minh kia. Điều này đã hiện diện ngay từ những ngày đầu tiên nhất của lịch sử Phật giáo tại Tây-Tạng. Quan điểm này đã được xác nhận một cách vô cùng cương quyết trong những giáo huấn của đại sư Atisha và của những đệ tử thuộc dòng truyền thừa Kadampa của ngài. Quan điểm này cũng được một số nhỏ các cá nhân anh hùng tiếp tục ủng hộ và chứng thực trong từng thế hệ nối tiếp. Những trang sách được chuyển ngữ sau đây sẽ cho chúng ta thấy rằng đại sư Shabkar chính là một người thuộc trong ‘pháp hội vinh quang’ này – pháp hội bao gồm những vị Bồ-Tát thực hành theo cả Kinh-điển lẫn Mật-điển. Nung vào tình thương của họ đối với chúng sinh, và sự quán chiếu của họ về sự đau khổ chúng sinh phải hứng chịu mà những vị Bồ-Tát này đã quyết định từ bỏ ăn thịt cho dù có phải chịu đựng tất cả những thử thách to lớn, trong một hoàn cảnh sống vô cùng khó khăn, khắc nghiệt. Trong những thảo luận của đại sư Shabkar về vấn đề ăn chay ăn mặn, ngài đã nêu ra những câu hỏi vô cùng sâu sắc liên quan nhiều khía cạnh khác nhau của đạo Phật, ngang tầm vóc với các giáo huấn thuộc Bà-la-đề-mộc-xoa, Đại Thừa và Kim-Cang Thừa. Và như một người đang quan sát nhân loại với một tấm lòng từ bi rất sáng suốt, đại sư Shabkar đã chiếu một luồng ánh sáng vô cùng rực rỡ sắc sảo lên trên nền tảng xã hội và tôn giáo của thời đại của ngài.

Tiểu Sử Đại Sư Shabkar

Đại sư Shabkar Tsogdruk Rangdrol (1781-1851) đã để lại nhiều pho văn tự đồ sộ, trong số đó có hai tài liệu viết về tiểu sử của chính ngài, là một trong những tài liệu được yêu chuộng và gây nhiều nguồn cảm hứng nhất trong văn chương Tây-Tạng. Ngoài kho tàng thi ca gồm những bài thơ và đạo ca trong hai văn kiện tiểu sử này, đại sư Shabkar đã kể lại cho chúng ta nghe về sự nghiệp tâm linh của ngài, khởi đầu bằng sự phát tâm từ bỏ thế gian ngay trong thời thơ ấu, để cuối cùng dẫn đến thành đạt trọn vẹn quả vị giác ngộ. Ngài đã bỏ gần như trọn cuộc đời trong động thất, hoặc vân du đây đó khắp nơi như một kẻ hành hương, thăm viếng rất nhiều những địa điểm linh thiêng tại Tây-Tạng và toàn vùng Hy Mã Lạp Sơn – từ Amdo và vùng biên giới Mông Cổ ở phía bắc nơi ngài đã chào đời, cho đến rặng núi hùng vĩ ở Amnye Manchen, và từ đó, ngang qua hai tỉnh U và Tang ở miền trung, cho đến những khe núi ở Tsari, rồi đến Kailash, đỉnh núi linh thiêng ở miền tây, và sau đó, xuôi nam xuống thung lũng Kathmandu ở xứ Nepal. Ngài là một người tốt cùng tự do, sống bên lề xã hội. Phần lớn cuộc đời, ngài đã sống ẩn dật, trên những rặng núi cao, không có ai bên cạnh chăm lo cho cả, ngoại trừ, nếu có, một số rất ít những đệ tử tâm truyền nhất. Những đệ tử này là những người có đủ khả năng và ý chí để chịu đựng những khó khăn thử thách gây ra bởi cảnh sống khắc nghiệt, và đã nắm được vị tự

do tuyệt hảo đến từ sự hoàn toàn từ bỏ những lo lắng tâm thường thế gian. Đại sư Shabkar không hề bị lệ thuộc vào khuôn mẫu mực thước của xã hội hay của tăng đoàn, và tuy là một vị tỳ khưu thọ đủ tất cả các giới, ngài chưa hề bao giờ liên kết mật thiết với một hệ thống tăng-già có thể lực nào cả, cho dù bất cứ khi nào có dịp là ngài cũng đến thăm viếng và gia ơn [cho chư tăng tại các tu viện], nhiều khi với một tấm lòng quảng đại tuyệt vời. Rất yêu mến giới luật của đời sống tu viện, nhưng cũng hoà mình thể nhập trong cách sống tự do và cách hành pháp của những đạo sư du-già tu theo Mật-điển, chắc chắn ngài đã hiện ra như một mẫu người lập dị trong những chuyến hành hương liên tiếp của ngài, mặc y vá đụp của một vị tỳ khưu, với giải khăn choàng màu trắng khoác vai và với mái tóc dài không cắt tỉa của một đạo sư du-già.

Y phục bất thường của đại sư Shabkar đã phản ánh hết sức trung thực nhân cách và những nỗ lực tâm linh của ngài. Là một vị tỳ khưu mà cũng là một đạo sư du-già, trong khi hành pháp, ngài đã phát triển pháp tu của Tiểu-Thừa bằng tâm đoạn tuyệt thế gian, pháp tu của Đại-Thừa bằng tâm đại từ bi đối với tất cả chúng sinh, và pháp tu du-già tối mật của Mật-Thừa. Cả ba thừa này đều hiện diện trong Phật-giáo Tây-Tạng, được áp dụng từng giai đoạn trên con đường tu, và có liên hệ rất nhiều với giọng truyền thừa Kadampa. Cho dù vào thời đại của đại sư Shabkar thì Kadampa không tồn tại như một giọng phái độc lập riêng rẽ nữa, nhưng những giáo pháp của truyền thống Kadampa về Lamrim

(những-giai-đoạn-trên-con-đường-tu) đã tỏa ảnh hưởng vô cùng rộng lớn lên tất cả bốn tông phái chính của Phật-giáo Tây-Tạng, tạo nguồn cảm hứng cho những luận giải và trước tác tuyệt vời. Những trước tác này là hạt mầm nuôi lớn đời sống tôn giáo tại Tây-Tạng cho đến tận ngày hôm nay: chẳng hạn như luận giải '*Khi Tâm An Tĩnh*' (*The Mind at Rest*) của đại sư Gyalwa Longchenpa, '*Bảo Châu Trang Sức Của Giải Thoát*' (*The Jewel Ornament of Liberation*) của đại sư Je Gampopa, '*Kho Tàng Của Những Đức Hạnh Cao Quý*' (*The Treasure of Precious Qualities*) của đại sư Vidyadhara Jigme Lingpa, và chính đại sư Je Tsongkhapa cũng đã viết '*Đại Luận Giải Về Những Giai Đoạn Trên Con Đường Tu*' (*The Great Exposition of the Stages of the Path*). Dựa trên lời huấn thị của đại tôn sư Atisha, hình thái sinh hoạt bề ngoài của đại sư Shabkar được tô đậm bằng những giới luật thuần khiết của một nhà tu, trong khi đó, sâu bên trong, suốt cuộc đời ngài luôn luôn là một hành giả chuyên quán chiếu về lojong, cổ võ phương cách luyện tâm dựa trên tâm Bồ-Đề tương đối (relative bodhicitta) và tâm Bồ-Đề viên mãn (absolute bodhicitta). Sau rốt, trong hình thái sinh hoạt ẩn mật, ngài lại là một đạo sư du-già chứng đắc, đã thành tựu giác ngộ nhờ vào những pháp tu Mật-điền, nhất là nhờ vào những giáo pháp mật truyền tối thượng của hai pháp Đại Viên Mãn (Dzogchen) và Đại Thủ Ấn (Mahamudra). Cả ba truyền thống Tiểu-Thừa, Đại-Thừa và Mật-Thừa đều được kết hợp trong cách ngài hành pháp, và chính ngài

đã làm cho cách ngài hành pháp trở nên một thành tựu toàn bích, viên mãn.

Thái độ của đại sư Shabkar đối với những truyền thống khác nhau của Phật-giáo Tây-Tạng hoàn toàn không bị bất cứ một đám mây thành kiến nào che mờ. Điều chắc chắn là bởi vì ngài đã sống một cuộc đời tự do độc lập tuyệt đối, không phải vướng mắc và trung thành với bất cứ tổ chức nào cũng như không phải bị lệ thuộc vào bất cứ một vị thí chủ nào. Cả cuộc đời ngài đã sống một đời sống ‘từ tay đưa lên đến miệng,’ [theo kiểu ai cho gì thì ăn nấy]. Ngài không có một mái chùa làm nơi tá túc cố định, và mọi nhu cầu cần thiết được thu gọn thành tuyệt đối tối thiểu. Nhiều đệ tử hết sức tin tưởng sùng bái ngài, đã cúng dường cho ngài rất nhiều tịnh tài, phẩm vật, nhưng ngài luôn luôn mau chóng chia sẻ, phân phối tất cả những thứ này cho người khác dưới hình thức cúng dường tôn giáo, hay bố thí từ thiện. Đạo pháp đối với ngài là việc phải huấn luyện và quán chiếu bản thân, không phải là chuyện liên kết với một giòng truyền thừa nào cả. Ngài rất yêu mến những giáo pháp của đức Phật dưới bất cứ hình dạng nào, và thái độ của ngài đối với tất cả các truyền thống tu học của đạo Phật là sự kính ngưỡng sùng bái chân thành.

Một lần nọ, khi còn trẻ, trong lúc đang viếng thăm đại tu viện Labrang Tshikhyil của giòng Gelugpa tại tỉnh Amdo, đại sư Shabkar đã cầu nguyện xin cho ngài được đủ túc duyên để thực hành Phật pháp một cách

tuyệt vời trong sáng, không bị thành kiến làm cho hoen ố. Khi nhắc lại câu chuyện này trong tiểu sử của ngài, ngài đã ghi lại nguyên văn một câu nói của đức Ban-Thiền Lạt-Ma (Panchen Lama), hoá thân đời thứ 5, minh xác về sự đáng tin cậy của tất cả các giòng phái khác nhau của Phật-giáo Tây-Tạng. Đức Ban-Thiền Lạt-Ma đã phát biểu rằng, ‘Dựa trên những lời nói này, tôi luôn luôn phát triển lòng kính ngưỡng và sùng bái đối với tất cả các vị thầy và các giáo huấn của các ngài, tôi nhìn thấy tất cả đều vô cùng thuần khiết.’ Điểm nổi bật nhất trong con người tôn giáo của đại sư Shabkar là mức độ kết hợp mà ngài đã vận dụng được giữa những giáo huấn của giòng Nyingma và những giáo huấn của giòng Gelugpa, hai giòng phái này trước giờ vẫn thường được coi là cách xa nhau như hai thái cực. Chuyện này xảy ra có lẽ cũng là nhờ vào ảnh hưởng xã hội, vì vùng đất đại sư Shabkar lớn lên nằm rất xa các trung tâm chính trị và quyền bính; nơi đây, các hành giả thuộc tất cả các tông phái khác nhau đều sống gần gũi và tự do trò chuyện, trao đổi với nhau.

Gốc gác của đại sư Shabkar thuộc về giòng truyền thừa của những đạo sư du-già Nyingma ở Rekong, tỉnh Amdo. Giòng truyền thừa này rất nổi tiếng nhờ vào những lời nguyện cam kết (samaya) vô cùng trong sạch, và nhờ vào năng lực thần thông mà họ đã đạt được qua những chứng đắc tâm linh. Chính ở vùng đất Rekong này mà đại sư Shabkar đã khởi sự được rèn luyện về tôn giáo, và điều rất hiển nhiên là tất cả những hướng dẫn mà ngài nhận được trong thời gian này, từ

lời giảng cho đến những tấm gương sáng trước mắt, đã để lại một dấu ấn không gì tẩy xóa được trên nhân cách của ngài. Vào năm hai mươi tuổi, ngài thọ giới tỳ khưu với đại sư Arik Geshe Jampel Gyaltzen Oser, là vị trụ trì và nhà Phật học của một đại tu viện thuộc giòng Gelugpa. Chính đại sư Arik đã khuyên ngài nên đi tìm ngài Chogyal Ngakyi Wangpo, vị đại tôn sư lừng lẫy thuộc giòng Nyingmapa mà cũng chính là bản sư của ngài. Từ đại tôn sư Chogyal Ngakyi Wango, ngài đã thọ lãnh tất cả những giáo pháp của giòng Nyingmapa Cổ-Mật (Old Translation school), trong đó có cả những hướng dẫn về trekcho và thogal thuộc pháp tu Đại Viên Mãn (Dzogchen); pháp Đại Viên Mãn sau này trở thành cốt lõi trong công phu tu luyện của riêng ngài. Cho dù như thế, như đã được kể lại trong tiểu sử của ngài, đại sư Shabkar cũng thường xuyên nhận được những mật truyền và lễ quán đảnh từ các tân phái, chẳng hạn như pháp Migtsema mà ngài rất yêu chuộng, tức là bài khấn nguyện nổi tiếng dâng lên đại sư Tsongkhapa, viên bảo ngọc trân quý của Xứ Tuyết Tây-Tạng. Về sau, trên những chuyến hành trình đặng đặng của ngài, ngài rất hoan hỉ được thăm viếng những cơ sở tu viện vĩ đại của giòng Gelug tại hai vùng U và Tsang ở trung phần; nơi đây ngài đã phát tâm cúng dường hết sức rộng rãi, và đã xin được thọ thêm nhiều giáo pháp tại đây. Ngoài ra, ngài cũng hành hương đến đại tu viện của giòng Sakya và thọ lễ gia lực với những người con trai của Wangdu Nyingpo, là vị nối dõi đời thứ 33 của giòng truyền thừa Sakya. Rồi nhân thể đang ở trong vùng lân cận, ngài không quên đến viếng tu

viện Jonang Ganden Puntsoling, tu viện gốc của ngài Taranatha Kunga Nyingpo, nơi đây vẫn còn lưu giữ một tập tài liệu ghi lại những lời giảng dạy [của ngài Nyingpo] do chính đại sư Shabkar cho in lại từ một bản khắc bằng gỗ. Cuối cùng, ngài hoàn toàn như người trở lại về mái nhà xưa khi sống giữa những vị đạo sư du-già thuộc giòng Kagyu ở đỉnh núi Kailash, và ở nhiều nơi khác nữa. Khi đọc lại tiểu sử cuộc đời đại sư Shabkar, trong không khí tĩnh lặng sùng bái và trong niềm kính ngưỡng tỏa khắp các giòng truyền thừa, người ta khó có thể đoán được chiều sâu của những tranh chấp thù nghịch giữa các giòng phái với nhau, và khó đoán được rằng chính những tranh chấp này đã từng là bóng đen phủ lên lịch sử xã hội Tây-Tạng qua nhiều thế hệ. Đối với tất cả các giòng truyền thừa của Phật giáo Tây-Tạng, lòng tôn sùng của đại sư Shabkar mãnh liệt và chân thành đến nỗi chính ngài đã được tán dương như là ứng thân của những nhân vật khác nhau trong tất cả các giòng phái này. Ngài được kính trọng như là hiện thân của Manjushrimitra, một trong những vị khai sáng ra giòng truyền thừa Đại Viên Mãn (Dzogchen) của giòng phái Cổ Mật Nyingma. Ngài còn được công nhận là hoá thân của đại sư Ngulchu Gyalse Thogme, vị thầy mà giòng phái Sakya vô cùng kính ngưỡng, và là tái sanh của đại sư Chengawa Lodro Gyaltsen [thuộc giòng Nyingma], một đệ tử tâm truyền của đức Je Tsongkhapa. Nhưng, hơn hết cả, chính dưới bóng của Milarepa, vị đại tôn sư lưng lẩy nhất của giòng phái Kagyu và nhân vật được yêu mến nhất trong truyền thống Tây-Tạng, đại sư

Shabkar đã được sùng kính và tán dương vì đã thể nhập trọn vẹn con người của đạo sư Milarepa. Từ cách sống, tài năng, lòng kiên trì cho đến những thành tựu chúng đắc, rõ ràng là đại sư Shabkar đã bước theo những bước chân của đại đạo sĩ Milarepa.

Đại sư Shabkar đã nổi tiếng vì mối quan tâm và tấm lòng triu mến của ngài dành cho thú vật. Thái độ của ngài không những nói lên sự thông cảm và lòng biết ơn đẹp đẽ, mà thái độ này còn bắt nguồn từ sự hiểu biết thấu đáo về Phật pháp. Đối với đại sư Shabkar, cũng như đối với giới Phật tử nói chung, thú vật trước hết cả phải được coi như là những sinh vật không khác gì chúng ta, cũng đang bị mắc kẹt trong những đau khổ của cõi luân hồi y như chúng ta. Cho dù trên phương diện thể xác, thú vật có mang hình dạng khác biệt và kỳ quái đến thế nào chăng nữa, và trên phương diện cảm quan và giác quan, chúng có thô thiển đến mấy đi nữa, thì thú vật vẫn may mắn có được trí óc, và trên phương diện căn bản này, chúng cũng là những con người. Thú vật cũng bám víu vào cái gọi là ‘ta’ của chúng, đâu khác gì con người. Do đó, chúng cũng ao ước được hạnh phúc và được như ý, dựa trên những hiểu biết, nhu cầu riêng của chúng, và khi không đạt được những điều này thì chúng cũng đau khổ vô ngần. So với con người thì thú vật phải chịu nhiều bất lợi to lớn. Tâm trí của chúng bị che phủ bởi màn vô minh dày đặc hơn con người, và lúc nào chúng cũng bị sức mạnh của bản năng cầm thú lấn át. Thú vật thừa hưởng những giác quan mạnh mẽ và sắc bén hơn con người,

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

nhưng trí thông minh ít ỏi của chúng không cho phép chúng lãnh hội được đạo pháp, không thể nào làm được gì để chuyển hoá từ trạng thái bám chấp đến được trạng thái tự do giải thoát.

Trong những năm dài nhập thất ẩn tu trong cô tịch trên những rặng núi cao, và trong những chuyến đi đơn độc xuyên qua những miền hoang dã ở Tây-Tạng, chắc chắn đại sư Shabkar đã có nhiều cơ hội tận mắt nhìn thấy đủ mọi loại thú, và có dịp quan sát cách chúng sinh sống. Những cơ hội gần gũi thú vật này, cộng với lối sống hết sức đơn sơ bình dị, chắc chắn đã tô đậm thêm cho tấm lòng bi mẫn vốn có của ngài đối với loài thú, và chúng ta có thể cảm nhận được điều này rất rõ trong vô số những câu chuyện được kể lại trong hai pho tiểu sử của ngài. Đời sống giữa chốn hoang dã, với số lượng thức ăn ít ỏi và một nơi trú ẩn sơ sài để che mưa che nắng, chắc chắn đã giúp cho đại sư Shabkar hiểu rõ hơn về những khó khăn và hiểm nguy trong thiên nhiên mà chim muông dã thú phải đương đầu chống chọi. Đã nhiều lần, có lẽ ngài đã phải trải qua đói khát, lạnh lẽo, và chắc chắn ngài đã từng chứng kiến cảnh sống bấp bênh và đau khổ của loài thú khi chúng phải đương đầu với khí hậu luôn luôn thay đổi không thể đoán trước, và với mối đe dọa đến từ những con thú săn mồi khác trong thiên nhiên. Dĩ nhiên là ngài đã tạo được những liên hệ thân thiết với loài thú, và ngược lại, trong suốt những chuỗi ngày ngài tạm trú ẩn tu trong động thất, chắc chắn những con thú này cũng phải cảm thấy quen thuộc với sự hiện diện hiền hoà của con

người kỳ dị đó. Đôi khi đại sư Shabkar cũng nói chuyện với thú vật, và nhiều lần, khi lắng nghe tiếng kêu inh ỏi của những con quạ hay tiếng kêu rầu rĩ của những con chim cu, ngài tưởng tượng như chúng đang nói chuyện với ngài, hay đang nói chuyện với nhau. Một lần kia, ngài đã thuyết một bài pháp đơn giản cho một đàn lừa hoang (kyang); có vẻ như chúng đã ở lại và lắng nghe ngài. Một lần khác, chính ngài đã nhận được một bài học rất thâm thúy từ một con cừu già. Điều rõ ràng mà ta đọc được trong những trước tác của ngài là ngài thường xuyên xúc động trước vẻ đẹp của loài thú, và tìm được nhiều an ủi khi làm bạn với chúng. Lắm khi, chỉ một tiếng kêu của đàn chim, hay tiếng rì rả của côn trùng cũng đưa đến những thấu hiểu tâm linh, và ngài thường ghi lại những kinh nghiệm này trong những bài đạo ca.

Từ những ngày còn bé thơ, đại sư Shabkar đã phải kinh hoàng trước cách xử sự tàn nhẫn của loài người đối với thú vật. Trong những trang đầu tiên trong quyển tiểu sử của ngài, ngài ghi lại một kinh nghiệm thuở ấu thời. Kinh nghiệm này đã đóng một dấu mộc lên tâm khảm của ngài cho đến hết cuộc đời.

‘Một mùa thu nọ, [dân làng] chúng tôi đã có được một vụ gặt thật tuyệt hảo. Tất cả mọi người trong tất cả các gia đình, giàu nghèo gì cũng thế, đều nói là chúng ta nên tổ chức ăn mừng. Điều này có nghĩa là không biết bao nhiêu đàn cừu sẽ phải bị sát hại, bị đem ra xẻ thịt. Thật là một cảnh tượng vô cùng khủng khiếp. Tôi sợ

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

đến thất vía hoảng kinh và trong lòng dâng tràn bao thương xót. Không thể nào có đủ can đảm để nán ná ở chỗ người ta xẻ thịt nên tôi phải trốn đi một nơi khác và chờ cho đến khi việc sát hại kết thúc rồi mới dám quay trở về. Khi trở về, tôi nhìn thấy thân của những con cừu đã được xẻ thịt nằm ngổn ngang dưới đất. Tôi trầm nghĩ, ‘Những người này đã làm một việc vô cùng tồi bại, và người ta vẫn tiếp tục làm như vậy cho dù người ta dư biết là họ sẽ phải trả quả ác trong những kiếp kế tới. Khi lớn lên, tôi nguyện sẽ chỉ sống theo gương chánh pháp. Tôi sẽ hoàn toàn xa lánh những việc làm tệ hại như vậy.’ Và tôi đã nhiều lần lập đi lập lại lời hứa này với chính mình. [KWGJ (*The King of Wish-Granting Jewels*) - (*Đại Vương Của Những Viên Ngọc Như Ý*), f16]

Trong suốt cuộc đời của ngài, đại sư Shabkar cũng như bất cứ vị thầy nào khác trong Phật giáo, đã thuyết pháp về định luật nhân quả, và đã khuyến khích người nghe phải tránh xa hành động giết hại. Điều này đôi khi đã đem lại rất nhiều kết quả khả quan. Cũng giống như Jigme Lingpa, một vị tôn giả lão thành cùng thời với ngài, đại sư Shabkar thường xuyên thực hành pháp phóng sinh, cứu mạng thú vật bằng cách mua chúng rồi thả chúng ra. Trong một bài đạo ca, ngài đã kể lại rằng cho đến năm ngài năm mươi sáu tuổi (ngài thọ đến tuổi bảy mươi), ngài đã cứu mạng và phóng sinh được cả thảy vài trăm ngàn sinh mạng thú vật. Thật ra, trong thời niên thiếu, có một câu chuyện xảy ra trên chuyến đi hành hương thủ đô Lhasa và câu chuyện này đã trở

thành mốc điểm thay đổi hoàn toàn cuộc đời cá nhân của ngài. Giữa những buổi viếng thăm các đền đài, tu viện, chur tăng, cũng như thăm viếng những nhân vật lãnh đạo tôn giáo và chính trị đương thời, ngài luôn luôn bị một ngôi chùa thu hút. Đó là ngôi chùa tên Jokhang nằm ngay giữa trung tâm thành phố Lhasa. Nơi đây có an vị một bức tượng của Jowo Rinpoche [tên người Tây-Tạng gọi đức Phật Thích Ca]. Bức tượng này là tượng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và theo truyền thuyết, đã được tạc khi đức Phật Thích Ca vẫn còn tại thế. Bức tượng này đã và vẫn đang là một pháp bảo trân quý nhất trong gia tài Phật giáo Tây-Tạng, và trải qua nhiều thế kỷ, luôn luôn là pháp bảo đón nhận được nhiều chú ý nhất, từ tài vật cúng dường cho đến những lời cầu nguyện. ‘Một ngày nọ,’ theo như đại sư Shabkar kể lại trong tiểu sử của ngài, ‘tôi đã an trú trong sự hiện diện của đức Phật Thích Ca trong một khoảng thời gian kéo dài lâu, thật lâu. Tôi hết sức chí tâm chí thành khẩn nguyện, và nhờ đó, đã bước chân vào được trạng thái an tĩnh sâu xa tuyệt đối. Sau đó, trong khi tôi đang bách bộ dọc theo con đường để đi nhiễu (circumambulation) chung quanh thành phố, tôi đã gặp phải xác của rất nhiều những con cừu và con dê đã bị giết chết. Ngay giây khắc đó, lòng từ bi như nước lũ dâng lên thật mãnh liệt trong tôi đến nỗi tôi không thể nào chịu đựng được nữa vì tôi quá thương xót cho tất cả những con thú đã bị giết chết trên cõi đời này. Tôi liền quay gót trở lại trước bức tượng của đức Phật, và trong khi đánh lễ, tôi đã phát nguyện như sau: ‘Bắt đầu từ ngày hôm nay trở đi, con nguyện sẽ hoàn

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

toàn chừa bỏ hành động xấu ác ăn thịt của chúng sinh, mỗi một chúng sinh đã từng là cha mẹ của con trong quá khứ.’ [KWGJ, f201] Đó là năm 1812; đại sư Shabkar vừa tròn ba mươi một tuổi. ‘Từ giây phút đó trở đi,’ ngài kể tiếp, ‘không một ai còn sát hại thú vật để làm thức ăn dâng cúng cho tôi nữa. Tôi còn được nghe kể lại rằng, khi những vị thí chủ hảo tâm và trung thành của tôi biết trước là tôi sắp ghé thăm, họ kháo với nhau là, ‘Đại sư này không ăn thịt, ngay cả thịt của một con vật đã chết một cách tự nhiên (chết già); chúng ta không thể để cho ngài thấy bất cứ cái gì dính đến thịt khi ngài ở đây.’ Và họ đem dấu đi hết tất cả những gì dính đến thịt. Điều hiển nhiên là không con vật nào còn bị sát hại [để làm thức ăn] cho riêng bản thân tôi làm cho tôi tin chắc rằng đó là nhờ ơn gia hộ của chính đức Phật Thích Ca.’ [KWGJ, f201]

Quyết định từ bỏ ăn thịt của đại sư Shabkar biểu hiện một sự hy sinh đáng kể. Ngày hôm nay, những du khách đến thăm Tây-Tạng cho biết là cơm gạo và rau trái được nhập cảng qua từ Trung Quốc có thể tìm thấy dễ dàng ở nhiều nơi, nhưng vào thời đại của đại sư Shabkar thì không phải là như vậy. Đúng là từ ngàn xưa, tại những vùng đồng bằng ở độ thấp thuộc miền nam và miền đông Tây-Tạng, người ta có thể trồng đủ ngũ cốc và rau trái cho phần lớn dân trong nước dùng để tô điểm thêm cho thói quen ăn uống nặng phần thịt thà. Nhưng nếu nói là vào thời đó, việc trồng trọt rau trái được phát triển ở mức độ quy mô có thể cung cấp đầy đủ số lượng dinh dưỡng cần thiết cho việc ăn uống

bằng rau trái (ăn trường chay) thì điều này hoàn toàn khó có thể xảy ra. Không có rau trái nào có thể sống sót được ở những nơi mà độ cao là 20 ngàn thước Anh, và ở miền bắc Tây-Tạng thì chỉ toàn là những vùng đồng cỏ bao la bát ngát, phù hợp cho việc chăn nuôi những loại thú như trâu yak, dê và cừu mà thôi. Bởi thế, hành động từ bỏ ăn thịt là một việc làm thật sự anh hùng, không dễ mấy ai làm được. Điều đó có nghĩa là phải hài lòng với việc ăn uống dinh dưỡng bao gồm những thức ăn đạm bạc như bơ, sữa đông lạnh, và tsampa. Tsampa là món ăn thuần túy của người dân Tây-Tạng làm bằng bột xay từ lúa mạch đã được rang vàng; thông thường khi ăn, người ta trộn bột với nước trà hoặc với bơ rồi vo lại thành viên. Ăn uống như vậy có nghĩa là sức đề kháng sẽ bị suy giảm do thiếu chất đạm và thiếu chất vitamins. Đó cũng có nghĩa là sẽ dễ bị nhiễm lạnh do thiếu chất mỡ trong người. Ta có thể hiểu được dễ dàng là lối ăn uống kham khổ đạm bạc như vậy nằm ngoài khả năng chịu đựng của đại đa số quần chúng tại Tây-Tạng. Ngay cả ở một quốc gia mà tinh thần Đại-Thừa bàng bạc khắp mọi nơi, nơi mà không một ai không biết đến những giáo huấn của đức Phật về lòng từ bi thì việc phải thực hành giáo huấn từ bi này qua thói quen ăn uống hằng ngày là một việc làm bất khả đối với số đông dân chúng. Trong trường hợp của những tu viện lớn, nếu như có chư tăng nào có ước nguyện hoàn toàn bỏ ăn thịt thì điều đó cũng không thể thực hiện được vì chùa sẽ không có đủ số lượng rau trái để cung cấp cho quý thầy này. Việc trở thành một người ăn trường chay tại Tây-Tạng đòi hỏi

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

một sức chịu đựng mạnh mẽ và một tấm lòng cương quyết chỉ có thể đến được từ một niềm tin sắt đá nhất mà thôi.

Tất cả những điều đã được nêu ra ở trên –chẳng hạn như công phu tu tập của đại sư Shabkar đã trải rộng khắp tất cả các giáo huấn, hoặc tình đoàn kết vô điều kiện của ngài với tất cả các giòng truyền thừa của Phật-giáo Tây-Tạng, hoặc sự nghiêm túc và hoàn hảo của nhân cách của ngài, hoặc những hy sinh mà ngài sẵn sàng chấp nhận cốt chỉ để được sống cho đúng với lý tưởng và những hiểu biết rốt ráo của mình – tất cả những điều này đủ để đại sư Shabkar có được một chỗ đứng khác thường, và cho phép ngài nói lên tiếng nói chính thức cho cả một truyền thống [của những người nguyện bỏ thịt ăn chay]. Do đó, những gì ngài nói ra về vấn đề ăn thịt và sự liên hệ giữa việc ăn thịt và việc thực hành Phật pháp là những điều rất quan trọng. Chúng ta cần phải lắng nghe, cho dù rất có thể những điều này đi ngược lại với cái nhìn và những gì mà chúng ta yêu thích, hoặc có chiều hướng nằm ngoài khả năng thực hiện của chúng ta.

Trước khi chúng ta đào sâu chi tiết về những lý luận của đại sư Shabkar, chúng ta cần nên phổ biến cho mọi người biết điều này: thật là vô cùng khó khăn, nếu không muốn nói là không thể thực hiện được, để đi đến một định nghĩa chung dựa trên giáo lý của đạo Phật về vấn đề ăn thịt – định nghĩa chung nào mà có thể kêu gọi được sự biểu đồng tình từ tất cả các phe phái. Điều

này vô cùng khó bởi vì chính thái độ của đức Phật về vấn đề ăn thịt, như đã được ghi lại trong kinh điển, xem chừng là một thái độ mơ hồ, không rõ ràng. Trong một số kinh điển, nhất là trong các bộ kinh tìm thấy trong truyền thống Tiểu-Thừa, chúng ta thấy là đức Phật khuyên các đệ tử nên bỏ ăn chỉ có vài ba loại thịt [được coi là không trong sạch]; do đó, lời khuyên này có hàm ý là ngoài ba loại thịt không trong sạch đã bị cấm thì thịt nói chung là một món ăn có thể chấp nhận được. Đức Phật cũng cho phép tăng đoàn ăn những loại thịt đặc biệt có đủ tiêu chuẩn [được coi là trong sạch]. Trong những dịp khác, người ta nói là chính đức Phật cũng đã ăn thịt, và có những nguồn tin xác nhận rằng cái chết của đức Phật xảy ra vì ngài đã ăn phải một món thịt heo đã nhiễm độc do đệ tử cúng dường. Điều này đã gây ra ít nhiều tranh cãi. Ở những nơi khác, rõ ràng nhất là trong kinh Lăng-già (Lankavatara-sutra) cũng như trong các kinh điển Đại-Thừa khác, đức Phật lại chỉ trích việc ăn thịt một cách nặng nề bằng những lời lẽ quyết liệt nhất, và cấm ngặt việc ăn thịt trong bất cứ hoàn cảnh nào. Cuối cùng, trong một số các bộ luận đặc biệt thuộc về Mật-Điển, việc ăn thịt, cũng như uống rượu, không những được cho phép mà còn có vẻ như được tán thành và cổ võ.

Đại sư Shabkar đã tiếp cận vấn đề hóc búa này bằng tinh thần của con đường chuyển hoá từ từ (the gradual path), và ngài giải thích về những xung đột quá rõ ràng trong kinh điển như là những biểu lộ của khả năng giáo huấn của đức Phật. Đã chứng được đạo quả giác ngộ,

đức Phật không có ý định đi tìm cách chứng minh quyền năng của Ngài bằng cách tuyên bố rằng chân đế tối thượng hoà nhập tánh Không, vì Ngài biết rằng điều này nằm ngoài khả năng lãnh hội của thính chúng. Ước nguyện đầu tiên của Ngài là giúp cho những người khác đạt đến được trình độ hiểu biết như Ngài, và qua cách đó, Ngài là một người vô cùng thực tiễn. Ngài biết là người ta chỉ có thể chuyển hoá nhờ vào những gì mà người ta có thể hiểu được hoặc thực sự áp dụng được, nên Ngài không làm cho họ bối rối với những lời lẽ cao siêu, viển vông, hay cố gắng áp đặt những giới luật nằm ngoài khả năng của họ. Ngược lại, Ngài đã thuyết pháp tùy theo căn cơ và nhu cầu của đại chúng.

Do đó, những giáo huấn được ghi lại trong kinh điển là những chứng cứ tùy hoàn cảnh, được nói ra trong một trường hợp đặc biệt nào đó, với riêng một số cá nhân nào đó. Giáo huấn thích hợp với một cá nhân hay một nhóm nhỏ cá nhân không nhất thiết là thích hợp cho những kẻ khác. Những lời hướng dẫn dành riêng cho những đệ tử căn cơ thượng thừa có phần nào gần gũi với chính hiểu biết của đức Phật, chắc chắn những lời hướng dẫn này không thể phù hợp với những đệ tử sơ căn là những người rất cần một con đường chuyển hóa từ từ. Tất cả kinh điển Phật giáo biểu trưng cho toàn bộ giáo huấn ở tầm mức rộng rãi, nhưng tựu chung, tất cả những giáo huấn này chỉ có một mục tiêu duy nhất là đưa chúng sinh đến bờ giải thoát.

Có hai điều mà chúng ta có thể kết luận được sau đây. Thứ nhất, phải công nhận là có một hệ thống giáo huấn rất quy củ, rất xác thực. Hệ thống giáo huấn này gồm có những hướng dẫn căn bản, cần thiết được giảng dạy tùy theo nhu cầu, và tiếp theo sau đó, là những hướng dẫn ở mức độ đòi hỏi cao hơn, được đào sâu hơn khi nào học trò đã sẵn sàng hơn. Đối với đại sư Shabkar cũng như đối với tất cả các vị thầy theo truyền thống Phật giáo Tây-Tạng, những giáo huấn được đề ra trong Tiểu-Thừa là những giáo huấn tốt cùng quan trọng, đặt nền móng cho sự hiểu biết chín chắn và thực hành chín chắn. Nhưng những giáo huấn này không phải là chấm hết. Những giáo huấn của Đại-Thừa vượt trội lên trên những giáo huấn Tiểu-Thừa, và cũng như thế, ngay trong truyền thống Đại-Thừa, những giáo huấn Kinh-Điển là nền móng chuẩn bị cho sự vượt trội của những giáo huấn về Mật-Điển. Nhờ vào đó, toàn bộ giáo huấn của đức Phật đã dung nhập một cách rất hoà hợp và khít khao; những hướng dẫn xem chừng thiếu sót ở tầm nhìn cao được đặt đúng vào vị trí căn bản, cần cho sự chuẩn bị ở phía dưới của cây thước đo. Nếu nhìn theo cái nhìn như trên thì những giáo huấn trong kinh điển của cả Tiểu-Thừa lẫn Đại-Thừa đều có thể hoà hợp thống nhất với nhau, và thật sự không cần thiết để phải ước đoán, như có một số người có thẩm quyền đã làm, rằng có thể có nhiều kinh điển đã được học trò đòi sau hoặc tự ý thêm vào, hoặc cố tình diễn giải sai lạc những lời Phật dạy.

Kết luận quan trọng thứ nhì là những các giáo huấn của đức Phật đều vô cùng xác thực tùy trường hợp và tùy hoàn cảnh mà giáo huấn đó đã được giảng dạy. Thật là một lỗi lầm to lớn nếu ta trích dẫn và áp dụng những giáo huấn này một cách chung chung, không đặt chúng trong đúng khung cảnh đã được đề ra cho việc chỉ dạy. Do đó, phải hiểu là một giáo huấn được đưa ra trong khung cảnh Tiểu-Thừa nằm bên ngoài khung cảnh của Đại-Thừa, cũng như giáo huấn này sẽ không xác thực cho mấy khi được đem lồng vào khung cảnh Đại-Thừa. Như đại sư Shabkar đã chứng minh cho chúng ta thấy, phần lớn, chính cách nhìn hời hợt và sai lạc của chúng ta khi đọc kinh điển đã đưa đến tình trạng hoang mang bối rối [khi chúng ta đề cập đến] vấn đề ăn mặn trong đạo Phật.

Như chúng ta đã nhận thấy, cho dù truyền thống Đại-Thừa hiện diện khắp nơi ở Tây-Tạng, cho dù rất nhiều vị đại sư đã thuyết giảng và sống theo đúng tất cả những gì rất ráo tinh khiết nhất của giáo huấn của Đại-Thừa, nhưng việc áp dụng tinh thần Đại-Thừa trên vấn đề ăn thịt là một áp dụng không thực tế với đa số người dân Tây-Tạng. Và như chúng ta đã suy đoán, cách dùng kinh điển và trích dẫn kinh điển vô căn cứ (đặt bên ngoài hoàn cảnh mà giáo huấn đó đã được giảng dạy), thật ra chỉ là một phần của một khung cảnh ‘nhân tạo.’ Khi người ta bị cưỡng ép, chính vì những yếu điểm của họ, để hành động trái ngược lại với lý tưởng thì điều tự nhiên nhất là người ta sẽ cố gắng tìm cách biện minh hoặc chứng minh rằng việc làm của mình là

đúng, một là để đỡ quê mặt, hai là để làm nhẹ bớt hậu quả tâm lý nặng trĩu gây ra vì việc làm này. Trong những trường hợp thực sự khó khăn, điều tự nhiên nhất người ta làm vẫn là không tìm cách chống chọi mà cứ buông xuôi theo hoàn cảnh. Chẳng hạn như ở hai vùng Kham và Amdo, vào cuối mùa đông, người ta đói kinh khủng là đói. Nếu vào lúc đó, người ta có thịt để ăn thì phải là một người có trái tim sắt đá ghê lắm mới nỡ lên tiếng phê bình và đặt câu hỏi với những kẻ đi mua thịt về để ăn – cho dù những kẻ này chẳng hề lo nghĩ xem thịt này từ đâu tới và tự cho là họ không có trách nhiệm gì hết với cái chết của con vật.

Nhưng cho dù những lý luận dựa trên hoàn cảnh đặc biệt này, đã và đang từng có sức thuyết phục đến thế nào chăng nữa tại Tây-Tạng, thì điều quan trọng vẫn là việc phải tiếp tục giữ gìn những nguyên tắc trọng yếu. Cho dù việc ăn thịt có thể được biện minh một cách thích đáng trong một vài trường hợp cá nhân hoặc hoàn cảnh đặc biệt, nhưng chúng ta không thể để cho điều này che mờ một sự thật hiển nhiên khác: đó là việc ăn thịt có khả năng phá hoại lý tưởng Đại-Thừa, và trong những trường hợp bình thường khác, việc ăn thịt tự nó là một việc làm không thể nào chống chế hay bào chữa được. Có một điều rất rõ ràng trong những trước tác của đại sư Shabkar, điều này trở thành là một trong những mối bận tâm nhất của ngài: Cho dù những điều kiện thực tế có khó khăn đến cách mấy chăng nữa thì chúng ta vẫn cần phải cất lên tiếng nói trung thực và giữ cho lý tưởng sống còn. Tất cả những điều này đã

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

giúp đưa đại sư Shabkar lên một địa vị sắc sảo, nổi bật hơn nữa. Những giáo huấn về vấn đề ăn thịt của ngài xem chừng rất lạ thường và quá lý tưởng ngay chính ở phương Tây giàu mạnh, đừng nói chi đến xứ Tây-Tạng với những điều kiện sống vô cùng kham khổ, khắc nghiệt.

Cho dù như vậy, điều hiển nhiên ở đây là không có giới luật nào mà không uyển chuyển [không có cái gì quá cứng nhắc, quá cố định]. Bất kể khung cảnh văn hoá địa dư như thế nào thì hành động cư xử của mỗi người vẫn tùy thuộc nơi căn cơ và sự lựa chọn của riêng cá nhân. Có một điều rõ ràng là [khi phải lựa chọn hành động], sự thành-tâm-dựa-trên-hiểu-biết-đúng-đắn là yếu tố quan trọng nhất, cho dù lắm khi ta phải công nhận là sự ‘tự lừa dối’ cũng có thể trở thành một người bạn đường dai dẳng, nhất là khi khả năng xét đoán của ta bị lòng ham muốn và năng lực của thói quen lôi kéo.

Đại sư Shabkar hoàn toàn ý thức về những yếu tố rắc rối này, và thái độ của ngài đến từ một cái nhìn thực tiễn nhuốm lòng từ bi. Ngài ân hận và thương xót nhìn thấy cảnh tượng [người ta ăn thịt], nhưng đồng thời, ngài cũng biết rất rõ pháp tu [bỏ ăn thịt] mà ngài đang cố võ là một việc làm quá tầm tay với đối với rất nhiều đồng bào Tây-Tạng của ngài. Dù sao đi nữa, ngài vẫn tiếp tục cố võ pháp tu này, nhưng cố võ mà không xét đoán hay ra mặt đạo đức. Ngài thương xót cho những nạn nhân của đồ tể, và tỏ ra thiếu kiên nhẫn với thuật

nguy biến và đạo đức giả của một số các pháp tu đã ổn định lâu đời. Nhưng ngài cũng biết là trong những trường hợp này – rất có thể là trong bất cứ trường hợp nào khác cũng thế – điều tốt nhất mà ngài có thể làm để giúp cho hoàn cảnh trở nên sáng sủa hơn là thuyết phục và làm gương cho mọi người.

Phần đầu trong quyển tiểu sử của đại sư Shabkar được kết thúc bằng những câu kệ, ngài đã duyệt lại thành quả của mình kể cho đến ngày hôm đó, tức là cho đến năm ngài 56 tuổi. Tự lên tiếng thay cho mình, ngài nói như sau, ‘Tôi đã giữ trọn giới khát sĩ Ba-la-đề-mộc-xoa (Pratimoksha), Bồ-Tát giới, cũng như những giới của Mật-Thừa. Tôi đã từ bỏ thịt, rượu, tỏi, hành, và thuốc lá, và nuôi sống tôi bằng ba thực phẩm trắng, ba thực phẩm ngọt, bằng trà và bơ và bột tsampa.’ [KWGJ, f480b] Sau đó, ngài nhắc đến những đệ tử của ngài: 108 đại đệ tử tâm truyền, 1,800 đại thiên giả, cả nam lẫn nữ, mười ngàn, trăm ngàn những vị tăng ni là môn đồ của ngài hiện đang sống trong những tu viện, cũng như vô số những đạo sư du-già, những hành giả sống tại các làng mạc, cùng những người tu tại gia, họ đã cố gắng tu tập như thế nào qua việc cầu nguyện, nhịn ăn (fasting), và trì chú. Trong số đệ tử không lồ này, ngài nhắc riêng đến một số người mà ngài dành cho danh dự đặc biệt, những người này ‘nhờ chúng đắc được tâm từ bi và tâm Bồ-Đề tối thượng, đã hoàn toàn bỏ ăn thịt.’ [KWGJ, f480b] Số người này lên đến khoảng 300 người – một con số ít ỏi so với tổng số đệ tử của ngài

nhưng đã được ngài nhắc đến với tất cả lòng hoan hỉ biết ơn.

Tất cả những đệ tử còn lại của đại sư Shabkar đều là dân ăn thịt – ngài đã thu nhận họ như những người học trò cần được huấn luyện trên con đường tu. Trong phần viết về ‘Những Lỗi Lầm Của Việc Ăn Thịt’ (*The Faults of Eating Meat*), đại sư Shabkar trích dẫn Đại-bát Niết-bàn kinh (*Mahaparinirvana-sutra*), trong đó đức Phật có nói rằng, ‘Giáo huấn của Ta không giống như là giáo huấn của một kẻ trần tròng tu khổ hạnh. Ta, đấng Như Lai, đưa ra những giới luật có liên hệ với từng trường hợp của từng cá nhân.’ Noi theo truyền thống đó, đại sư Shabkar không phải là một người theo chủ nghĩa cố chấp, chỉ biết cố võ một giới luật duy nhất trong tất cả mọi hoàn cảnh. Điều ngài quan tâm đến nhất là mọi người cần phải thay đổi và trưởng thành. Đối với chúng ta là những người đang đi trên con đường đạo, chúng ta đang phải đối diện với những đòi hỏi đôi khi quá sức chịu đựng của mình. Do đó, phương cách hữu hiệu và thực tế nhất để chúng ta có thể tiếp cận những vấn đề này là tự nhận lấy một thái độ nhún nhường, và sẵn sàng dần bước khởi đầu từ ngay nơi chúng ta đang đứng (‘start where we are’), với tất cả vốn liếng thô thiển sẵn có trong ta, với tất cả những cá tính của riêng ta, những nhu cầu của ta, những yếu điểm của ta. Nếu, vì bất cứ lý do gì mà chúng ta không thể bỏ ăn thịt được thì chính trong địa vị của người đang ăn thịt, chúng ta sẽ khởi sự tự rèn luyện. Và hiển nhiên là chúng ta đang được rèn luyện

và đang tiến dần đến một mục đích. Chỉ một điều này không thôi cũng đủ là lý do chính đáng để ta cần phải tôn trọng ý kiến [về việc bỏ ăn thịt] và không nên áp đảo ý kiến này bằng những tranh luận phiến diện. Khi ta chấp nhận rằng ta có tiềm năng để thay đổi thì đây chính là điều kiện tiên quyết cho những tiến triển đạo đức. Theo bước chân của chư Bồ-Tát, ta phải sẵn sàng chờ đợi chuyện ta sẽ được chuyển hoá; và trong chiều sâu và chiều rộng của sự chuyển hoá đó, thì chuyện ta có thể phải điều chỉnh cách thức ăn uống dinh dưỡng xem ra cũng chỉ là một thay đổi rất nhỏ bé mà thôi.

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VÀ NGUYÊN TẮC BA LẦN THUẦN TỊNH

Dù các Phật tử thuộc những truyền thống khác nhau có thể đưa ra bất kỳ lý do gì để biện minh cho việc ăn thịt, thì tất cả họ đều có chung một quan điểm: đó là lấy đi sinh mạng của sinh vật khác là một tội ác. Giới nguyên tử bỏ sát sinh là giới đầu tiên của người Phật tử, và chính việc trở thành một Phật tử, thông qua quy y Tam Bảo, đồng nghĩa với việc cam kết không gây hại cho bất kỳ một chúng sinh nào. Ngoài ra, Phật tử cũng cùng chung quan điểm rằng lấy đi sinh mạng trong tình huống bình thường sẽ dẫn đến việc gieo trồng hạt

giống đau khổ trong dòng tâm thức của kẻ gây tội. Hiển nhiên việc có thịt để ăn sẽ liên quan đến cái chết của động vật, và nếu con vật đó bị giết chứ không phải chết một cách tự nhiên, thì câu hỏi đặt ra ở đây là liệu những người ăn thịt có phải chịu toàn phần hay một phần nghiệp quả của việc giết động vật này hay không. Có thể câu hỏi này là một trong những lý do đức Phật truyền dạy nguyên tắc ba lần thuần tịnh. Theo giáo huấn này, một người có thể ăn thịt mà không phải chịu lỗi lầm của kẻ giết động vật để lấy thịt, nếu người đó không nhìn, không nghe, và không có một chút nghi ngờ nào về việc con vật bị giết hại với mục đích rõ ràng là để cung cấp thực phẩm cho người đó. Ngược lại, một người ăn thịt mà biết rằng con vật bị giết hại vì mục đích làm thực phẩm cho mình thì người đó sẽ trở thành tòng phạm với kẻ giết thịt và cùng chịu nghiệp quả trong hành động giết hại. Điều này sẽ tạo một nghiệp xấu tương ứng với hành động giết hại. Nguyên tắc về ba lần thuần tịnh, cũng giống như những chỉ dạy về giới luật của đức Phật, tương ứng với hoàn cảnh và tình huống – trường hợp này là những nhà sư đi khất thực nhận thức ăn hàng ngày qua sự cúng dường của người khác. Tập tục này vẫn được các nhà sư theo truyền thống Thượng Tọa Bộ (Theravada) tại Thái Lan

và các nơi khác thực hành, được tiến hành theo một lễ nghi đơn giản và đẹp đẽ, thường trong bối cảnh hoàn toàn ỉn danh. Ngay khi trời tờ mờ sáng đủ để nhìn thấy đường, những nhà sư này rời khỏi những nơi ỉn thất [tu viện] hẻo lánh trong rừng (viharas), đi đến công làng nơi những Phật tử tại gia mộ đạo cúng dường thực phẩm vào các bình bát của họ, và sau đó các nhà sư sẽ ăn bất kể đồ cúng dường đó là gì. Không ai nói một lời nào. Các nhà sư thể hiện lòng biết ơn của mình bằng cách cúi đầu chào, và sau đó rời đi. Họ không có một chút cảm giác nào về thú vui ăn uống thể tục, mà cũng không có một thảo luận gì về nguồn gốc của thực phẩm. Sau đó, đúng thông lệ là các nhà sư sẽ ăn những thực phẩm có trong bát của mình một cách chánh niệm, dù tốt hay xấu, dù thơm ngon hay kinh tởm, họ chấp nhận bất kể thứ gì họ nhận được với một thái độ bình thản.

Đối với tăng đoàn thì hành động giết hại hoặc làm cho kẻ khác bị giết, ngoài bản chất tội lỗi và bất thiện, sẽ gây ra một gốc rễ của bạo lực dẫn đến sự phá hủy giới tu. Do đó, đối với giới tăng ni, việc chấp nhận thực phẩm cúng dường chứa thịt liệu có dẫn đến tòng phạm với kẻ đồ tể hay không? – một vấn đề có cùng độ quan

trọng. Do đó mục đích nguyên tắc ba lần thuần tịnh được dùng để chỉ ra các tình huống mà các nhà sư có thể ăn thịt mà không hủy hoại giới luật, nếu thịt xuất hiện trong bình bát khất thực của họ. Nói cách khác, mối bận tâm trước tiên là sự thuần tịnh của giới luật và nguyên nhân tích tụ nghiệp xấu. Trọng tâm của mỗi quan tâm này là hướng đến chính bản thân các nhà sư. Trong truyền thống Nguyên thủy (Hinayana) của Giới Ba-la-đề-mộc-xoa (Pratimoksha), những nhà sư này quan tâm chủ yếu đến trách nhiệm giải thoát chính mình khỏi vòng đau khổ luân hồi, và đi liền với đó là sự thuần tịnh trong giới nguyện của họ.

Hiển nhiên là trong khung cảnh văn hóa khác với trường hợp vừa đề cập trên đây, thì hầu như không thể tìm được thực phẩm nào mà lại có tính chất ba lần thuần tịnh. Có thể là các nhà sư ở trong rừng hoàn toàn không biết gì về nguồn gốc của thực phẩm, hoặc họ có thể, một cách hợp lý, cho rằng những gì được đặt hàng ngày vào bình bát của họ là một phần đồ ăn thông thường của người cho, và rằng những mẩu thịt nhỏ xuất hiện trong bát của họ là một phần của những gì dân làng đã giết hại hoặc mua cho bản thân họ ăn. Ngoài bối cảnh rất cụ thể này, các hoàn cảnh khác và

những phát sinh về đạo đức liên quan là vốn dĩ rất khác nhau. Cộng đồng tu viện tôn giáo Tây-Tạng là một thế giới khác xa với những nơi ẩn dật rừng sâu của Ấn độ hay Nam Á. Các tu viện Tây-Tạng thông thường rộng mênh mông và rất nhiều tu viện được đặt ở những khu vực hẻo lánh, thưa dân cư. Đồ dùng được cung cấp theo quy mô lớn và phải được mua bán và vận chuyển đến. Theo đại sư Shabkar quan sát thì điều này có nghĩa là cần đến giao thương và từ thị trường. Và cứ nơi nào có thị trường, bất kể đó là một cửa hàng tạp hóa của người thuộc vùng Hy-mã-lạp-son hay từ một chợ địa phương ở Châu Âu hay Châu Mỹ thì ba lần thuần tịnh sẽ không áp dụng được. Khi nói về điều này, mục đích của đại sư Shabkar là đặt vấn đề theo đúng hoàn cảnh của nó, và để chỉ ra rằng không thể lấy có để biện minh cho việc ăn thịt của các nhà sư Tây-Tạng. Mục đích của nguyên tắc ba lần thuần tịnh này là để phân lập ra một loại thịt duy nhất mà việc tiêu dùng nó không làm hủy hoại giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Mặt khác, nói trắng ra, việc cung cấp thịt ‘thanh khiết’ theo một quy mô rộng lớn đã là một sự mâu thuẫn ngay từ trong ý niệm. Dù rằng việc ăn thịt ở Tây-Tạng rất khó tránh, nhưng sự viển vông đến nguyên tắc “ba lần thuần tịnh”

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

để bệnh vực và bình thường hóa việc ăn thịt này là không chính đáng.

Đối với những người có thể và có thiện chí từ bỏ việc ăn thịt trong khí hậu khắc nghiệt của Tây-Tạng, thì có nghĩa là thực tế họ phải sẵn sàng sống trên bờ vực của sự chết đói. Phong cách sống này rõ ràng không phải cho số đông. Tuy nhiên, đại sư Shabkar không phải là một trường hợp độc nhất. Trong giai đoạn ban đầu của Phật giáo Tây-Tạng, từ bỏ ăn thịt trong các tu viện chắc chắn là một quy tắc, như được thấy trong luật lệ của Vua Trisong Detsen (thực tế này được đại sư Shabkar đề cập đến trong tác phẩm khác của ngài). Phải thừa nhận rằng, mô hình tu viện tại thời điểm đó chắc chắn nhỏ hơn nhiều và có số lượng chư tăng ít hơn nhiều so với các tu viện thời gian sau này. Thời kỳ đó, họ cũng được hưởng sự bảo trợ của hoàng gia và cũng được cung cấp đầy đủ đồ dùng. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, trong tất cả các giai đoạn lịch sử của Tây-Tạng thì luôn luôn có những đạo sư, và không có gì để nghi ngờ, một phần trong số các môn đệ của họ từ bỏ việc ăn thịt. Rất nhiều môn đệ của dòng Kadampa đã làm như vậy, bắt đầu với chính đại sư Atisha, và theo sau đó là các bậc đại sư và các hành giả

của tất cả các tông phái – như ngài Milarepa, ngài Drikung Kyobpa, ngài Taklung Thangpa, ngài Phagmo Drupa, ngài Thogme Zangpo, ngài Drukpa Kunleg...v.v..., cho đến những đại sư của giai đoạn gần đây như ngài Jigme Lingpa, ngài Nyakla Pema Dudul, và ngài Patrul Rinpoche. Trong trường hợp của vị đại sư Patrul Rinpoche, tác giả trứ danh quyển *'Lời Vàng Của Thầy Tôi'*, thì mọi người đều biết rằng, thông qua sự bộc lộ không ngại nghĩ về Bồ Tát Hạnh và thông qua những lời dạy lặp đi lặp lại của ngài về cảnh ngộ khốn khổ của động vật, đại sư Patrul Rinpoche đã xóa bỏ rất có hiệu quả việc thực hành giết mổ động vật để cúng dường thịt của động vật đó cho các vị lạt-ma đến thăm tại nhiều vùng của miền Đông Tây-Tạng.

ĂN THỊT VÀ PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

Nguyên tắc ba lần thuần tịnh được thiết lập trên bối cảnh của giáo pháp Nguyên thủy (Tiểu-thừa) như là một hướng dẫn để đảm bảo sự nguyên vẹn của những giới nguyện Ba-la-đề-mộc-xoa. Đối với Đại-thừa, có một sự thay đổi sâu sắc về trọng tâm hướng đến: đó là

chuyển từ ước nguyện muốn giải thoát bản thân khỏi những đau khổ sang sự nhận biết mãnh liệt về nỗi khổ của tất cả chúng sinh và gieo trồng ước nguyện bảo vệ và giải thoát họ. Bởi vì khả năng giải thoát cho người khác ngụ ý đồng thời thành tựu giải thoát cho chính mình nên giáo pháp Tiểu-thừa không hề bị khước từ; ngược lại giáo pháp đó là cơ sở nền tảng của Phật giáo Đại-thừa, được kết hợp và tôn lên trong Phật giáo Đại-thừa. Sự cần thiết của việc ‘giải thoát cho bản thân mình’ được thừa nhận, tuy nhiên sự chuyển trọng tâm sang ‘giải thoát cho người khác’, hoặc nói một cách chính xác hơn, hướng tới trạng thái trí tuệ mà ở trong đó không còn khái niệm và hiện hữu về sự phân biệt giữa bản thân mình và người khác.

Việc quán chiếu và nghiền ngẫm về sự phân cực giữa bản thân và người khác là một việc làm quan trọng. Trong giáo pháp đạo Phật có nói đến một sự thật là tất cả những chúng sinh hữu tình, không có ngoại trừ, đều trải nghiệm một cảm nhận về cái “Tôi”, về cái ngã mà họ bám chấp vào. Họ phục vụ lợi ích của cái ngã tưởng tượng này, họ lo sợ và kháng cự lại bất kỳ cái gì đe dọa cái ngã đó. Họ muốn hạnh phúc; họ không muốn bị đau khổ. Niềm khát khao cơ bản này là cơ sở không

chỉ cho sự tồn tại của cá nhân mà còn cho sự tìm kiếm tâm linh, và niềm khao khát đó cũng bám rễ sâu như sự bám chấp vào bản ngã. Như bất kỳ ai khác, những người thực hành giáo pháp Tiểu-thừa cũng đấu tranh để đạt được hạnh phúc, và với họ là hạnh phúc trọn vẹn ở cõi niết bàn. Ước nguyện giải thoát cá nhân – giải thoát cho chính bản thân họ – về bản chất cũng hoàn toàn giống như sự thôi thúc kiếm tìm hạnh phúc của những chúng sinh ít năng lực hơn, và đối với những chúng sinh này thì đó là căn nguyên dẫn đến cõi luân hồi. Một đặc điểm trong biệt tài giảng dạy của Đức Phật là việc Ngài đã khéo sử dụng động lực cơ bản của lợi ích cá nhân trở thành một nguồn năng lượng để kéo những học trò của Ngài vượt khỏi luân hồi và tâm bám chấp vào bản ngã, mà tâm này chính là nguyên nhân của luân hồi. Như đức Đạt Lai Lạt Ma thường nói, chúng ta là những chúng sinh lấy mình là trung tâm; Đức Phật đã dạy chúng ta làm thế nào để việc coi mình là trung tâm trở nên khôn ngoan. Khi lưu ý đến điều này, chúng ta có thể hiểu được tại sao giáo pháp về Tiểu-thừa lại có tính chất đưa ra các quy định và phạm vi hạn chế dựa trên giới luật. Nếu những nguồn năng lượng không được kiểm soát sẽ dẫn đến những đau khổ của luân hồi, vì vậy chúng được ràng

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

buộc bởi những giới nguyện; khi đó những nguồn năng lượng này được sử dụng và hướng đến các kết quả tốt. Một người học hỏi để từ bỏ tiêu cực và vận dụng những nguyên tắc kỹ xảo của giới luật, sự tập trung vào trí tuệ, xuất phát từ sự dẫn dắt của động lực căn bản của chính họ: sự khát khao hạnh phúc cho bản thân.

Trái lại, trong Phật giáo Đại-thừa, có cái gì đó đi ngược lại bản chất (khuynh hướng) này. Thực ra xem xét một cách kỹ lưỡng và chân thực về bản ngã cho thấy rằng chúng ta không phải là hoàn toàn vị tha một cách tự nhiên, tức là [chúng ta không tự nhiên] lo lắng cho người khác trên cả sự tổn hại lợi ích của bản thân mình. Chủ nghĩa vị tha đưa chúng ta vượt ra ngoài bản thân mình, và là một thứ mà chúng ta phải học một cách có ý thức. Hơn nữa kinh nghiệm cho thấy rằng, để có được mong muốn cam kết với bất kỳ một giáo pháp nào thì người môn đồ cần được truyền cảm hứng và thiết tha đạt đến mục tiêu. Đây là lý do tại sao trong Nhập Bồ Tát Hạnh, lại phân biệt giữa Bồ Đề tâm nguyện – quan tâm và ước nguyện đạt được quả vị giác ngộ tối thượng vì lợi ích của người khác – với Bồ Đề tâm hạnh – thực sự tham gia và thực hành theo con

đường của Bồ Tát để có thể đạt được mục tiêu giác ngộ.

Theo sự giải thích của những giáo huấn, hai mặt của Bồ Đề Tâm này gắn liền với những giới nguyện và giới luật khác nhau, và trong phần đầu của chương Cam Lộ của sự Bất Tử (*The Nectar of Immortality*), đại sư Shabkar đề cập đến hai loại thực hành mà đặc biệt gắn liền với Bồ Đề tâm nguyện. Thực hành đầu là giáo huấn bảy-bước nổi tiếng, được thiết lập nhằm tạo cảm giác gần gũi với người khác. Thực hành này là dựa vào sự hiểu biết rằng tất cả chúng sinh, tại thời điểm nào đó trong suốt quá trình luân hồi của họ, đã liên hệ với chúng ta trong mối quan hệ bố mẹ - con cái. Mục tiêu của thực hành này là để nhận ra rằng tất cả chúng sinh tại một thời điểm nào đó đã rất gần gũi với chúng ta và yêu thương chúng ta sâu sắc, dù hiện giờ họ có ở hình dạng và hình thái nào đi chăng nữa. Chúng ta đã hoàn toàn quên mất họ, những người đã từng yêu thương chúng ta, cũng như chúng ta sẽ nhanh chóng quên đi những người – vợ, chồng, người yêu, bố mẹ, con cái – những người rất thân yêu của chúng ta trong kiếp hiện tại, và đó là một tấn bi kịch lặp lại trong sự tồn tại luân hồi của chúng ta. Kết luận mà chúng ta thu được qua

những suy nghĩ như vậy là tất cả chúng sinh, dù là con người hay con vật, bạn bè hay kẻ thù, dù [ta] biết hay [ta] không biết – tất cả đều là những người thân yêu đã thất lạc từ lâu.

Thực hành thứ hai gắn kết với Bồ Đề tâm nguyện là thực hành về “sự bình đẳng và hoán đổi”. Điều này được ngài Tịch Thiên (Shantideva) diễn giải chi tiết tại tác phẩm Nhập Bồ Tát Hạnh và là phương pháp mang nhiều tính triết học hơn. Phương pháp này sử dụng chiêm nghiệm lô-gic để làm suy yếu sự phân biệt có vẻ rất vững chãi giữa khái niệm ta và người, để chỉ ra rằng những khái niệm này chỉ là những khái niệm được xây dựng mà không có một giá trị thực chất nào – cũng chỉ như một huyễn tượng về thị giác mà thôi. Hai phương pháp này phối hợp tốt với nhau. Thực hành về sự bình đẳng và hoán đổi tạo ra một nền tảng tâm đúng đắn, chỉ ra rằng lòng từ bi là rất cần thiết và chính đáng. Ngược lại, giáo huấn bảy-bước lại khơi dậy cảm xúc rất nhiều và được thiết lập để tạo một cảm nhận gần gũi vô cùng với các chúng sinh khác và với những nỗi đau khổ của họ, để tâm [của ta] cảm kích với mong nguyện, và thực chất là quyết định phải làm một cái gì đó để giảm bớt [nỗi khổ] và giải thoát cho họ. Khi cả

sự thấu hiểu và cảm xúc được tạo dựng và phát triển đến một mức độ đủ mãnh liệt thì lòng từ bi thực sự sẽ xuất hiện. Một lần nữa, cần phải nhấn mạnh rằng hai giáo huấn này tạo thành một phần của những cam kết gắn liền với Bồ Đề tâm nguyện. Chỉ khi nào hai thực hành này nhuần nhuyễn thì Bồ Đề tâm chân thực mới nảy nở trong tâm thức. Điều này tất nhiên không có nghĩa là một người phải đợi cho đến khi hoàn toàn thấu triệt những giáo huấn về Bồ Đề tâm nguyện thì mới tham gia những hoạt động gắn liền với Bồ Đề tâm hạnh (bồ thí và các ba-la-mật-đa khác). Tuy nhiên, chỉ đến khi các huấn luyện trước [Bồ Đề tâm nguyện] được thấm nhuần, thì những rèn luyện sau [Bồ Đề tâm hạnh] mới có thể được thực hành một cách trọn vẹn.

Do vậy, những giáo huấn gắn với Bồ Đề tâm nguyện là nền tảng của thực hành Đại-thừa, và việc đại sư Shabkar đề cập đến những giáo huấn này trong phần mở đầu tác phẩm của ngài không phải là một điều gì bất thường. Cái gây chú ý là sự liên hệ giữa những thực hành này và việc ăn thịt mà ngài đã chỉ ra. Bởi vì ngài đã nói rằng khi sự rèn luyện tâm đã được thuần thực, ví dụ, khi một người có cảm nhận sống động rằng tất cả các chúng sinh đã từng rất tử tế và gần gũi với

chúng ta như thể cha mẹ thân yêu của chúng ta vậy – thì thật sự là không thể nào [ta có thể] ăn thịt họ được. Ngược lại, việc ăn thịt, xem như là thực phẩm bình thường và ăn một cách không suy nghĩ theo một chế độ thường xuyên, cho thấy sự không nhận thức và sự thờ ơ về nỗi khổ đau của chúng sinh mà điều này là trái ngược với sự rèn luyện tâm. Do đó, sự thèm muốn ăn thịt liên tục và sự thỏa mãn những thèm muốn này có thể được xem như một dấu hiệu chỉ ra rằng sự rèn luyện Bồ Đề tâm nguyện chưa thuần thục. Ngoài ra cần phải thêm rằng, khi thiết lập chính kiến này, đại sư Shabkar không tập trung vào chỉ đơn giản là thịt mà ngài tập trung vào các chúng sinh đã bị gây đau đớn và bị giết hại để lấy thịt. Theo sau đó, sự phê phán của ngài nói về không chỉ việc tiêu dùng thịt như thực phẩm, mà còn là việc sử dụng tất cả các sản phẩm để có được chúng thì sẽ phải liên quan đến việc giết hại và đối xử tồi tệ với động vật.

Có thể đối với rất nhiều người trong chúng ta, những giáo huấn này là khó chấp nhận. Nó gợi ý rằng chúng ta, dù thực hành Pháp lâu thế nào đi nữa thì sự thèm thịt và việc tiêu dùng thịt và các sản phẩm động vật chỉ ra rằng chúng ta chẳng hơn gì những hành giả sơ cơ

trên con đường Đại-thừa. Chúng ta sẽ quay lại điểm này sau, nhưng để chuẩn bị cho việc đọc tác phẩm của đại sư Shabkar, có thể sẽ hữu ích nếu xem xét một chút sâu hơn định hướng căn bản của giáo pháp Đại-thừa, những định hướng giải thích và mang lại sự chính đáng cho những chính kiến của đại sư Shabkar.

Bên cạnh sự rèn luyện theo hai nguyên tắc cơ bản được đề cập ở trên, những người khát khao đi theo con đường của Bồ Tát Đạo được khích lệ để gieo trồng bốn thái độ [quan điểm] ‘vô lượng’. Gọi là bốn thái độ ‘vô lượng’ vì lĩnh vực thực hành của họ (tất cả chúng sinh) và phước đức thu được là rộng lớn mênh mông không thể tính đếm. Bốn thái độ này là Từ (ước nguyện chân thành rằng người khác được hạnh phúc), Bi (ước nguyện chân thành rằng người khác không phải chịu đau khổ), Hi (sự hoan hỉ chân thành trước may mắn của người khác), và Xả (khả năng áp dụng ba thái độ trước cho tất cả các chúng sinh mà không có sự phân biệt). Trong bốn thái độ này, thái độ thứ tư quan trọng nhất và cũng thử thách nhất.

Khi chúng ta xem xét thế giới từ vị trí trung tâm mà bản thân chúng ta tự cho mình ở đó, chúng ta thấy rằng

toàn thể chúng sinh hữu tình được phân thành ba loại. Thứ nhất, có những người dường như gần gũi với chúng ta, và vì vậy với chúng ta thì những người này có vẻ như xinh đẹp, hấp dẫn, tốt đẹp và quan trọng. Sau đó có những người chúng ta không thích hay sợ hãi, và những người này thì dường như xa cách, tiềm ẩn sự đe dọa, và xấu xí. Cuối cùng, giữa hai thái cực này, có vô số rất đông chúng sinh mà chúng ta chỉ đơn giản là không biết họ, không quan tâm đến họ, và liên hệ với họ trong sự thờ ơ. Lĩnh hội vấn đề theo cách như thế đóng góp vào hiện trạng mà chúng ta gọi là ở trong cõi luân hồi; nó là kết quả không tránh khỏi của một cảm giác bản ngã và bám chấp vào bản ngã. Sự phân chia thế giới thành tốt, xấu, và thờ ơ là một bản năng đã bén rễ rất sâu đến nỗi chúng ta có thói quen coi nó là hiện thực khách quan, tuy nhiên thực chất thì đó không là gì khác hơn một ảo tưởng được tạo ra bởi sự bám chấp của chính bản thân chúng ta. Sự thật là không ai sinh ra đã tự nhiên có bản chất dễ chịu, bản chất xấu, hay bản chất không quan trọng, và thực hành về sự công bằng được dùng để phá vỡ ý thức hẹp hòi của những giả định tự coi mình là trung tâm. Vì chỉ khi nào chúng ta hoài nghi về những ý tưởng này thì chúng ta mới có thể thành công trong việc bắt đầu nhìn thấy

chúng sinh khác tách rời khỏi [những giả định của] chúng ta, mà họ đến từ chính họ, theo một cách không bị méo mó bởi những thái độ và những mong đợi tự coi mình là trung tâm của chúng ta. Và có thể đây là lần đầu tiên chúng ta nhận thấy rằng, dù rằng họ cũng như mỗi quan hệ giữa chúng ta với họ khá độc lập, thì tất cả họ đều giống nhau – tất cả không một ngoại trừ, từ những đứa con thân yêu nhất của chúng ta đến những loài côn trùng chẳng hề có ý nghĩa gì (với chúng ta) cả. Bất kỳ ai cũng đều muốn duy nhất một điều, đó là đạt được hạnh phúc và thoát khỏi khổ đau. Tất cả những chúng sinh hữu tình, dù là con người hay động vật, đều ước mong được toại nguyện trong bản chất và phạm vi của trạng thái hiện thân (hình hài) hiện tại của họ.

Thật thú vị khi xem xét mức độ xung đột giữa sự thấu hiểu này với bản năng của chúng ta. Một cách tự nhiên chúng ta gán mức độ quan trọng cho bất kể những gì nằm trong phạm vi hấp dẫn [quan tâm] của bản ngã, và phương hại đến những gì không phải [là quan trọng với bản ngã đó]. Chúng ta bỏ qua những ai không đủ may mắn để nằm trong nhóm của chúng ta, quên mất rằng tất cả họ đều như nhau trong cùng một khát khao cơ bản. Chúng ta có sự ưa chuộng gắn liền với gia đình

của chúng ta, cộng đồng của chúng ta, truyền thống của chúng ta, đất nước, quốc gia, sắc tộc của chúng ta, .v.v., và dường như là đương nhiên chúng ta nuôi dưỡng và bảo vệ những thứ đó và coi đó như nhiệm vụ trước tiên, bỏ mặc những chúng sinh còn lại để họ tự xoay xở. Và trong những nhóm phân loại này chúng ta còn bỏ sung thêm loài của chúng ta nữa. Chúng ta nghĩ rằng chỉ có con người mới là quan trọng.

Rất đúng khi Phật giáo cho rằng việc được làm người có một giá trị tối thượng. Bởi vì chỉ có con (duy nhất trong thân) người [thì] mới có thể thực hiện được việc rèn luyện tâm linh một cách hữu hiệu và cuối cùng dẫn đến giải thoát. Nhưng ngoài việc này ra thì tất cả chúng sinh – cả con người và động vật – đều giống nhau. Tất cả đều bám chấp vào ý thức về bản ngã và theo đuổi lợi ích riêng của họ, bất kể là do bị thúc đẩy bởi bản năng hay do sự lựa chọn có ý thức. Khi bị tấn công, tất cả đều cố gắng tự vệ và cứu bản thân họ. Khi có cơ hội, họ tìm kiếm sự toại nguyện theo khả năng và nhu cầu của mình, cả hai [con người và động vật] đều vì bản thân họ và vì những người/con vật gần gũi với họ. Họ cố gắng tránh để khỏi bị thất vọng. Bám chấp vào huyền ảo của bản ngã, chúng sinh lang thang trong

luân hồi. Tất cả họ – tất cả chúng ta – đều đau khổ, và chính những đau khổ chứ không phải là tình trạng hiện tại của chúng ta làm chúng ta trở thành đối tượng của lòng bi mẫn. Do đó, tất cả chúng sinh, mà không chỉ là con người, đều là những đối tượng được lợi lạc từ sự giác ngộ của Đức Phật, và việc giải thoát cho tất cả họ là mục tiêu của con đường Đại-thừa. Xét về tổng thể thì đúng là con người thông minh hơn và có ích hơn các loài khác, và cũng đúng rằng vì tiềm năng tâm linh [của họ] nên thông thường con người sẽ không phải hi sinh [chỉ] vì lợi ích của con vật (mặc dù, trong trường hợp của những Bồ Tát chứng ngộ cao thì điều này có thể xảy ra, ví dụ như trong một tiền kiếp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật đã lấy cơ thể mình làm thức ăn cho hồ mẹ sắp chết đói). Mặt khác, theo quan điểm của giới Phật tử thì tôn giáo hữu thần là sai lệch khi giả định [cho] rằng con người là “Chúa tể của sáng tạo” và các loài khác được cung cấp cho chúng ta sử dụng, ăn [thịt], và mua vui. Tất cả chúng sinh xuất hiện trên thế giới này theo nghiệp lực của họ, và tất cả đều có quyền bình đẳng trên thế giới này. Nhận ra chân lý cơ bản này là một trong những mục tiêu của sự thực hành ‘Xả’ [trong bốn thái độ Từ-Bi-Hi-Xả]. Đó chính là sự thấu hiểu cảm thông với tình trạng khổ đau của

tất cả chúng sinh, con người hay chúng sinh khác, hoàn toàn không vướng vào góc nhìn lấy mình làm trọng tâm, phục vụ lợi ích và khát vọng của bản thân.

Một khi vấn đề cơ bản này được hiểu thấu đáo thì sự khác nhau giữa phương pháp Đại-thừa và Tiểu-thừa về vấn đề ăn thịt sẽ trở nên dễ hiểu. Đối với Phật giáo Đại-thừa, mục tiêu của sự quan tâm không còn nằm ở người ăn thịt và khả năng bị bất tịnh của người đó. Thay vào đó, mục tiêu hướng về nạn nhân, những chúng sinh phải chết trong nỗi sợ hãi và đau đớn để cơ thể của chúng được tiêu dùng hoặc sử dụng cho những mục đích khác. Quan tâm này là tâm điểm của những suy nghĩ và thực hành của đại sư Shabkar, và điều đó xuất hiện lặp đi lặp lại trong tự truyện [tiểu sử] của ngài. Đại sư không thể giữ yên lặng, ngài bị ám ảnh bởi nỗi thống khổ của những con vật bị săn bắn cho đến chết, hàng nghìn con bị giết, mổ để cung cấp thực phẩm cho những người không thể hoặc không chịu nuôi dưỡng bản thân họ theo bất kỳ cách nào khác. Đại sư Shabkar có cùng một tri kiến như đại sư Patrul Rinpoche khi ngài thừa nhận sự thật hiển nhiên nhưng bị tảng lờ rằng, dù động vật có yếu đuối và ngu ngốc đến thế nào chăng nữa thì chúng cũng không muốn

chết. Và ngài khóc than rằng cuộc sống của chúng, chính là tài sản duy nhất của chúng, cũng bị lấy đi từ những người và để cho những người mà, đi trái với nguyên tắc rèn luyện tâm, xây dựng hạnh phúc của họ trên nỗi khổn cùng của kẻ khác.

Nếu đó là phương pháp tiếp cận của đại sư Shabkar về vấn đề ăn thịt tại Tây-tạng thì sẽ không quá khó để tưởng tượng ra những phản ứng của ngài với tình huống, nếu mà ngài biết được, về những người đồng hương Tây-tạng lưu vong hoặc những Phật tử sống ở miền Tây giàu có, nơi mà việc mua những [thực phẩm] thay thế ngon lành và bổ dưỡng hoàn toàn không khó khăn một chút nào và nơi mà việc sản xuất thịt tạo nên một ngành công nghiệp rộng lớn, tàn bạo và vô nhân đạo đến cùng cực. Trên tất cả, ngài không thể dung thứ cho sự bóp méo những giáo huấn bởi những người tìm kiếm biện minh cho những thực hành của họ thông qua những nguy biện phục vụ bản thân và chỉ có vẻ bề ngoài, như ngài đã nhìn thấy. Ngài bác bỏ một cách vững chắc những biện hộ ‘ba lần thuần tịnh’, trước hết bởi vì những biện hộ này không thích hợp trong bối cảnh Đại-thừa, và thứ nhì bởi vì nó rõ ràng không thích hợp ở Tây-tạng. Ngài có rất ít thời gian cho những thực

hành mang tính đạo đức giả bằng cách cầu nguyện cho con vật mà mục đích chính của cầu nguyện này là để xoa dịu lương tâm cắn rứt của kẻ giết thịt và của người ăn thịt, và ngài cũng phản đối một cách mạnh mẽ ý kiến cho rằng động vật được lợi lạc khi thịt của chúng được ăn bởi những người tự cho mình là người thực hành giáo pháp nhưng lại ăn thịt vì ham muốn tầm thường.

Mặt khác, đại sư Shabkar nhận ra rằng quy tắc luôn luôn có những ngoại lệ. Ngài cũng nhận ra rằng việc ăn thịt là có thể và cần thiết trong một số trường hợp đặc biệt, ví dụ như khi chẳng còn có gì nữa để ăn, hoặc khi cần thiết để cứu chữa sự suy nhược cơ thể vật lý của những vị đạo sư cao tuổi mà nếu những vị đạo sư này chết đi thì sẽ là một cản trở lớn cho sự duy trì giáo pháp.

ĂN THỊT TRONG PHẬT GIÁO MẬT THỪA

Rất nhiều người nghĩ rằng giáo pháp Mật-thừa, con đường [cỗ xe] của những phương pháp thiện xảo trong

đó việc sử dụng đối tượng của các giác quan được đưa vào con đường thực hành, cho phép và thậm chí cổ súy việc ăn thịt cũng như uống rượu. Trong văn bản giáo huấn chắc chắn có tuyên bố rằng, trong lễ cúng dường *ganachakra* (các đại lễ cúng dường trong Mật-thừa) thì ‘thịt và rượu là không thể thiếu’. Điều này trên thực tế thường được hiểu theo nghĩa đen rằng lễ *ganachakra* là một dịp để thưởng thức thịt và rượu, đôi khi với số lượng lớn – và vì vậy có sự cho phép ăn thịt hàng ngày. Tuy nhiên trên thực tế, các đại sư Mật-thừa vĩ đại nhất trong lịch sử Phật giáo Tây-tạng từ bỏ việc ăn thịt trong tất cả các tình huống, và khuyến khích những đệ tử của họ cũng làm như vậy, chỉ ra rằng vấn đề không đơn giản như chúng thể hiện. Giáo huấn Mật-thừa về việc sử dụng đối tượng giác quan là rất vi tế, và, đối với tất cả các chủ đề phức tạp, rất dễ bị trình bày sai hay áp dụng sai.

Thông thường mà nói, mỗi một thừa trong ba thừa – Tiểu-thừa, Kinh-thừa và Mật-thừa thuộc giáo Pháp Đại-thừa – đều thể hiện phương pháp đặc trưng riêng. Giáo pháp Tiểu-thừa quan tâm đến giải thoát bản thân. Phẩm tính đặc trưng của tâm trong Tiểu-thừa là sự xả ly (*nges byung*), quyết định dứt khoát rời bỏ luân hồi.

Tiếp tục vun bồi trên quyết tâm đó, giáo pháp Đại-thừa quan tâm đến Bồ Đề Tâm, và điểm nổi bật của giáo pháp Đại-thừa là sự quan tâm đầy vị tha cho người khác và sự thấu hiểu trí tuệ tính không. Trong trường hợp của giáo pháp Mật-thừa mà thông thường được coi là ‘thừa quả, resultant vehicle’ vì nó đưa vào con đường [thực hành] những phẩm chất giác ngộ sẵn có tiềm ẩn trong như lai tánh (*tathagata-garbha*), hay Phật tánh, thì trọng tâm lại là việc nhận ra được sự thuần khiết nguyên sơ và sự bình đẳng của tất cả các hiện tượng. Ở đây, khái niệm sạch và không sạch (một sự phân biệt bám rễ sâu trong cách tạo dựng tâm lý của chúng ta và được phản ánh cũng như củng cố bởi các bối cảnh văn hóa), cùng với những khái niệm nhị nguyên đi liền với nhau như: đau đớn và thích thú, vui sướng và đau khổ, tốt và xấu, .v.v., chẳng mang một ý nghĩa nào cả. Chúng được xem như những huyễn tượng về bản ngã cần phải được vượt qua. Điều này giải thích lối sống khác thường của nhiều bậc đại thành tựu (*siddhas*) và những bậc đạo sư Mật-tông trong quá khứ. Sống bên rìa của xã hội, họ thường xuất hiện hay thường cư xử theo cách mà người thường thấy ghê tởm, nếu không nói là thực sự kinh hoàng. Ví dụ, ngài Kukuripa sống giữa bầy chó; ngài Virupa nuôi dưỡng

bản thân bằng những cái ruột ôi thiu của những con cá thối rữa; trong khi ở Tây-tạng, ngài Tsangnyon Heruka trú danh một lần đã thết đãi bản thân bằng phần óc lấy từ những chiếc đầu lâu bị xử trảm đã bị phân hủy và lên giàn được treo trên công một thành phố mà ngài tìm thấy. Những con người đó đã trở thành một nét đặc trưng rất quan trọng, nếu không muốn nói là phi thường của Phật giáo Mật-tông ngay trước thời kỳ hiện đại.

Để giúp vượt qua được khái niệm nhị quyên giữa thuần tịnh và bất tịnh chính là một lý do mà thịt và rượu, thông thường được xem như không trong sạch hay đáng bị chỉ trích trong bối cảnh của giới Phật tử, lại được yêu cầu trở thành một thành phần của thực hành Mật giáo. Bằng cách quy định sự hiện diện của thịt và rượu tại [lễ cúng dường] *ganachakra*, kinh điển và những chỉ dẫn thực hành (*sadhana*) miêu tả các yếu tố – năm loại thịt và năm loại cam lộ – những yếu tố mà đối với những Phật tử Đại-thừa thông thường hay bất kỳ một ai khác có thể sẽ thấy là không thuần tịnh, không thể chấp nhận được, hay thậm chí là ghê tởm. Lễ cúng dường *ganachakra* sẽ không bao giờ được hiểu là một cái cớ để thỏa mãn những thèm muốn bình

thường. Đức Đạt Lai Lạt ma đã nói: “Về vấn đề này, có thể có người cố gắng biện minh cho việc ăn thịt [của mình] với những lý do rằng người đó thực hành Mật giáo Du già Tối thượng (Highest Yoga Tantra). Nhưng người này không được quên rằng bao gồm trong năm loại cam lồ và năm loại thịt là những chất mà thông thường được xem như dơ bẩn và đáng ghê tởm. Một người thực hành Mật giáo Du già Tối thượng chân thực sẽ không phân biệt bằng cách chỉ ăn thịt mà không ăn những chất dơ bẩn. Nhưng chúng ta sẽ che mũi ngay nếu những chất dơ bẩn đó ở đâu đó hay ở ngay gần chúng ta, nói gì đến việc thực sự ăn chúng.” Khi xem xét tất cả những điều này, chắc chắn có một cái gì đó lộ bịch trong các buổi lễ *ganachakra* nơi mà các hành giả du già cả nam lẫn nữ ăn những miếng thịt bò được tưới bằng bia Burgundy.

Những hành giả nào có thể thưởng thức năm loại thịt và năm loại cam lồ hay bất kỳ cái gì tương tự như vậy trong một trạng thái vượt khỏi tính nhị nguyên là những hành giả Mật giáo thực thụ. Còn nếu lại chỉ là ngụy biện – tức là sử dụng lễ *ganachakra* như một lý do cho những ham muốn thông thường – thì tốt nhất là giảm thực hành xuống mức độ của một nghi lễ trống

không. Mặt khác, thậm chí trong trường hợp của một hành giả du già chân thực, thì nguyên tắc ‘thịt thuần tịnh’ cũng cần được áp dụng. Ít nhất trong trường hợp những hành giả không thể dẫn dắt thần thức của những con vật chết về một cõi Phật, thì vật phẩm cúng dường thích đáng nên là thịt của những động vật bị chết một cách tự nhiên. Ngược lại, theo đại sư Patrul Rinpoche, làm lễ cúng dường *ganachakra* từ thịt còn tươi và tốt của một con vật bị giết hại để tiêu dùng, là hoàn toàn lầm lạc. Việc làm đó như thể mời các chư Phật và chư Bồ Tát đến dự một bữa tiệc thịnh soạn và cúng dường họ thịt của chính những đứa con của họ.

Để trả lời cho vấn đề này, có thể tranh luận rằng thịt và rượu cúng dường trong lễ *ganachakra* không phải là [thịt rượu] bình thường. Chúng được tịnh hóa và chuyển đổi bởi năng lực của thần chú. Do đó, việc thưởng thức chúng là được phép. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng khi những người làm lễ cúng dường *ganachakra* là những bậc thành tựu, những người đã chứng ngộ tính thuần tịnh nguyên sơ và tính bình đẳng của tất cả các hiện tượng và khi họ thọ dụng thì những vật phẩm cúng dường thực sự được chuyển đổi. Hơn nữa chỉ có họ mới có thể mang lại lợi lạc cho những

chúng sinh mà cơ thể chúng được dùng làm thịt để thọ dụng.

Người ta thỉnh thoảng trích dẫn từ mật điển và nói rằng “bậc từ bi ăn thịt; bậc gìn giữ mật nguyện uống rượu.” Đối với vấn đề này, đại sư Shabkar đáp rằng, “Đức Phật và các đấng Thanh văn đệ tử của Ngài, sáu đại sư lòng lẫy và hai bậc siêu việt của xứ Ấn, đại sư Atisha và những đệ tử tâm truyền của Ngài cùng tất cả những bậc cao quý khác không ăn thịt mà cũng chẳng uống rượu. Vậy nếu những phản biện trích dẫn trên là đúng thì một người sẽ buộc phải kết luận rằng Đức Phật và các bậc nói trên không có lòng từ bi hay không giữ mật nguyện, hoặc lòng từ bi của các bậc này ít hơn lòng từ bi của những người đã đưa ra câu nói phản biện đó.” Nói cách khác, thực sự không thể luận giải theo nghĩa đen của đoạn văn đang bàn luận. Sẽ hợp lý hơn nếu xem xét câu trích dẫn như một ví dụ của “những lời dạy gián tiếp được thể hiện qua phép ẩn dụ,” kiểu như lệnh giết cha mẹ một cách bạo tàn hay ám sát nhà vua. Như đại sư Shabkar bình luận ở một tài liệu giáo huấn nào đó, “Khi trong giáo huấn Mật-thừa nói rằng một người nên ăn thịt, thì đây không phải là lời dạy nghĩa rõ ràng. Luận giải Mật-thừa có tên *mkha' 'gro rgya*

mtsho chỉ rõ rằng, ăn thịt ở đây là để chỉ việc “nuốt chửng những suy nghĩ lan man.”

Thỉnh thoảng người ta cũng nói rằng khi một người thực hành pháp và đặc biệt hành giả Kim-cương-thừa ăn thịt thì hành động của họ được biện minh vì họ đang tạo ra sự kết nối giữa con vật bị giết mổ với Pháp. Họ đang mang lại những lợi lạc đặc biệt cho con vật. Do đó ăn thịt với số lượng lớn và theo chế độ thường xuyên là tốt. Đại sư Shabkar coi lý lẽ này đặc biệt nực cười. Cũng như nhiều biện minh sai lầm nhưng lại hấp dẫn [khác], biện minh này được thiết lập chỉ trên một nửa sự thật. Nguyên tắc tương thuộc lẫn nhau [nhân duyên] có thể áp dụng được mọi lúc mọi nơi và cần thiết phải đưa vào để áp dụng trong trường hợp hiện tại. Nếu có thể tạo được sự kết nối với Pháp thông qua sự thấy, sự nghe, hoặc sự chạm vào những đại diện của giáo pháp thì cũng chỉ là lý luận để cho rằng con vật sẽ kết nối được với Pháp thông qua cách bị ăn thịt bởi một người thực hành Pháp. Không ai nghi ngờ có một vài phần sự thật trong nội dung này. Tuy nhiên câu hỏi cần phải đặt ra ở đây là liệu nguyên tắc này có được áp dụng ở mọi nơi mọi lúc, và đặc biệt là liệu nó có thể áp dụng cho chúng ta không. Nếu trong sự tương thuộc

nhân duyên, một con vật có thể được lợi lạc thông qua việc thịt của nó được tiêu dùng thì phần lớn điều này sẽ phụ thuộc vào tình trạng của người ăn thịt – chính là sự kết nối của người đó với Pháp và mức độ chứng ngộ tâm linh của người này. Nếu người thọ dụng thịt là một bậc giác ngộ – Đức Phật hay một vị Đại Bồ Tát an trú trong sự chứng ngộ – thì sẽ không khó khăn để tin rằng con vật đang được đề cập đến quả thực là may mắn khi so sánh với các con vật khác bị giết mổ để lấy thịt. Nhưng tính trung thực chắc chắn buộc chúng ta phải thừa nhận rằng, trong trường hợp của chúng ta, của những người bình thường đang vật lộn với thực hành – thì ‘kết nối với Pháp’ chỉ bao gồm nghe một ít giáo huấn, đọc một số ít sách, tham gia một hoặc hai lễ quán đảnh, được nhận gia trì vào đỉnh đầu, và đang cố gắng thiền định và thực hành khi chúng ta có thời gian và khi tâm trạng cho phép. Khi tất cả được nói và làm, thì sự kết nối của bản thân chúng ta với giáo pháp cũng chỉ rất mỏng manh. Và nếu chúng ta có khi nào băn khoăn về tình trạng khổ đau của chúng sinh mà chúng ta đang ăn thịt trên cơ thể của chúng thì ai trong số chúng ta có thể định vị thân thức của con vật đó trong trạng thái trung ấm (bardo), nói gì đến việc dẫn dắt con vật đó đến được một cõi Phật? [Thế thì] lợi lạc nào có

thể đến được với con vật mà thịt của chúng bị ăn bởi những người như chúng ta – những con người chỉ đơn giản là những người khát khao trên con đường [giải thoát], mà không có một thành tựu nào cả và chính bản thân đang là tù nhân của cõi luân hồi?

Tuy nhiên, cần phải thừa nhận rằng, theo nguyên tắc tương thuộc vừa đề cập trên đây, có những bậc kiệt xuất, tiến rất xa trên con đường tâm linh, với những con người này thì bất kể một tiếp xúc nào cũng thiết lập sự kết nối với Pháp và là một nguồn gia trì vĩ đại. Những bậc thầy chứng ngộ và những hành giả du già thành tựu là có thật, và họ có khả năng đem lại lợi lạc cho chúng sinh thông qua việc ăn thịt chúng. Đại sư Shabkar tất nhiên hiểu rõ điều này và ngài cảnh báo các đệ tử của mình hãy thận trọng trong sự nhận định của mình và tránh khỏi tất cả các chỉ trích. Vấn đề này được thảo luận rất chi tiết trong tác phẩm Giáo Huấn Bất Nguồn Từ Linh Kiến thuần Tịnh (*The Emanated Scripture of Pure Vision*), một tác phẩm trong đó đại sư Shabkar rời bỏ sự nhấn mạnh mà ngài vẫn thường xuyên đề cập về sự xả ly và thực hành chuyển hóa tâm (lojong) phù hợp với hầu hết các hành giả, thay vào đó ngài thảo luận việc sử dụng khoái cảm giác quan và hỷ

lạc – những đặc điểm riêng của giáo pháp Mật-tông. Ngài miêu tả thận trọng những mẫu người đủ điều kiện để thực hiện những phương tiện đó một cách thích đáng, mà không gây nguy hiểm cho bản thân mình và người khác.

Khi so sánh với những bậc nêu trên [những người đủ điều kiện để thực hành những phương tiện Mật-tông] thì một người bình thường [chẳng khác gì] đang nằm trên lưỡi dao, bởi vì xu hướng tự nhiên một người thường đánh giá tính cách và hành động của người khác và so sánh họ với bản thân mình. Trong trường hợp bình thường, những so sánh như vậy có thể thích hợp và thậm chí có thể mang lại lợi lạc. Nhưng nếu một người ngu ngốc đi so sánh bản thân mình với một bậc đạo sư thành tựu và dám mạo muội chỉ trích bậc đạo sư thành tựu đó thì nghiệp quả có thể sẽ rất nghiêm trọng. Trong phần cuối của cuốn Giáo Huấn Bất Nguồn Từ Linh Kiến Thuần Tịnh (*The Emanated Scripture of Pure Vision*), đại sư Shabkar bình luận rằng trong rất nhiều tình huống, ngài đã cân nhắc về sự cần thiết của những văn bản giáo huấn đó, bởi vì trong khi đi khắp nơi, ngài đã nhận thấy có một xu hướng chung chỉ trích một số hành giả Kim-cương-thừa nào

đó vì [họ] không từ bỏ thịt, rượu và tình dục. Và ngài cũng bình luận tại một chỗ khác rằng, bởi vì một người không thể phán xét mức độ tâm linh của người khác, nên quy tắc tốt hơn hết là luôn giả định những điều tốt nhất và thực hành cái nhìn thuần tịnh, nên tránh bắt kể một loại chỉ trích nào hướng tới những người mà sự chứng ngộ tâm linh của họ có thể đã vượt xa rất nhiều [chứng ngộ tâm linh] của chúng ta. Tri giác thuần tịnh, thực tế, là một trong những nét đặc trưng cốt yếu của con đường Kim-cương-thừa. Sau khi giải thích tại sao thông thường vấn đề nói đến lại được giữ bảo mật, đại sư Shabkar kết luận, “Một người phải rất thận trọng để gieo trồng cái nhìn thuần tịnh về những hoạt động của Bồ Tát và của các bậc đại thành tựu. Mặt khác, những đệ tử sơ cơ và non nớt không nên hấp tấp cố gắng bắt chước họ.”

Trong đại đa số các trường hợp, hiển nhiên lý lẽ một người đang giúp động vật bằng cách ăn thịt chúng là lỗi bịch. Trong một bài thơ dài có trong tự truyện [tiểu sử] của ngài, đại sư Shabkar đề cập đến vấn đề với một sự hài hước mỉa mai. Ngài miêu tả bản thân đang ngồi trên một đồng cỏ, bao bọc xung quanh bởi một đàn cừu và dê. Một con cừu già tiến lên và nói chuyện với ngài,

than khóc cho số phận thương tâm của những gia súc,
thậm chí ở một đất nước tôn giáo như Tây-tạng.

*Số phận của những con dê và cừu mẹ già nua
Nằm trong tay của các vị khách lạ ma.
Giờ đây, trong thân trung ấm, và trong những
đời kế tiếp của chúng tôi
Các bậc đạo sư (guru) là niềm hi vọng duy nhất,
Bởi vậy xin hãy xót thương chúng tôi.
Xin đừng lừa dối chúng tôi trong thời khắc hi
vọng này!*

*Hãy cho chúng tôi sống cuộc đời đến phút cuối,
Hoặc khi chúng tôi chết, hãy mang chúng tôi đi
đến những cõi cao hơn.
Nếu ngài không làm như vậy,
Khổ đau sẽ là số phận của chúng tôi trong kiếp
này và những kiếp kế tiếp
Từ đời này sang đời khác, chúng tôi bị giết và
lại bị giết.
Đừng để trí tuệ, tình yêu và sức mạnh của ngài
lu mờ như vậy!*

.....

*Những thí chủ đến với các ngài, các lạt ma, với
mũ trong tay*

*“Hãy đến thăm chúng tôi, xin mời đến nhà
chúng tôi”, họ nói*

Nhưng đừng giả vờ rằng ngài không biết

Rằng khi họ chào đón ngài,

*Thì đó là chúng tôi, những con cừu họ đang
định giết!*

.....
Khi các vị lạt ma đến chơi nhà

Và ngồi trên chiếc “ngai vàng” ấm cúng,

Họ giết chúng tôi ở bên ngoài, ngay ngoài cửa!

Đừng giả vờ rằng ngài không biết,

Chính ngài thông suốt hết mọi việc!

Đại sư Shabkar đáp lại với một lý lẽ chuẩn mực. Trong suốt các đời quá khứ của động vật, không chỉ một lần chúng đã từng đóng góp phần nào đó cho sự bảo tồn Phật Pháp. Giờ đây chúng nên vui mừng với một cơ hội hiếm hoi như vậy! Bằng cách hi sinh cơ thể chúng để nuôi dưỡng những vị lạt ma, chúng đã làm một cái gì đó đáng giá. “Nó chẳng phải là một điều cao quý để hi sinh cơ thể của mình cho Pháp hay sao?” đại sư Shabkar kêu lên. Nhưng chính những con vật được

quyền nói lời cuối. “Như tôi đã nói, những con dê và những con cừu đồng thanh kêu than: ‘Ôi không! Ông ta chính là một trong những lạt ma đó!’ Và khiếp sợ, chúng bỏ chạy.” [KWG], f167-168b].

Ý tưởng rằng ai đó thể hiện lòng từ bi với chúng sinh bằng cách ăn thịt chúng quả là một ý tưởng kỳ quái. Rất ít người phủ nhận rằng nếu chúng ta được cho cơ hội kết nối với Pháp nhưng với cái giá bị tra tấn hay giết, thì hầu như không còn nghi ngờ gì nữa, Pháp sẽ là một cái gì đó mà chúng ta sẽ từ bỏ một cách sung sướng. Không quá khó để nhìn thấy rằng việc sử dụng một lý lẽ như vậy không thể hiện một chút nào sự quan tâm thực sự đối với động vật. Đó chỉ là lý lẽ ngụy biện phục vụ bản thân, được sử dụng để che đậy một thèm muốn rất tầm thường. Nếu một người thực sự quan tâm về động vật và ước nguyện kết nối chúng với Pháp thì chắc chắn hợp lý hơn và hiệu quả hơn nếu người đó mua lại chúng từ những tên đồ tể và thả chúng về với môi trường tự do thiên nhiên của chúng, sau khi đã cho chúng ăn các thứ đã được ban phước, .v.v..

Cuối cùng cũng có một lý lẽ khác tinh thoảng được viện dẫn, lần này là để làm yếu vị thế của những người

ủng hộ cho việc từ bỏ thịt. Lý lẽ này là việc sản xuất tất cả các loại thực phẩm, bao gồm rau và ngũ cốc, cũng liên quan đến cái chết của các chúng sinh. Rất nhiều côn trùng và những sinh vật nhỏ bị giết khi cày cấy mùa màng và chuẩn bị thực phẩm không phải là thịt, do vậy có gì khác nhau giữa chế độ ăn chay và chế độ ăn mặn? Thoạt nhìn, dường như có một chút hợp lý trong quan điểm này, vì không thể phủ nhận rằng một số lượng khổng lồ côn trùng thực sự bị chết, đặc biệt trong bối cảnh sử dụng phương pháp canh nông hiện đại. Tuy nhiên, ngẫm nghĩ một lúc thì sẽ thấy lý lẽ này là sai lầm ở cả trong nguyên tắc và trong thực hành. Lòng từ bi và niềm khát khao bảo vệ chúng sinh đau khổ – những phẩm chất cơ bản bên trong để từ đó phản ánh ra những hành vi bên ngoài của những người Phật tử – thì được hình thành nên trước tiên và trên hết là ở động cơ thúc đẩy. Hiện nay việc giết hại động vật một cách tự nguyện là bản chất của ngành sản xuất thịt; không có một loại thịt nào có được theo một cách khác. Mặt khác, điều này là không đúng với việc cày cấy mùa màng, khi mà việc hủy hoại cuộc sống của chúng sinh, mặc dù nhiều như thế nào, không phải là bản chất của việc canh tác cày cấy. Việc giết thịt này gây ra bởi, hoặc ít nhất bị xâu đi rất nhiều bởi động cơ hiệu quả và

lợi nhuận. Một người làm vườn biết rằng có thể trồng rau mà không giết chết côn trùng trừ trường hợp [đó là] tai nạn. Do đó việc ăn rau không tự động liên quan đến ý muốn kẻ khác bị diệt vong. Nhưng làm thế nào mà một người có thể ăn thịt trong khi lại ước nguyện chân thành rằng con vật mình đang ăn vẫn còn sống? Trong bất kỳ trường hợp nào, chính lý lẽ này, mà được dùng để làm cho thói quen ăn chay dường như trở thành bất hợp lý và buồn cười, không thể được viện dẫn mà không làm suy yếu vị trí của người đề xướng ra nó. Bởi vì mọi người đều biết rằng việc chăn nuôi, ví dụ trâu bò, thì bản thân nó cũng cần một số lượng lớn thóc gạo, do đó hậu quả là mất mát sự sống của côn trùng và sinh vật mà sự mất mát này sẽ được cộng thêm rất nhiều với cái chết của gia súc được nuôi để rồi giết thịt. Do đó, chế độ ăn chay một lần nữa nổi bật lên như một phương thức hiệu quả để giảm sát sinh!

KẾT LUẬN

Đối với nhiều người trong chúng ta, thậm chí đối với cả những Phật tử tận tụy đã đi theo Phật pháp từ lâu, thì những ngôn từ chỉ dạy của đại sư Shabkar cũng

dường như là một giáo huấn khắc nghiệt. Từ thời ấu thơ, chúng ta đã quen ăn thịt và sử dụng tất cả các loại sản phẩm động vật khác nhau. Chúng ta thuộc về một xã hội mà việc tiêu thụ thịt được khuyến khích và được xem là chuyện bình thường. Cuối cùng, tất cả chúng ta đều thích thú thưởng thức thực phẩm thơm ngon, và truyền thống văn hóa của chúng ta là truyền thống mà sự thưởng thức thịt cũng chắc chắn chẳng kém gì so với người Tây-Tạng. Chắc chắn có nhiều món ăn chế biến từ thịt rất đa dạng và ngon bổ sẵn có trong xã hội giàu có của chúng ta. Ngoài ra, chúng ta có thể chân thành thấy rằng, rất khó khăn về mặt cơ thể, có thể là quá khó khăn, để sống thiếu thịt và cá. Hơn nữa có thể về mặt xã hội, xét trong bối cảnh gia đình và nghề nghiệp của chúng ta, thì một sự thay đổi cơ bản và hoàn toàn về chế độ ăn là không thể, dù vì tất cả các động cơ và mục đích đã nêu. Đồng thời, chúng ta thấy rằng nhiều lý lẽ và thực hành thường được dùng để biện minh cho việc ăn thịt hoặc làm giảm đi cảm giác tội lỗi, và cũng có thể được chúng ta sử dụng để làm lắng xuống lương tâm cắn rứt của mình, đã bị đại sư Shabkar đánh bại thông qua việc chỉ cho chúng ta thấy các lý lẽ này hoặc không có chỗ đứng, hoặc là rất ngu ngốc. Do vậy, với sự đúng đắn và chân thành trong

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

những giáo huấn của đại sư Shabkar, thì làm thế nào chúng ta có thể hấp thụ và sống theo những giáo huấn này trong khả năng và hoàn cảnh của chúng ta?

Điểm quan trọng cần nhớ là, đại sư Shabkar là đạo sư về Phật pháp, và cũng như bản thân Đức Phật, chỉ hướng đến việc đưa chúng sinh vào đúng con đường và giúp họ tiến tới giải thoát và giác ngộ. Từ từ tiến lên (*progress*) là một ngôn từ thể hiện được phương pháp vận hành. Mặc dù giáo huấn Phật pháp không ngần ngại chỉ ra nghiệp quả của hành động và đưa ra những cảnh báo thích đáng, tuy nhiên sự áp đặt quy định đạo đức khắt khe cho những gì có thể áp đặt, bằng cách chối bỏ và kìm nén những thói quen cũ, thì hoàn toàn xa lạ với tinh thần Phật pháp, và trong mọi trường hợp thì phương cách đó thường đều dẫn tới kết quả vô vọng. Thay vào đó, Pháp thường được miêu tả như một phương thuốc – một phương pháp trị liệu – để xem xét và chuyển hóa từ bên trong những thói quen xấu và những nhu cầu được cho là cần. Những phương tiện được áp dụng tùy thuộc vào khả năng và hoàn cảnh của từng người, và trên hết được tiến hành một cách dần dần, để những giáo huấn không được xem như một loạt những lệnh cấm phiến toái mà là từng bước hướng tới

việc đạt được tự do nội tại. Mục tiêu không phải dùng hành động hà khắc của ý chí để kìm nén sự thèm muốn thịt hay để kết thúc việc sử dụng sản phẩm động vật. Thay vào đó, nhiệm vụ của chúng ta là phát triển lòng từ bi sâu thẳm và sự xúc cảm chân thực với khổ đau của con vật, đến nỗi sự mong muốn bóc lột và dùng chúng làm thực phẩm sẽ tự nhiên biến mất. Sự quan tâm chính của đại sư Shabkar không phải để làm cho người khác cảm thấy một cảm giác tội lỗi hay không xứng đáng; mà là để nâng tầm tâm thức hướng tới những mục tiêu mới và cao thượng hơn.

Trong thời gian trước mắt, rất có thể chúng ta cảm thấy khó khăn để từ bỏ thịt hoặc tránh những sản phẩm được sản xuất với phương pháp liên quan đến việc lạm dụng, đối xử tồi tệ và tra tấn động vật để sản xuất các sản phẩm (như đồ da, xà phòng, mỹ phẩm, v.v.). Tuy nhiên, thậm chí ngay cả khi hầu như không thể từ bỏ [thịt hay những sản phẩm như vậy] thì chúng ta vẫn có thể làm được nhiều thứ để cải thiện nghiệp lực và chuẩn bị tâm thức để cuối cùng khi cơ hội đến thì sự thay đổi sẽ làm được và thậm chí dễ dàng.

Nhiệm vụ đầu tiên và có lẽ quan trọng nhất là nỗ lực ghi nhớ những hậu quả từ việc ăn thịt. Nên sẵn sàng nhìn xa hơn sự công khai xuyên tạc của ngành công nghiệp thực phẩm, mà đằng sau vẻ bề ngoài của những quảng cáo mang tính thẩm mỹ và đa cảm (những chú cừ non, hay những con gà hoạt hình), ngành này đã làm mọi thứ để che giấu sự thật kinh hoàng của những nhà máy, nông trại và lò mổ – tất cả tồn tại với một lý do duy nhất: là để chúng ta được cung cấp một lượng thịt rẻ và thừa mứa. Rất nhiều người trong chúng ta ăn thịt, nhưng chỉ một số ít có bụng dạ đến thăm những nơi mà thực phẩm của chúng ta được chuẩn bị – để chúng kiến không chỉ nổi kinh hoàng và đau đớn của những con vật được vận chuyển, chọn lựa, và bị giết chết hàng ngàn con vật mỗi ngày, mà còn [chúng kiến] sự nhẫn tâm và tàn bạo của những tên đồ tể, những kẻ cung cấp thịt cho chúng ta và làm việc này thay mặt cho chúng ta.

Than ôi, nhu cầu và sự thèm muốn làm chúng ta trở thành những nạn nhân dễ dàng của trò lừa gạt và giả dối. Và cũng chính xác tại đây, tại mức độ ăn uống hàng ngày của chúng ta, mà những nguyên tắc của các giáo huấn luyện tâm thức đã hầu như dễ dàng bị sao

lãng và phản bội. Quên đi thực phẩm đến từ nơi nào, không quan tâm đến thực phẩm được sản xuất như thế nào với cái giá phải trả ra sao, ăn ngấu nghiến và tiêu thụ thịt hàng ngày mà không có một khoảnh khắc suy nghĩ về nỗi đau khổ có thể gây nên, đó chính là ngoảnh mặt khỏi chúng sinh. Đó chính là từ bỏ chúng sinh lại trong một biển rộng lớn, không tên của sự đau khổ. Điều này làm sao có thể tương thích với những lời dạy của Đức Phật?

Tất nhiên, có thể quá khó khăn cho chúng ta để tránh ăn thịt hoặc sử dụng sản phẩm động vật, nhưng nếu nó là như vậy thì chỉ cần [chúng ta] có sự ân hận và mong muốn rằng tình hình sẽ khác đi thì cũng mang lại ý nghĩa và giá trị rất lớn. Đó là một bước đi đúng hướng. Cần lòng dũng cảm để thừa nhận một nguyên tắc và một lý tưởng ngay cả khi một người không thể sống với nguyên tắc và lý tưởng đó, tuy nhiên sự thừa nhận này bản thân nó sẽ mở một cánh cửa cho sự thay đổi và tiến triển. Phần còn lại sẽ theo sau một cách từ từ, phụ thuộc vào khả năng của mỗi người. Một người có thể vì một lý do gì đó – như nhu cầu của cơ thể, bối cảnh xã hội, hoặc mức độ thèm thịt của bản thân – không thể từ bỏ thịt, nhưng [người đó] có thể giảm lượng thịt vẫn

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

ăn hoặc lựa chọn loại thịt mà việc lấy đi sinh mạng [của chúng sinh] là ít nhất. Nguyên tắc tương tự áp dụng cho những ai cố gắng từ bỏ thịt một cách hoàn toàn, nhưng trong thời điểm hiện tại, cảm thấy quá khó khăn để có thể sống mà không có những áo choàng lông thú, giày da, một số loại xà phòng nhất định v.v. Trên hết, để trưởng dưỡng một lương tâm non nớt, thay vì làm ngu muội nó với những lý lẽ nguy hiểm có vẻ hợp lý bề ngoài, thì đạo đức hơn nên phát triển một lương tâm có thể thực hiện được. Cuối cùng, chúng ta sẽ đạt đến một mức mà nhu cầu cơ thể và cách sống của chúng ta chấm dứt việc trở thành nỗi sợ hãi và đau đớn của những chúng sinh sống khác.

Cảm nhận cùng với sự thấu hiểu về các hành động tội lỗi đã thôi thúc đại sư Shabkar cổ vũ người khác và khuyến khích họ thực sự thực hành lòng từ bi chân thực đối với tất cả chúng sinh, con người và động vật. Nhưng ngài cũng chấp nhận một cách thực tế rằng ngài đang nói với thiểu số, ít nhất là ở Tây-Tạng. Ngài viết, “Rất có khả năng chẳng có ai có thể và sẽ để ý đến tôi. Tuy nhiên một hoặc hai người thông minh và động lòng trắc ẩn có thể [để ý]. Do vậy, vì lợi ích của họ,

Tôi phải đưa ra những giáo huấn này với khả năng và sự thông thái nhất của tôi.”

Gần cuối cuộc đời của đại sư Shabkar, đại sư Patrul Rinpoche, do cảm động bởi những câu chuyện mà ngài được nghe, đã đi một hành trình dài từ Kham đến Amdo để được gặp đại sư Shabkar. Ngài mới chỉ đi được nửa đường thì nghe tin đại sư Shabkar đã viên tịch. Ngài đã tiến hành một trăm lễ lạy trên đường và quay theo hướng đến Amdo và cất lên bài ca khấn khoản cầu nguyện cho sự tái sinh sớm của đại sư Shabkar. “Lòng bi mẫn và tình yêu thương”, ngài cất lên, “là gốc rễ của Pháp. Tôi nghĩ rằng trên toàn bộ trái đất này, không ai có lòng bi mẫn hơn Lạt-ma Shabkar. Tôi không có gì đặc biệt để hỏi ngài, không yêu cầu được ban giáo huấn, và chẳng có gì để cúng dường. Tôi chỉ có một ước muốn duy nhất là tích tụ một ít công đức bằng cách nhìn chăm chú vào khuôn mặt ngài.”

Mặc dù đại sư Shabkar thảo luận về vấn đề tiêu dùng thịt trong một số tác phẩm của ngài, hai văn bản được dịch ra ở đây đặc biệt được quan tâm. Văn bản thứ nhất là một trích đoạn từ cuốn “Giáo Huấn Có Khởi Nguồn

Kỳ lạ” (*The Wondrous Emanated Scripture*), thảo luận về lỗi lầm của việc ăn thịt (*sha'i nyes dmigs*), và phần lớn trong văn bản đó bao gồm các trích dẫn, trong đó có một số trích dẫn rất rộng từ kinh điển Đại-thừa, và những giáo huấn của các đạo sư trong tất cả các tông phái của Phật giáo Tây-tạng. Ngoài bản chất truyền cảm hứng của chính những trích dẫn này thì sự thu thập các trích dẫn là mối quan tâm [của đại sư] bởi vì nó chỉ ra rằng, trái ngược hẳn với những ý kiến thông thường, sự lên án việc ăn thịt không phải là một điểm riêng biệt của kinh điển. Sự lên án này cũng được tìm thấy ở giáo pháp Mật-điển, bao gồm cả những Mật-điển tối thượng du già (*anuttarayoga*). Văn bản thứ hai, Cam Lộ Của Sự Bất Tử (*The Nectar of Immortality*), là một bài thuyết trình được phát triển hoàn diện. Đó là tuyên bố trọng điểm và mạnh mẽ nhất của đại sư Shabkar về chủ đề này [ăn thịt] và văn bản này chắc chắn là một trong những bản cáo trạng mãnh liệt nhất về vấn đề ăn thịt được thấy trong văn chương Tây-tạng. Văn bản này mới được Matthieu Ricard phát hiện lại gần đây, dưới dạng một bản viết tay, trong chuyến viếng thăm Amdo của Matthieu Ricard vào năm 2001. Nó được tìm thấy trong tu viện Shophon Valley, không xa vùng Rekong nơi rất nhiều hành giả và các [yogis]

du già dòng truyền thừa Shabkar vẫn còn sống. Văn bản này đã được ông Yundrung Gyal, cháu trai của học giả nổi tiếng Gendun Chopel, cho mượn để sao chụp. Chúng tôi cảm ơn sâu sắc đến cả hai ông Yundrung Gyal và ông Matthieu Ricard vì đã gửi hai văn bản này cho chúng tôi.

Cả hai văn bản trên đều được dịch bởi Helena Blankleder và Wulstan Fletcher của nhóm dịch thuật Padmakara. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các ngài Alak Zenkar Rinpoche, Pema Wangyal Rinpoche, Jigme Khyentse Rinpoche và Jetsun Yangchen Chodzom vì những khuyến khích và trợ giúp liên quan đến hai văn bản này. Chúng tôi cũng rất chân thành cảm ơn Jenny Kane, Pamela Law, Ingrid và Dolma Gunther vì những gợi ý và hỗ trợ của họ.

NHỮNG LỖI LÀM CỦA VIỆC ĂN THỊT



Kinh Lăng già (Lankavatara) có ghi lại:

Sau khi Đại Huệ Bồ Tát (the great Bodhisattva Mahamati) tụng đọc những lời tán thán Thế Tôn (the Lord), ngài bạch xin rằng: “Thưa Thế Tôn, Như Lai, Bạc Vô Cấu, Chánh Đẳng Chánh Giác, con cầu nguyện Ngài, hãy mách bảo làm thế nào để con và những Bồ-tát Ma-ha-tát khác (Bodhisattva Mahasattvas) của thời hiện tại và vị lai có thể giúp những kẻ đã bị dơ bẩn bởi thói quen ăn thịt và máu huyết chúng sinh dứt bỏ được sự thèm khát thịt của họ. Con cầu khẩn Ngài, hỡi Thế Tôn, hãy chỉ dạy để họ nhận ra sự sai trái của việc ăn thịt, mà mong cầu vị Pháp, và có thể gieo trồng một tình yêu thương bao trùm tất cả chúng sinh, nâng niu chúng sinh như là những đứa con thân yêu nhất của họ

vậy. Xin Thế Tôn hãy giảng giải giáo huấn để họ phát khởi tình yêu thương tràn khắp và có thể tiến triển trên các địa Bồ Tát và nhanh chóng đạt được giác ngộ tối thượng. Hoặc nếu chưa được thì cũng tạm nghỉ ở trạng thái của Thanh Văn (Shravakas) và Duyên Giác (Pratyekabuddhas) để rồi tiến đến Phật quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Và cả những kẻ không theo Pháp mà lại ủng hộ các học thuyết sai lầm, rơi vào những trạng thái cực đoan của việc chấp thường – chấp đoạn, chấp một thực thể vĩnh cửu hay theo chủ nghĩa hư vô – thậm chí họ [cũng] bài trừ việc ăn thịt. Và họ còn từ bỏ ăn thịt! Chính Thế Tôn, Đấng Cứu Thế, Người đã dạy một giáo lý đậm lòng bi mẫn. Đó là lời dạy của các Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Và nếu chúng con [vẫn còn] ăn thịt, chúng con sẽ phải chấm dứt nó. Do đó, để con và các vị Đại Bồ Tát khác có thể trình bày giáo huấn của Người một cách chân thực, con khẩn cầu Đấng Thế Tôn, vì đại bi thương xót và yêu thương vô phân biệt hết thấy chúng sinh, xin Thế Tôn hãy giải nói lỗi lầm của việc ăn thịt.”

Thế Tôn dạy rằng, “Này Đại Huệ, hãy lắng nghe cho kỹ và ghi nhớ những lời Ta nói. Vì những yêu cầu lớn lao của ông, ta sẽ chỉ dạy cho ông.”

Và vị Bồ Tát Đại Huệ, một bậc vĩ đại, lắng nghe Thế Tôn một cách chăm chú. Thế Tôn nói rằng: “Đại Huệ, một vị Bồ Tát có tình yêu thương và lòng bi mẫn không nên ăn thịt. Có vô vàn lý do cho điều này, mà ở đây Ta chỉ giải thích đôi phần. Đại Huệ này, trong vòng luân hồi vô thủy vô chung này, tất cả chúng sinh đã từng có lần làm cha hoặc mẹ, hoặc anh, hoặc em, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc người bà con, bạn bè, hay những người thân cận của ông. Những người đã từng làm bà con họ hàng này mang một hình dạng khác trong những đời kế tiếp. Họ có thể đã trở thành loài vật, hoang dã hay thuần dưỡng, thú vật hay chim muông. Bồ Tát Đại Huệ vĩ đại, tất cả những ai có niềm tin vào Phật Pháp, những ai mong muốn đi theo bước chân của Ta – thì làm sao họ lại có thể ăn thịt của những chúng sinh hữu tình? Đại Huệ, thậm chí đến bọn quỷ la sát cũng còn từ bỏ ăn thịt khi nghe được Pháp vô thượng của Như lai; chúng chuyên đổi bản chất yêu ma của chúng và bắt đầu động lòng trắc ẩn. Huống hồ những người có tín tâm chân thật với Pháp? Đại Huệ, bởi vì các vị Bồ Tát coi tất cả chúng sinh – chính là bạn hay người thân thiết trong những đời trước của họ – như những đứa con thân yêu nhất, nên

không ăn bất kỳ một loại thịt nào. Sẽ là không thích hợp, sẽ là sai trái, Đại Huệ, có những ai đi theo con đường Bồ Tát lại ăn thịt. Do đó, họ cần phải bỏ ăn thịt. Theo lẽ tự nhiên thì người bình thường sẽ không ăn thịt khi, lạc đà, chó, voi và thịt người (mặc dù những tên đồ tể cho rằng những thứ này ăn được và đem bán trên đường phố để làm giàu). Từ đó hiển nhiên thấy rằng các vị Bồ Tát cần phải từ bỏ việc ăn thịt, dù đó là thịt gì. Đại Huệ, các vị Bồ Tát ước mong được sống thuần tịnh nên [phải] bỏ ăn thịt, bởi vì thịt chính là từ tinh dịch và máu huyết ô uế làm ra.

“Hơn nữa, Đại Huệ này, các vị Bồ Tát nâng niu tất cả sự sống hữu tình nên bỏ ăn thịt, bởi vì họ không mong muốn làm khiếp sợ những chúng sinh đã được mang hình tướng thân thể vật lý. Ôi, Đại Huệ, những con chó đầy kinh hãi khiếp sợ khi nhìn thấy từ xa bóng dáng của những kẻ dê hèn như đồ tể, kẻ đánh bắt cá, và thợ săn – tất cả bọn họ ăn thềm thường và ngẫu nhiên thịt chó. Chỉ cần nghĩ rằng bọn họ đang đến để giết hại chúng là chúng đã sợ gần chết. Và cũng như vậy, Đại Huệ, khi những động vật nhỏ sống trên mặt đất hay trong không khí và nước nhìn thấy thậm chí từ ở rất xa và phát hiện ra với giác quan sắc bén về mùi của

những kẻ ăn thịt, chúng sẽ bỏ chạy ngay lập tức, nhanh như thể một người chạy khỏi một kẻ ăn thịt đồng loại do nỗi sợ hãi bị giết chết. Do vậy, Đại Huệ, các vị Bồ Tát không thể trở thành nỗi sợ hãi, các vị Bồ Tát với hạnh yêu thương không nên ăn thịt. Đại Huệ, những người bình thường không phải là Hiền Thánh (Aryas), vì ăn thịt mà có mùi hôi tanh dơ bẩn, và bị xa lánh. Bậc Hiền Thánh từ bỏ thịt hoàn toàn, và do vậy mà các vị Bồ Tát nên từ bỏ ăn thịt. Những bậc Hiền Thánh, hồi Đại Huệ, ăn thực phẩm thánh thiện, họ từ bỏ ăn thịt và máu huyết, và các vị Bồ Tát cũng nên làm như vậy.

“Đại Huệ, một vị Bồ Tát đầy lòng bi mẫn muốn không để cho chúng sinh dèm pha nhạo báng giáo pháp Ta truyền dạy, thì không nên ăn bất kỳ một loại thịt nào. Nó cần phải là như vậy, hồi Đại Huệ. Một số người trong thế giới này chỉ trích giáo huấn của Ta, họ nói rằng “Hỡi Thánh Alas, những con người này thực hành những đức hạnh gì vậy? Họ không sống cuộc sống thuần tịnh. Họ đã từ bỏ thức ăn của hiền thánh, và giờ đây họ lấp đầy bụng với thịt của thú vật, mang nỗi sợ hãi đến với sinh vật sống trong không khí, trong nước hoặc trên mặt đất! Những người này đi khắp nơi và sự thực hành đức hạnh của họ giảm sút; họ đã không tránh

khỏi con đường tội lỗi. Họ thiếu thốn giáo huấn tâm linh và không biết gì về giới luật.” Do đó những con người này giận dữ chỉ trích giáo huấn của Ta theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, hồi Đại Huệ, một vị Bồ Tát đầy lòng bi mẫn, mong muốn không để những con người khởi tâm chê bai những giáo huấn của Ta, thì không nên ăn bất kỳ một loại thịt nào cả.

“Các vị Bồ Tát nên kiêng ăn thịt. Mùi của thịt, hồi Đại Huệ, chẳng khác gì mùi thối rữa của những xác chết. Không có sự khác nhau nào giữa mùi hôi thối từ thịt nướng các xác chết với thịt nướng súc vật. Cả hai đều ghê tởm như nhau. Đó là một lý do nữa để một vị Bồ Tát đang đi trên con đường tiến tới Phật quả, những người mong muốn một cuộc đời thanh tịnh, thì không nên ăn bất kỳ một loại thịt nào. Cũng như vậy, hồi Đại Huệ, những vị du già [yogis] sống trong những nghĩa địa (charnel grounds) và tại những nơi hoang dã đầy tinh linh (spirit-haunted wilds), những hành giả ở nơi cô tịch, và tất cả những ai đang thiền định về tình yêu thương, tất cả những người nắm giữ chân ngôn trí huệ (vidya mantras) và những người mong muốn đạt thành tựu tương tự như vậy – nói tóm lại, tất cả những thiện nam và tín nữ đang đi theo con đường Đại-thừa – tất cả

đều nhận thấy rằng việc ăn thịt sẽ mang đến những cản trở cho việc giải thoát. Và vì họ mong muốn đem lại lợi ích cho bản thân và cho người khác, họ không ăn bất kỳ một loại thịt gì.

“Ý thức của chúng sinh tập trung vào hình dạng vật lý của họ; họ bám chấp mạnh mẽ vào hình dạng [vật lý] của mình và do đó những chúng hữu tình xem cơ thể của họ chính là họ vậy. Đây là lý do tại sao một vị Bồ Tát thực hành lòng từ bi nên từ bỏ ăn thịt”.

“Hỡi Đại Huệ, để tránh được những điều này thì một vị Bồ Tát – là người có lòng từ bi – không bao giờ nên ăn bất kỳ một loại thịt nào. Hỡi Đại Huệ, các vị Bồ Tát giữ gìn không ăn bất kỳ một loại thịt nào. Đối với những người ăn thịt, thì ngay trong cuộc đời này, hơi thở của họ hôi hám; họ ngủ không ngon giấc và họ tỉnh dậy bất an. Những ảo mộng chết chóc ám ảnh những giấc mơ của họ đủ để làm tóc họ dựng đứng. Cô độc ở nơi hiu quạnh hay trong những ngôi nhà trống không, họ bị ác quỷ dạ xoa hút mất tinh khí. Họ dễ dàng nổi cơn thịnh nộ hay bất ngờ lo lắng khủng khiếp và sợ hãi khiếp đảm. Họ bị mất hết tự chủ bởi cách thức ăn uống vô độ của họ. Họ không thể tiêu hóa được hết tất cả

mọi đồ ăn, thức uống và thực phẩm. Giun ký sinh trong ruột của họ, và họ trở thành nạn nhân của những bệnh tật về tiêu hóa, bệnh phong và những bệnh khác. Tuy nhiên, họ không bao giờ nghĩ rằng việc ăn thịt là một nguyên nhân [cho các chứng bệnh của họ].

“Ta đã tuyên bố rằng thực phẩm có thể bổ dưỡng như thuốc mà cũng có thể kinh khiếp như máu thịt của trẻ con được dùng làm thực phẩm. Thịt là thức ăn của những người bình thường, hồi Đại Huệ, nhưng những Hiền Thánh (Aryas) thì tuyệt đối cự tuyệt. Ăn thịt là nguồn gốc của rất nhiều tội lỗi; việc đó cũng thể hiện một sự hoàn toàn thiếu đức hạnh. Đó không phải là thức ăn mà những người có trí tuệ nuôi dưỡng bản thân họ. Làm sao Ta có thể cho phép những người theo Ta ăn những thức ăn độc hại và không thích hợp như thịt và máu huyết? Ngược lại Ta nói rằng, hồi Đại Huệ, những người theo Ta nên ăn thực phẩm mà các bậc Hiền Thánh ăn mà người thường thì từ chối – những thực phẩm có chất lượng tốt và không bị ô uế – những thực phẩm trong lành mà những nhà thông thái cổ xưa vẫn ăn. Đối với những đệ tử của Ta, Ta đưa ra một [danh sách] thực phẩm phù hợp: gạo và lúa mạch, lúa mì và đậu, các loại đậu hạt và đậu lăng, bơ, dầu, mật

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

ong, mật đường, hoa quả và mía. Ta làm điều này, hồi Đại Huệ, bởi vì sẽ đến lúc có những kẻ ngu ngốc mà tâm trí đầy sự suy tính sẽ nhắc giới Luật. Và bị cuốn đi trong những ham muốn ăn thịt do thói quen, họ sẽ nói rằng thịt là lành và bổ dưỡng.

“Tất cả những điều này Ta dạy cho tất cả những ai đi theo dấu chân của các vị Phật thời quá khứ, cho những ai hành động với đức hạnh, những ai tín tâm và kiên định trước mọi nghi ngờ. Họ là những người thiện nam và tín nữ của dòng truyền thừa Thích Ca Mâu Ni, những người không còn bám chấp vào cơ thể, cuộc sống, sở hữu của họ, và không còn bám chấp vào các giác quan. Những người này không thèm khát bất cứ hương vị giác quan gì; họ có lòng bi mẫn và, cũng như Ta, họ ôm trọn tất cả chúng sinh trong tình yêu thương. Bồ Tát, họ là các bậc vĩ đại. Họ thương yêu hữu tình cũng như những đứa con yêu quý của họ. Các Bồ Tát hãy giữ những giáo huấn này trong tâm!

“Hồi Đại Huệ, ngày xưa, có một vị vua tên là Senge Bangzang. Ông ta là một người ham ăn thịt. Sự thật là ông ta thèm khát thưởng thức các loại thịt bị cấm và rốt cuộc ông ấy bắt đầu ăn thịt người. Gia đình, triều đình,

họ hàng và bạn bè của ông ta – tất cả đã chạy chốn khỏi ông ấy, và tất cả những người dân ở quê hương và đất nước của ông ta cũng làm như vậy. Ông ta đau khổ cùng cực khi bị bỏ rơi. Hồi Đại Huệ, thậm chí cả Trời Đế Thích (Indra), trong quá khứ khi ông ta là chúa tể của các vị thần, do bởi tập khí ăn thịt đã thấm sâu mà đôi khi ông ta ở trong hình dạng của một con điều hâu và làm rất nhiều việc độc ác và xấu xa, thậm chí đã có lần xé toang ngực của Shiden vô tội, một nhà vua đầy lòng bi mẫn, và đã khiến vị vua này bị đau đớn kinh khủng. Đại Huệ, thói quen ăn thịt có được qua bao nhiêu đời là nguyên nhân của nhiều khiếm khuyết và là nguồn gốc của những xấu xa mà một người gây ra đối với những hữu tình khác – đối với Trời Đế Thích còn vậy, huống hồ là một số chúng sinh thấp kém hơn.

“Đại Huệ, có một câu chuyện khác về một vị thủ lĩnh bị một con ngựa rất khỏe và bất kham mang đi xa đến nỗi ông ta bị lạc đường và phải lang thang trong một nơi hoang dã. Để sống sót, ông ta phải chung sống với một con sư tử cái và có con với nó. Những đứa con của vị thủ lĩnh tên là Kangtra và anh em của nó thì lớn lên giữa bầy sư tử và đã trở thành những kẻ ăn thịt. Do bị nhiễm sâu thói quen ăn thịt trong đời đó, Kangtra đã

tiếp tục ăn thịt trong các đời sau và thậm chí ngay cả khi ông ta trở thành một vị vua. Và, Đại Huệ, nhà vua Kangtra này và các anh em của ông ta, thậm chí trong đời hiện tại khi sống trong thành phố Khyimdun vẫn còn tập khí thèm khát thịt và đã ăn cả những loại thịt bị cấm. Vì thế họ sẽ tái sinh thành các loại ma cà rồng, rồi đến những đời tiếp theo [vì tập khí thèm thịt] sẽ tái sinh thành các loại thú ăn thịt – sư tử, hổ, báo, sói, mèo, cáo, và cú – và những loài quỷ la sát hay quỷ dữ khác, tất cả chúng là những kẻ độc ác hau háu thịt. Sau bao nhiêu đọa xứ đó thì chúng lấy lại được thân người còn khó, nói gì đến việc đạt được niết bàn. Đại Huệ, đó là những khiếm khuyết của việc ăn thịt, và đó chính là là số phận của những kẻ ăn rất nhiều thịt. Mặt khác, từ bỏ việc ăn thịt là nguồn gốc của rất nhiều phẩm chất ưu việt. Nhưng, Đại Huệ, người thường không biết gì về điều này cả, và do vậy Ta đã dạy rằng các Bồ Tát không nên ăn thịt, và điều đó thì các Bồ tát có thể hiểu.

“Này Đại Huệ, nếu con người từ bỏ ăn thịt thì con vật sẽ không bị giết hại. Phần lớn súc vật vô tội bị giết mổ lấy thịt vì tiền; chỉ có phần nhỏ bị giết vì các lý do khác. Sự thèm khát hương vị thịt có thể mạnh mẽ đến nỗi [họ] không thể chịu đựng được và thậm chí có thể

dẫn đến việc ăn thịt người, huống gì là thịt của súc vật hay chim muông, dù là hoang dã hay thuần hóa. Đại Huệ, con người thèm khát ăn thịt đặt bẫy để bắt con mồi. Với những dụng cụ này, thợ săn, đồ tể, người đánh bắt cá và những kẻ tương tự lấy đi cuộc sống của những sinh vật vô tội sống trên mặt đất, trong không khí và dưới nước. Những con người độc ác như vậy, họ không có lòng trắc ẩn và giống như loài quỳ la sát ăn thịt người, những kẻ giết động vật và ăn ngấu nghiến chúng – những người như vậy sẽ không bao giờ có lòng từ bi.

“Đại Huệ, bất kỳ loại thịt gì, dù là loại thịt mà Ta cho phép các vị Thanh Văn – đệ tử thân cận của Ta – ăn, hoặc là loại mà Ta không cho phép, hoặc tất cả các loại thịt chưa được kiểm tra, thì đều độc hại. Tuy nhiên sẽ đến một ngày, có những kẻ ngu ngốc đã được thọ giới tăng già, mang trên mình y áo tu sĩ là biểu tượng chiến thắng và tự nhận mình là con của Thích Ca Mâu Ni, sẽ bị những suy nghĩ sai lầm làm hư hỏng tâm họ. Họ sẽ đánh mất bản thân trong sự tự biện minh về giới luật. Sự bám chấp bản ngã của họ sẽ mạnh mẽ và họ sẽ vô cùng thèm khát hương vị thịt. Họ sẽ chế ra đủ loại lý do biện minh cho việc ăn thịt, và do đó họ sẽ trôi nhẹ

danh tiếng của Ta. Họ sẽ xem xét lịch sử các sự kiện trong quá khứ và nói, ‘Vi Thế Tôn cho phép ăn thịt, điều này chứng tỏ rằng thịt là một thực phẩm thích hợp’. Họ sẽ nói rằng Thế Tôn đã dạy rằng thịt là thực phẩm lành mạnh, và họ sẽ tiến xa hơn nữa để nói rằng bản thân Ta đã thích thú thưởng thức thịt. Nhưng, Đại Huệ, không có một bài giảng nào của Ta lại đã từng đưa ra một sự cho phép chung chung như vậy, và Ta cũng chưa từng bao giờ dạy rằng việc coi thịt là lành và bổ là một việc đúng đắn.

“Hỡi Đại Huệ, ông có thể tin rằng Ta đã cho phép ăn thịt; ông cũng có thể tin rằng các vị Thanh Văn có thể ăn thịt. Nhưng Ta có thể nói với ông rằng Ta nghiêm cấm thịt đối với những vị du già thực hành tại các nghĩa địa đang thiên định về tình thương yêu. Ta nghiêm cấm thịt đối với những thiện nam tín nữ của Ta, những người đang đi trên con đường Đại Thừa đích thực và những người coi tất cả chúng sinh như những đứa con thân yêu của mình. Đại Huệ, Ta đương nhiên nghiêm cấm việc ăn thịt đối với tất cả những ai coi những sinh vật hữu tình như những đứa con duy nhất của họ – đó là những thiện nam tín nữ trong dòng truyền thừa của Ta, những người có niềm tin vào Pháp

và đang theo đuổi bất kỳ con đường thực hành nào, dù là những vị du già sống ở các nghĩa địa hay những hành giả thiền định ở nơi cô tịch. Những giới luật trong giáo huấn của Ta được giảng dạy dần dần và là những bước tuần tự trên một con đường duy nhất. Theo đó, việc ăn thịt bị cấm trong giới luật của Đại Thừa. Dù thịt của súc vật bị chết bởi mười nguyên nhân tự nhiên không bị cấm đối với Thanh Văn nhưng trong giới của Đại Thừa, tất cả các loại thịt bị nghiêm cấm hoàn toàn trong mọi tình huống. Do đó, Đại Huệ, Ta không cho phép bất kỳ ai ăn thịt. Ta không cho phép và sẽ chẳng bao giờ cho phép. Với tất cả những ai đang mặc áo tu sĩ, hỏi Đại Huệ, Ta tuyên bố rằng thịt là một nguồn thực phẩm không thích hợp. Bị giam hãm trong vòng đen tối của nghiệp, những kẻ ngu ngốc bơi nhẹ tiếng tăm của Ta khi nói rằng thậm chí Như lai (Tathagata) đã từng ăn thịt. Những người này sẽ phải chịu quả báo dài lâu và sống vô nghĩa, mất đi các niềm vui trong cuộc sống của họ. Thêm nữa, Đại Huệ, trong thực tế thì những Thanh Văn tôn quý của Ta thậm chí không ăn thực phẩm tầm thường; thế thì làm sao họ có thể ăn thực phẩm độc hại là máu huyết và thịt? Hỏi Đại Huệ, các vị Thanh Văn, Duyên Giác và các vị Bồ Tát ăn thức ăn của Pháp, những thức ăn đó chắc chắn không

phải là một cái gì đó vật chất. Có cần thiết để nói về thức ăn của Như Lai hay không? Đại Huệ, các đấng Như Lai là Pháp thân (Dharmakaya); các đấng Như Lai sống bởi thức ăn của Pháp. Cơ thể của các đấng Như Lai không cấu tạo từ các yếu tố vật chất thô và đặc; và các đấng Như Lai không sống bởi thức ăn vật chất. Các đấng Như Lai đã loại bỏ được tất cả các tập khí của luân hồi, loại bỏ những mong muốn tồn tại và khao khát vật chất của cuộc đời này. Các đấng Như Lai đã được giải phóng hoàn toàn khỏi những thói quen, tập khí bất tịnh và không lành mạnh; tâm trí của các Ngài hoàn toàn tự do trong trí huệ. Các Ngài biết mọi sự việc, nhìn thấy mọi thứ. Các đấng Như Lai tràn đầy lòng đại bi, yêu thương tất cả chúng sinh như thể họ là những người con duy nhất của các Ngài. Thế thì, hỡi Đại Huệ, vì Ta coi tất cả chúng sinh như con của Ta, làm sao Ta có thể cho phép Thanh Văn ăn thịt những đứa con của Ta? Làm sao Ta có thể tham dự vào việc đó được? Thật sai trái khi nói rằng Ta cho phép Thanh Văn ăn thịt và bản thân Ta cũng ăn thịt. Và vì thế:

Chư vị Bồ Tát, những bậc vĩ đại

Chẳng uống chút rượu nào; và họ không ăn

Thịt, tôi và hành.

Điều này đã được dạy bởi các Đấng Chiến Thắng, những vị lãnh tụ.

Nhưng những đám đông lại sử dụng những đồ ăn đầy mùi tội lỗi;

Hành động của họ chẳng thích đáng chút nào.

Vì thịt là thực phẩm của những loài thú đói và hoang dại,

Nên Đức Phật đã dạy nó là thực phẩm không thích hợp.

Khiếm khuyết sẽ phát sinh từ việc ăn thịt,

Và phẩm chất sẽ đến khi từ bỏ thịt,

Nhưng điều này chỉ dành cho những ai tiêu dùng theo cách đó,

Tất cả những việc này, hỡi Đại Huệ, Ông nên hiểu

Tất cả thịt động vật cũng như thịt của bạn bè,

Đều bắt nguồn từ những chất bản thủ, máu và tinh dịch;

Và những người ăn thịt trở thành một nỗi sợ hãi.

Do đó những vị du già sẽ không ăn thịt.

Bất cứ một loại thịt gì, tất cả hành và tỏi,

*Đồ uống có cồn dưới các dạng khác nhau,
Tỏi tây, tỏi rừng cũng vậy, những thực phẩm
này đương nhiên
Là thực phẩm mà các vị du già sẽ từ bỏ.
Họ từ bỏ cả xoa bóp với dầu
Và bởi vì việc xoa bóp xảy ra ở trên giường
Làm những sinh vật sống rơi vào trong nỗi đau
đớn,
Do vậy mà các vị du già không ngủ và không
nghỉ ngơi.*

*Tất cả các thực phẩm đó mang đến sự tự tôn
bản ngã,
Từ sự tự tôn bản ngã này, tất cả suy nghĩ, rồi
đến
Mong muốn, thèm khát nảy sinh đến độ cường
liệt.
Do đó mà Ông phải từ chối tất cả những thực
phẩm này.
Quả thực là những thèm khát này đến từ suy
nghĩ;
Do thèm khát mà tâm trí sẽ bị ngu dần.
Sự dần dần này từ đó sẽ làm xáo trộn tứ đại;*

Bệnh tật xảy ra khi mọi lưu thông cơ thể bị tê liệt.

*Vì lợi nhuận mà động vật bị giết hại,
Và sự buôn bán thịt mang đến giàu sang.
Kẻ đồ tề, người mua, cả hai đều tội lỗi,
Và cả hai sẽ bị nấu chín trong những địa ngục
khóc than.*

*Tất cả những ai trái lời Phật dạy,
Những người ăn thịt với một thái độ xấu xa,
[Họ] sẽ phá hủy cuộc đời của họ, bây giờ và cả
những đời kế tiếp,
Và làm lụi tàn giới luật của Đức Phật Thích Ca
Mâu Ni.*

*Những con người này với các hành vi xấu xa, đi
thèm muốn
Những thứ tạo ra địa ngục vô gián;
Số phận của họ, những người ăn thịt
Nằm trong ngôi nhà chết chóc khóc than.
Không có loại thịt nào ba lần thuần tịnh,
Và do đó, Ông phải từ bỏ thịt.*

Những ai là hành giả du già thực thụ sẽ không ăn thịt:

Đây là chỉ dẫn của Ta và của tất cả các chư Phật.

Các tạo vật ăn ngấu nghiến lẫn nhau

Sẽ tái sinh lại thành động vật ăn thịt và những con thú đầy mùi kinh tởm.

Điên cuồng hoặc bị khinh miệt khắp mọi nơi,

Chúng sẽ bị sinh ra giữa những kẻ bị ruồng bỏ:

Là đồ tể, thợ nhuộm, gái điếm, những tầng lớp thấp hèn,

Hoặc nếu không thì là những con quỷ và con thú hau háu thịt.

Và cuối cùng là thân người hiện tại của họ,

Sẽ trở về thành mèo hoặc những hồn ma tội lỗi.

Và vì vậy, trong tất cả các bài giảng của Ta, Ta chỉ trích việc ăn mọi loại thịt:

Trong kinh Niết Bàn (Parinirvana), kinh Ương Quật Ma (Angulimala),

Kinh Lãng Già (Lankavatara), Kinh Tượng Kiếp (Hastikakshya), và kinh Đại Vân (Mahamegha).

Do đó cả các chư Phật và chư Bồ Tát

*Cùng Thanh Văn tất cả đều chỉ trích
Sự đáng hổ thẹn của việc ăn thịt chúng sinh
Sẽ dẫn [một người], trong tất cả các đời kế tiếp
của họ, đến loạn trí.*

*Nếu thay bởi đó, ông tránh xa thịt và những tội
lỗi xấu xa khác,
Ông sẽ tái sinh trong thân người và thuần khiết,
Như các vị du già, hoặc như những người giàu
trí tuệ và của cải.
Thịt thú vật bị giết để làm thực phẩm ông đã
nhìn thấy hay nghe
Hay nghĩ đến, ông nên cự tuyệt hoàn toàn.*

*Những ai sinh ra trong những gia đình ăn thịt
Chẳng biết tí gì về điều này, mặc cho họ có
thông minh đi nữa.
Cũng như sự thèm muốn là một cản trở của tự
do,
Rượu và thịt cũng như vậy.
Những ai ăn thịt trong những đời tương lai
Sẽ đốt nát nói rằng Đức Phật đã tuyên bố
Rằng việc ăn thịt là thích hợp và không tội lỗi.*

*Nhưng những vị du già, điều độ trong những gì họ ăn,
Coi thực phẩm không khác gì thuốc uống,
Không nên ăn thịt chúng sinh, coi chúng sinh như con họ vậy.*

*Những ai làm bạn
Với hổ, báo và cáo xảo quyệt
Ta – người an trụ trong tình yêu – chỉ trích.
Việc ăn thịt là đi ngược lại với
Pháp, con đường dẫn đến giải thoát.
Những ai thực hành Pháp phải từ bỏ ăn thịt,
Vì ăn thịt nên họ là nguồn sợ hãi của các chúng sinh.
Từ bỏ ăn thịt – đó là tràng hoa chiến thắng của những người Cao quý.*

Đoạn thơ này kết thúc chương thứ 6 của Kinh Lăng Già, những giáo huấn tinh túy của các chư Phật trả lời những câu hỏi về việc ăn thịt.

Những giáo huấn sau đây được trích trong Kinh Đại Bát Niết Bàn:

Sau đó Bồ Tát Ca Diếp (*Bodhisattva Kashyapa*) cung kính thỉnh nguyện Đức Thế Tôn, “Thưa Thế tôn, Ngài không ăn thịt và coi việc ăn thịt là không thích hợp. Nếu bất kỳ ai hỏi con tại sao lại như vậy, con sẽ trả lời rằng những ai không ăn thịt sẽ sở hữu tám phẩm chất cao quý.”

“Lành thay,” Phật nói với Bồ Tát Ca Diếp. “Ông đã hiểu tốt chủ ý trong tâm Ta. Điều này quả thật các vị Bồ Tát, những người nắm giữ giáo lý của Ta, cần phải hiểu rõ. Những đệ tử dòng truyền thừa của Ta, thậm chí cả Thanh Văn là những vị cùng ở trong tăng đoàn với Ta, không được ăn thịt. Thậm chí nếu những thí chủ thành kính dâng cho họ thịt, họ cũng phải từ chối như thể họ từ chối ăn thịt những đứa con của họ vậy.”

Sau đó Bồ Tát Ca Diếp hỏi Phật, “Thưa Thế Tôn, Như Lai, nhưng tại sao Người lại cấm ăn thịt?”

“Những đệ tử của dòng truyền thừa Thích Ca Mâu Ni!” Thế Tôn trả lời: “Ăn thịt hủy hoại lòng đại bi.”

“Nhưng trong quá khứ, thưa Thế Tôn”, ngài Ca Diếp nói, “[Liệu có phải] Ngài đã không cho phép ăn thịt được cho là phù hợp sau khi thịt đó được kiểm tra theo ba tiêu chuẩn?”

Đức Phật trả lời: “Có, Ta đã cho phép ăn thịt được coi là phù hợp sau ba mức độ kiểm tra, mục đích là để giúp những người đang cố gắng xóa bỏ tập khí ăn thịt.”

Ngài Ca Diếp lại hỏi “Vậy tại sao Thế Tôn đã cấm ăn mười loại thịt chưa qua kiểm tra và cứ như vậy, cho đến chín loại thịt đã được kiểm tra?”

Đức Phật nói: “Ta cũng đã làm như vậy để giúp các Phật tử vượt qua được thói quen ăn thịt của họ. Nói tóm lại, tất cả những mức độ cho phép mà Ta đã đưa ra đều để đạt tới mục đích duy nhất: đó là việc ăn thịt sẽ phải chấm dứt.”

“Nhưng tại sao,” Bồ Tát Ca Diếp hỏi “Nhu lai đã cho phép [xem] thịt của loài cá như một loại thực phẩm lành?”

“Những đệ tử của Ta!” Đức Phật trả lời “Ta chưa bao giờ cho phép như vậy! Ta đã nêu ra tất cả những loại thực phẩm lành mạnh: mía, gạo, mật đường, lúa mạch đen, lúa mạch v.v; và sữa, sữa đông, bơ, dầu và những thứ tương tự. Cũng tương tự như việc Ta cho phép những đệ tử mặc nhiều loại y áo, tuy nhiên những y áo này phải có màu sắc phù hợp! Làm sao Ta có thể cho phép ăn cá chỉ đơn giản để thỏa mãn nhu cầu của những người muốn ăn cá!”

Bồ Tát Ca Diếp lại tiếp “Nếu giả sử như Như Lai cho phép ăn cá thì việc Ngài khuyên nên dùng năm loại thức ăn, hay sữa, sữa chua, bơ, bơ sữa, bơ sữa trâu, dầu vừng và những thứ tương tự sẽ là không ăn nhập với nhau. Suy luận ra thì đúng là Người cấm ăn cá, giống như là việc Người đã cấm tàng trữ những đồ trang sức, giày da, vàng và các bình bạc.”

Đức Phật nói, “Hỡi những đệ tử của Ta, giáo huấn của Ta không giống như giáo huấn của các nhà tu hành khô hạnh trần trụi. Như Lai thiết lập ra các quy tắc giới luật phù hợp với các cá nhân nhất định. Vì vậy, với một mục đích nhất định trong tâm, Ta đã cho phép việc ăn thịt được coi là phù hợp sau khi thịt đó đã được ba tầng

kiểm tra. Trong những bối cảnh khác thì Ta cấm việc ăn mười loại thịt. Và lại nữa, đối với một số người cụ thể nào đó, Ta đã tuyên bố rằng ăn bất kỳ loại thịt nào, kể cả thịt động vật chết một cách tự nhiên, cũng là không phù hợp. Nay Ca Diếp, nhưng Ta khẳng định lại rằng từ nay trở về sau, tất cả những đệ tử và Phật tử cận kề Ta phải từ bỏ ăn thịt. Bởi vì những kẻ ăn thịt đều là nguồn khiếp sợ cho những con vật có thể thấy mùi của họ cho dù họ có đang đi, ngồi, đứng, nằm hay thậm chí ngủ – như thể là ai cũng khiếp sợ khi ngửi thấy mùi của sư tử vậy. Thiện nam tử! Những ai không thích mùi tôi sẽ lánh tránh những người ăn tôi, vậy cần gì phải đề cập đến những bất lợi của thức ăn đó? Điều này thì cũng tương tự như đối với những kẻ ăn thịt.

Khi động vật ngửi thấy mùi thịt thì chúng khiếp sợ; chúng khiếp sợ bị giết. Bất kỳ một con vật gì, dù loài trên mặt đất, hay dưới nước, hay bay trên trời, đều bỏ chạy khi tin rằng người ăn thịt là kẻ thù thực sự của chúng. Đó là lý do tại sao Ta không cho phép Bồ Tát ăn thịt. Đúng là các Bồ Tát có thể dùng việc ăn thịt như một phương tiện để đưa con vật đến giải thoát. Mặc dù trông có vẻ như họ là người ăn thịt nhưng thực chất thì không phải vậy. Hỡi những người con của dòng truyền

thừa Thích Ca Mâu Ni! Bồ Tát thậm chí còn kiềm chế ăn những thực phẩm thanh tịnh huống hồ làm sao họ lại không kiêng ăn thịt!

“Thiện nam tử! Giáo Pháp thiêng liêng sẽ bị suy đồi sau khi ta nhập Niết Bàn và sau khi những bậc Hiền Thánh vượt thoát bờ sinh tử (thậm chí những vị này được ban kiếp sống dài vô hạn và đạt thành tựu do thực hành con đường Tứ Thánh Đế). Tất cả những gì còn lại sẽ chỉ là một bóng tối mờ nhạt. Các nhà sư sẽ giả vờ tuân theo giới luật, và việc đọc và tụng kinh của họ sẽ chỉ là rất sơ sài. Họ sẽ thèm khát thực phẩm để duy trì cơ thể họ; họ sẽ mặc những bộ quần áo đen xấu xa tội lỗi. Họ hoàn toàn đi ngược lại những phẩm chất cao quý. Họ sẽ nuôi gia súc, trâu bò và cừu. Họ sẽ là những người chuyên chở gỗ và cỏ khô. Họ sẽ để tóc và móng tay dài. Tất cả những điều này sẽ thành hiện thực. Họ có thể khoác lên mình những bộ y áo vàng nhưng họ chẳng khác gì những kẻ đi săn. Họ có thể có một tác phong hòa nhã cùng với đôi mắt nhìn xuống nhưng họ chẳng khác gì loài mèo rình chuột. Họ sẽ nói đi nói lại rằng họ đã chế ngự được cảm xúc, nhưng rồi họ sẽ bị đau đớn, ốm yếu, uể oải và ô uế. Những kẻ đạo đức giả, họ sẽ cử hành những phong tục tôn giáo bề ngoài,

nhưng bên trong họ sẽ bị đắm chìm trong sân hận, đố kỵ và thèm khát – chẳng khác gì những kẻ tà đạo cả. Họ sẽ không có phẩm hạnh; lòng mộ đạo của họ chỉ là một sự giả vờ mà thôi. Họ sẽ có những tri kiến sai lầm và chỉ trích giáo Pháp chân chính. Những con người như vậy sẽ hủy hoại các nguyên tắc của giới luật mà Như Lai đã đặt ra: những giáo huấn trong Tạng Luật, những giáo huấn về đạo và quả của tự do tội hậu. Họ sẽ bôi nhọ những giáo huấn của Ta trong sự tùy tiện và cầu thả. Họ thậm chí còn xuyên tạc những giáo lý tuyệt đối thâm sâu và dựng lên kinh điển và giới luật mà họ tự sáng chế. Họ sẽ nói và viết rằng Như Lai đã cho phép họ ăn thịt, và những lời này là lời nói của Phật. Họ sẽ tranh cãi và đánh lộn lẫn nhau, ai cũng cho rằng mình mới là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni đức hạnh.

“Hỡi thiện nam tử! Sẽ có ngày các nhà sư sẽ trở thành những kẻ tàng trữ thóc gạo và ăn thịt cá. Họ sẽ dùng những cái đĩa xinh xắn để đựng bơ và những cái lọng làm từ các vật liệu quý giá, và họ sẽ đi những chiếc giày da. Những giáo lý mà họ truyền đạt cho nhà vua, cận thần và những người dân thường sẽ chẳng là gì khác ngoài khoa học về điềm báo, chiêm tinh, bói toán, và cách chăm sóc cơ thể. Họ sẽ giữ kẻ tội tở, người

làm và phụ nữ, và họ sẽ sử dụng vàng, bạc, những loại đá quý giá, sa-phia, pha lê, ngọc, và san hô; họ sẽ đeo những chiếc vòng cổ và sẽ thích thú thưởng thức tất cả các loại hoa quả. Họ sẽ chơi thể thao và giải trí bằng hội họa và điêu khắc. Họ sẽ dạy văn chương; họ sẽ cấy cấy những thửa ruộng và thu hoạch mùa màng của họ. Họ sẽ đọc những câu chú bùa ngải; họ sẽ sản xuất thuốc và chữa bệnh với những thần chú. Họ sẽ dạy nhạc, khiêu vũ, múa hát và tất cả các loại nghề thủ công như làm hương, kết vòng hoa và đan rổ. Nhưng con phải hiểu rằng chỉ có những ai từ bỏ những hoạt động không lợi lạc đó mới thực sự gần với Ta.”

Bồ Tát Ca Diếp bạch, “Thưa Thế Tôn, tất cả các tăng, ni, và những Phật tử tại gia đều phụ thuộc vào các thí chủ. Khi họ đi khát thực và nhận được thức ăn có chứa thịt thì họ phải làm gì? Họ cần kiểm tra thức ăn đó như thế nào?”

Đức Phật đáp, “Họ nên tách thịt ra khỏi những thức ăn còn lại và những thức ăn còn lại nên được rửa, sau đó mới ăn. Nếu giả dụ như bình bát của họ đã bị thịt cho vào nhưng không bị ô uế bởi mùi hay vị tội lỗi của thịt thì họ sẽ không phạm lỗi nếu ăn từ những bình bát đó.

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Nhưng nếu ai đó cho họ một lượng thịt lớn thì họ không được nhận. Nếu thịt bị trộn lẫn với thức ăn, tốt nhất là họ không nên ăn, nếu không thì họ sẽ bị phạm lỗi. Nếu Ta giải thích chi tiết về việc nghiêm cấm thịt và tất cả các quy tắc của việc đó thì sẽ không có điểm kết thúc! Nhưng bây giờ đã đến lúc Ta vượt thoát bờ sinh tử khổ đau; do đó mà Ta chỉ giải thích cho Ông đôi phần.”

Đoạn giáo huấn trên được trích từ phẩm Giải Đáp sở vấn trong kinh Đại Bát Niết Bàn.

Những giáo huấn sau được trích từ kinh Vương Quật Ma:

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi nói “Bởi vì Như Lai Tạng mà các chư Phật không ăn thịt.” Và Như Lai đã thêm rằng:

“Đúng vậy, Văn Thù Sư Lợi. Không có một chúng sinh nào đang lang thang trong vòng sinh tử luân hồi vô thủy vô chung này mà không từng là cha mẹ hay chị em của Ông. Mỗi cá thể, thậm chí là con chó, cũng có

thể trong một đời sau này trở thành cha của Ông. Mỗi chúng sinh đều như diễn viên diễn kịch trên sân khấu cuộc đời. Da thịt của ai cũng đều như nhau. Do đó, những Bậc Giác Ngộ không ăn thịt. Ngoài ra, Văn Thù Sư Lợi, pháp tánh (*dharmadhatu*) là bản chất chung của tất cả chúng sinh, do đó các chư Phật không ăn thịt.”

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi lại nói, “Thưa Thế Tôn, cũng có những người rất bình thường khác không ăn thịt.”

Phật đáp, “Bất kể những gì những người thế tục làm mà phù hợp với giáo huấn của Phật nên được coi như là lời dạy từ chính bản thân Phật.”

Kinh Tĩnh thức (*Close Mindfulness sutra*) ghi lại:

Nếu với trí huệ này sinh từ việc lắng nghe giáo pháp mà một nhà sư hiểu được sự trở ngại quả chín muồi của hành động, và nếu người đó suy tư về thế giới của ngạ quỷ (*pretas*) hay quỷ đói, thì người đó sẽ thấu hiểu được thực trạng của những chúng sinh đang tồn tại

bằng máu huyết. Và nếu nhà sư suy ngẫm với trí huệ về những hành động làm cho các chúng sinh đó phải tái sinh [trong hình dạng] như vậy thì người đó sẽ nhìn thấy được rằng nga quỷ chính là những chúng sinh trong các đời quá khứ đã thích thú uống máu để tăng sức lực. Chúng cũng đã chìm đắm trong sự tàn ác, sân hận, đố kỵ và tham lam. Chúng lừa dối gia đình và vì thèm khát máu huyết, chúng đã giết hại [những chúng sinh khác]. Sau khi chết, những con người này sẽ rơi xuống các cõi thấp hơn và tái sinh dưới dạng quỷ uống máu. Do sức mạnh của nghiệp, chúng được tái sinh như những quỷ đói tại chính những nơi mà chúng thường xuyên lưu tới trong các đời quá khứ. Tại những nơi này, những cư dân địa phương gọi chúng là quỷ thần và cúng tế cho chúng, đi vòng quanh nơi chúng trú ngụ và hiến tế máu huyết. Những quỷ uống máu này thường say sưa trong máu huyết của con người và rất có hại cho những người dân ở đó. Và người ta còn nói rằng chúng rất mạnh và có thể làm được những việc phi thường. Về vòng đời của chúng, nếu chúng không từ bỏ những hành động tội lỗi này và sự xô đẩy của nghiệp chưa hết thì chúng [tiếp tục] sống như những nga quỷ hùng mạnh. Thậm chí khi chúng được giải phóng khỏi tình trạng [nga quỷ] này thì những

hành vi của chúng sẽ thể hiện giống với khuôn mẫu như trước, và bởi vì ảnh hưởng của nghiệp lực, chúng sẽ [tiếp tục] lang thang trong luân hồi. Nếu, một lần trong một trăm kiếp sống, chúng có cơ hội được tái sinh làm thân nam hay nữ thì chúng có thể thành không-hành-nam (*dakas*) hay không-hành-nữ (*dakinis*) thế gian.

Nếu với trí huệ này sinh từ việc lắng nghe giáo pháp mà một nhà sư hiểu được sự trở ngại quả chín muồi của hành động, và nếu người đó suy tư về thế giới quý đỏi, thì người đó sẽ thấu hiểu được thực trạng của những chúng sinh đang tồn tại bằng thịt. Nếu nhà sư suy tư với trí huệ về những hành động mang đến một sự tái sinh như vậy, thì người đó sẽ nhận ra rằng những ngạ quỷ này là những chúng sinh mà trong các đời quá khứ, vì lòng tham, đã tham gia vào việc buôn bán thịt – thịt bò, thịt ngựa, thịt thú săn, thịt lợn hoặc thịt cừu – và họ đã hành động rất thiếu trung thực và lừa đảo để bán thịt với giá cao. Khi họ chết, những chúng sinh này rơi vào các cõi thấp hơn và sinh ra dưới dạng ngạ quỷ ăn thịt. Họ trở thành những hồn ma hoang dại và hung tợn lang vãng trên giao lộ, trong chợ, trên phố, trên đường và trong những khu nhà hoang, trong làng hay

trong đền miếu. Tồn tại như những ngạ quỷ hùng mạnh với sức mạnh phi thường không phải hoàn toàn là kết quả của những [hành động] tiêu cực hung tàn và tội lỗi; mà có phần đóng góp của một số hành động bố thí tích cực (ví dụ như cho đi những vật nhỏ như cây cối hay rau quả). Chính sự bố thí họ đã làm giúp họ sở hữu những quyền lực phi thường khi làm ngạ quỷ. Người thường đến cúng tế cho những quỷ thần này với thịt của động vật: như thịt trâu, động vật hoang dã, thịt rắn, cừu và các loại súc vật khác. Nếu các ngạ quỷ đầy tội lỗi này không từ bỏ thói quen vô cùng xấu xa của họ và từ bỏ sự sân hận, đố kỵ, và nếu sự xô đẩy của nghiệp chưa hết thì họ sẽ còn tiếp tục tái sinh trong tình trạng đó. Sau này, khi họ được giải phóng khỏi tình trạng ngạ quỷ, họ sẽ vẫn còn giữ lại những tập khí này và sẽ lang thang trong luân hồi dưới những trạng thái tương thích với các hành động của chúng. Và nếu một lần trong một trăm kiếp sống, vì một số hành động tích cực mà họ may mắn lớn có được thân người (hiếm như một con rùa mù nhô lên mặt biển để đưa được đầu vào một cái ách đang trôi nổi một cách tự do trên biển), thì họ sẽ trở thành những kẻ ăn thịt, họ sẽ trở thành những tên đồ tể chặt nhỏ xác động vật và họ sẽ làm việc trong những lò mổ.

Những điều sau đây cũng được nói đến trong Kinh Tinh Thức:

Những người có hành động tội lỗi xấu xa sẽ bị rơi xuống Địa ngục Đại Viêm Hỏa (the Hell of Great Heat) để chịu quả của [hành động] độc ác mà họ đã làm. Ở đó, họ sẽ bị nấu chín trong hàng trăm ngàn năm vì những tổn hại mà họ đã chú ý gây nên. Do đó những hành động xấu xa họ làm trở thành kẻ thù của chính họ. Khi họ được giải phóng [khỏi địa ngục], họ sẽ chạy trốn và tìm kiếm một người bảo vệ, một nơi nương tựa, hoặc một sự giúp đỡ. Nhưng từ xa họ sẽ nhìn thấy hàng đàn chó săn háu đói với những chiếc hàm há ra và những chiếc răng sắc nhọn như kim cương đuổi theo và vây quanh họ với những tiếng sủa kinh khủng. Những cư dân của địa ngục sẽ cố gắng chạy trốn, nhưng những con chó săn địa ngục sẽ tóm kịp và ăn ngẫu nhiên toàn thân thể họ: gân và thịt, khớp và xương, chẳng để lại một tí gì thậm chí chỉ là một mẩu nhỏ cỡ như hạt mù tạt! Cơ thể và tay chân sẽ bị ăn cho đến hết hoàn toàn. Và sự trải nghiệm bị chó ăn thịt sẽ

diễn đi diễn lại. Tất cả những trải nghiệm này là kết quả của việc giết hại những chúng sinh đang sống để thưởng thức thịt.

Giáo huấn dưới đây được trích từ Mật điển Đấng Bi Mẫn, Khuấy Động Vực Thẳm Luân Hồi (*The Compassionate One, Churning the Depths of Samsara*):

Nếu một người ăn thịt thì họ thực hiện hành động thúc đẩy bởi sân hận. Do đó ăn thịt tạo ra một [nguyên] nhân chính nghiêm trọng [cho những hành động sai trái như thế]. Một người uống máu thì thực hiện hành động thúc đẩy bởi sự ngu dốt, do đó tạo một [nguyên] nhân thứ nghiêm trọng. Việc ăn thậm chí một miếng thịt nhỏ sẽ ô uế nhiều hơn so với việc uống rượu. Còn việc [một người] uống một giọt máu của con vật do chính người đó giết hại sẽ tội lỗi xấu xa hơn so với việc suốt một trăm năm ăn thịt động vật bị giết bởi người khác. Điều này đến từ luật nhân quả. Chúng sinh trong ba cõi rất cảnh giác khi nhìn thấy thứ gọi là máu. Khi nhìn thấy máu huyết được uống thì chúng sinh

trong ba cõi sẽ ngất xỉu. Do đó tất cả các che chướng từ nghiệp xấu được tạo ra.

Đối với rượu, nếu một người uống nhưng trong khi say không phạm những hành động tiêu cực nào thì người đó sẽ tích lũy nhân cho tái sinh thành ngạ quỷ trong một kiếp. Nhưng nếu một người trong khi say rượu phạm một tội xấu xa, người đó sẽ tái sinh trong những địa ngục hỏa thiêu. Nếu một người ăn thịt động vật không phải tự tay mình giết hại thì người đó cũng phải trải qua một đại kiếp trong địa ngục (*kalpa - kéo dài một vạn năm*). Còn nếu ăn thịt thú vật mà người đó giết hại hoặc khiến người khác giết hại thì sẽ phải trải qua một trăm ngàn đại kiếp trong địa ngục. Nếu một người uống máu của động vật do người khác giết hại thì quả cũng sẽ tương xứng với nhân. Và nếu một người uống một lượng máu tương đương với một thùng bia đủ cho hai mươi người uống thì sẽ tái sinh ở những nơi mà thậm chí không nghe được tên Tam Bảo trong một đại kiếp (*kalpa*). Và nếu một người uống máu trong suốt cuộc đời thì người đó sẽ lang thang trong luân hồi vô tận vô biên kiếp. Uống máu của con vật sống sẽ dẫn đến bảy kiếp tái sinh làm động vật. Nếu một người chỉ một lần uống máu của con vật tự tay giết thì sẽ bị tái

sinh trong địa ngục và bị bắt phải uống nước đồng nung chảy. Nếu một người đi ăn máu và thịt vẫn còn ẩm của những con vật mà tự tay giết mổ với một lượng bằng cân nặng cơ thể người đó thì ngay trong đời kế tiếp sẽ bị tái sinh trong địa ngục đồng nung chảy và sẽ phải ở đó một đại kiếp. Nếu ăn thịt đỏ, tươi sống và uống máu tươi thì sau bảy kiếp người này sẽ bị tái sinh trong địa ngục và bị đồng nung chảy đổ vào miệng. Nếu một người ăn thịt và uống máu đã được nấu thì sau mười kiếp, người đó sẽ bị tái sinh trong địa ngục đồng nung chảy. Do đó thịt và máu là thực phẩm đem lại sự tàn lụi trong ba cõi.

Ăn thịt đã được xử lý và qua tay nhiều người thì tội lỗi sẽ ít trầm trọng hơn. Ví dụ, nếu một người ăn thịt đã qua tay của một trăm người, thì người đó sẽ chịu tái sinh trong địa ngục sau một trăm kiếp sống. Tương tự như vậy, ăn thịt qua tay mười người thì sẽ trải qua địa ngục sau mười kiếp sống ..v.v..

Tương tự như vậy, ăn thịt một động vật bị giết hại sẽ trầm trọng hơn so với việc ăn thịt động vật chết một cách tự nhiên. Một lần ăn thịt động vật do mình tự giết sẽ mang lại hậu quả trầm trọng hơn gấp một trăm lần

so với ăn thịt động vật bị giết bởi người khác. Và một người yêu cầu người khác giết hại động vật để ăn thịt thì sẽ tội tệ hơn mười lần so với việc ăn thịt một súc vật mà người đó tự tay giết hại. Cần phải hiểu cán cân giá trị này được áp dụng như thế nào. Nếu một người tiếp tục ăn thịt, uống máu và rượu, những thứ nuôi dưỡng ba độc, thì năm cảm xúc ô nhiễm sẽ hiển lộ.

Mật điển *Hiện Thân của Trí Huệ* ghi như sau:

Thịt và máu là những thức ăn rất tiêu cực và tỏa ra một mùi hôi mạnh. Những hồn ma được nuôi dưỡng bằng mùi sẽ đến và lấy đi năng lượng sống và những tinh chất trong cơ thể những người ăn thịt, làm họ mất đi sự rạng rỡ khỏe mạnh. Nếu ai đó thèm khát năm chất [độc] mạnh như thịt và máu và coi chúng như những thứ chính yếu để tồn tại thì người đó cuối cùng sẽ trở thành một ngạ quỷ sống dựa vào mùi [hôi tanh] của máu.

Tương tự như vậy, Mật điển *Hiện Thân của Tỉnh Giác* ghi như sau:

*Khi chúng sinh được nuôi dưỡng bằng máu và
thịt
Nhưng thức ăn hôi thối kinh người,
Thì những hồn ma tội lỗi sống dựa vào mùi
Khi chúng người thấy mùi tanh hôi của máu
Sẽ đánh cắp sức sống của các chúng sinh kia
Và cướp đi sức khỏe cùng sự rạng ngời của họ
Vậy tại sao người này lại nuông chiều bản thân
bằng máu và thịt?*

Nếu một người thật sự thèm khát năm chất độc mạnh, ví dụ như máu, coi chúng như những thứ chính yếu để tồn tại thì người đó sẽ tái sinh làm một ngạ quỷ nguy hiểm sống bằng mùi tanh hôi của máu và có một hình dạng khiếp đảm trong bảy loại hình hài. Bất cứ ai chìm sâu vào sự phụ thuộc thức ăn này sẽ lang thang trên đất của Quỷ La sát (Lanka) trong hình dạng của một quỷ đói ăn thịt đáng kinh sợ.

Một trích dẫn thuộc Mật điển Kriya, có tên Sợi Dây Từ Bi Bất Hoại (*Amogha Pasha*) nói rằng:

Rượu, thịt, tỏi, tỏi rừng hoặc tỏi tây – dùng một mình hoặc kết hợp với thực phẩm khác – nên phải đặc biệt tránh xa.

Một trích dẫn khác cũng thuộc cùng Mật điển trên nói rằng:

Những ai mong muốn giữ gìn giới luật phải từ bỏ hoàn toàn rượu, thịt, hành, tỏi và những đồ thừa lại sau khi cúng dường cho Thánh thần.

Trong Mật điển Phật Bất động (*Akshobya*) có ghi rằng:

Sữa đông, sữa, bơ, những chất ngọt, bánh kẹo ngọt, bánh mì và gạo thì nên ăn ở mức độ vừa phải. Tất cả thức ăn có mùi tội lỗi như thịt, rượu, tỏi .v.v. cần từ bỏ.

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Mật điển gốc có tên Lưới Liên Hoa (*Lotus Net*) của Bồ Tát Quán Tự Tại (*Lord Avalokita*) nói rằng:

Những đồ cúng dường ôi thiu, tởi, thức ăn thừa hoặc như bản, thịt và thức ăn từ bàn tay của những kẻ đồ tể, nước có chứa côn trùng – tất cả những thứ này cần phải từ bỏ.

Ngài Acharya Krishnapa trong tác phẩm Trích yếu về Đại Thừa (*the Compendium of the Mahayana*) đã nói:

Chúng ta nên luôn tránh ăn thịt, cá, uống rượu, ăn tởi, hành/củ cải; và cũng nên tránh sử dụng các vải vóc nhuộm, tránh ép hạt vừng, làm nông, và vân vân.

Trong tác phẩm Trích yếu về Tri kiến (*the Compendium of Views*), vị đạo sư danh tiếng Jamyang Mi'i Wangpo nói rằng:

Các vị đạo sư và những người tại gia, những người theo tôn giáo và những nhà tu khổ hạnh mà ăn thịt và uống rượu thì khi chết sẽ thành quỷ đói... Những người làm cha mẹ không nên cho con cái mình ăn thịt, cá, hay uống rượu. Con cái nên được nuôi bằng những thứ như bơ, sữa chứ không phải thịt.

Trong tác phẩm Những Giai Đoạn Tu Thiền, ngài Kamalashila nói:

Khi những hành giả du già thiền định, họ nên luôn luôn tránh không ăn thịt cá... Vì các thức ăn đó không đi đôi với sự thiền định. Họ nên điều độ trong chế độ ăn uống của mình.

Trong tác phẩm Thiền định Vô niệm, ngài Vimalamitra nói:

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Những hành giả du già trong mọi lúc cần tránh ăn thịt và cá. Họ nên ăn uống điều độ và sử dụng thức ăn hòa hợp với giáo lý.

Ngài Gyalse Thogme cũng nói:

*Khi chúng sinh chết một cách tự nhiên
Nhưng chúng sinh này từ vô thủy vô chung đã là những
bà con thân yêu,
Chúng ta khóc. Vì vậy sẽ là sai trái
Đi ăn thịt của động vật bị giết để lấy thịt.*

Tương tự như vậy, trong Mật điển gốc *Kalachakra* có ghi:

*Những người độc ác và thật khó dạy dỗ,
Họ đi giết những động vật vô hại
Biến chúng thành vật hy sinh cho các vị thần và tổ tiên
của họ,*

Để họ có được sự bảo vệ, lợi nhuận, và để đạt được mục tiêu.

Mua bán thịt, mong được ăn thịt, thật sự là một hành động xấu xa.

Thông điệp này cho thấy nếu một người mong muốn ăn thịt và mua thịt mà người đó biết nguồn gốc từ những động vật bị giết hại vì mục đích thương mại, thì người đó phạm phải một hành động xấu.

Bình giải về Mật điển *Kalachakra* có nói rằng:

Một người không nên mua thịt, cũng không nên dâng cúng những động vật bị hiến tế cho các vị thần và thần linh tổ tiên của họ. Bởi vì Đức Phật chưa bao giờ cho phép ăn “thịt động vật bị giết hại có chủ ý” – là thịt của các động vật bị giết hại và mua bán để làm thức ăn, cũng như những động vật bị lựa chọn làm vật hy sinh để cúng tế.

Và đặc biệt, một người không được ăn thịt của con người. Kinh điển về Luật (*luật tạng*) chỉ rõ rằng “thịt người không được tiêu thụ dưới bất kỳ một hoàn cảnh nào.” Một bình giảng rất sâu về luật tạng thậm chí còn tiến xa hơn và chỉ rõ rằng “nếu một người ăn thịt người vì mục đích chữa bệnh hay bất kỳ mục đích nào khác, người đó đã vi phạm luật.” Nếu một người ăn thịt động vật đồ tươi sống không phải vì lý do chữa bệnh, người đó vi phạm luật. Luật tạng nói rằng “tiêu thụ thịt sống không phải vì mục đích chữa bệnh là vi phạm luật,” và về vấn đề này, bình giải sâu sắc có nói thêm “nếu một người ăn thịt sống như một phần của sự thực hành Mật thừa v.v. (mà không phải vì sự cần thiết để chữa bệnh,) người đó phạm luật dưới loại tội tạo ra sự tranh chấp trong tăng đoàn. Hơn nữa, việc đó tạo ra nhân cho việc bị tái sinh dưới dạng tinh linh xấu ác.” Luật tạng tiếp tục dạy, “Chúng ta không nên ăn thịt hổ, thịt voi, ngựa, và rắn. Chúng ta không nên ăn thịt của các loại động vật móng liền, hay thịt của cáo, khỉ, chim gõ kiến, quạ, chim kền kền, các loại chim sống trên nước, chó, mèo, điều hâu, cú vọ, và các loại chim dơ bẩn, vịt, dơi, thằn lằn tuyết, khỉ không đuôi, và các loại côn trùng.”

Bình giải về kinh Lăng già, ngài Trương Tu viện Jnanavajna đã viết:

Tất cả các giáo huấn của Đức Phật, từ lần chuyển Pháp luân lần thứ nhất với khai mở về Tứ Diệu Đế cho đến và bao gồm cả lần giảng dạy về Tạng kinh Tri Minh Vương (Vidyadhara-pitaka), đều được bao hàm trong các nguyên và giới luật của các cỗ xe Giới Biệt-Giải-Thoát, Bồ-Tát-Giới, và Tri-Minh-Vương. Những giới luật liên quan đến việc sử dụng thức ăn tạo lập nên ba bước tiến dần lên trong cùng một con đường. Vì vậy, dù là thịt có đủ tiêu chuẩn ba lần thuần tịnh, loại thịt mà các vị Thanh Văn được phép ăn, cũng bị cấm đối với các hành giả thực hành các thừa cao hơn. Việc này giúp cho các giới luật cao và rất quan trọng khỏi bị hủy hoại. Thịt của các động vật bị chết theo một trong mười cách tự nhiên thì không bị cấm đối với các vị Thanh Văn. Nhưng đối với các thừa cao hơn, để kéo những tinh linh ăn thịt vào con đường tu và để những hành giả không gây hại dù là trực tiếp hay gián tiếp tới các hữu tình, tất cả các loại thịt bị nghiêm cấm sử dụng trong mọi thời điểm và ở mọi hoàn cảnh. Không một tình huống đặc biệt nào cho phép hành giả được ăn thịt... Một người cần ăn uống điều độ thậm chí đó là

thức ăn của các hiền nhân – những thức ăn đó giống như là thuốc vậy. Chúng ta nên thường xuyên tránh ăn thịt, với sự hiểu biết đó là thức ăn không lành mạnh.

Ngài Acharya Jnanashribhadra, một nhà bình giải khác của Kinh Lăng Già, đã viết rằng:

Đấng Toàn Tri đã dạy rằng ăn thịt và khuyến khích người khác ăn thịt là một hành động tội lỗi vì nó gây ra tổn hại cho chúng sinh. Đức Phật cấm việc tiêu dùng tất cả các loại thịt không phải ba lần thuần tịnh, nhưng Ngài không cho rằng việc ăn thịt thuần tịnh là sai. Thịt hoàn toàn ba lần thuần tịnh là thịt của các động vật mà một người không giết hại, không yêu cầu người khác giết hại, và không nhìn thấy con vật đó bị giết hại. Nếu một người cúng dường thịt đó cho một người khác hoàn toàn không có những động cơ và mong muốn tội lỗi, cũng giống như khi anh ta cúng dường cơm cho người kia để ăn, thì việc làm này là trong sạch và cũng lợi lạc như là thuốc chữa bệnh. Nhưng thậm chí loại thịt ba lần thuần tịnh này cũng bị cấm đối với các Bồ Tát, những người đang thực hành lòng bi mẫn. Còn các

hành giả Mật Thừa càng đặc biệt bị cấm không được ăn dù là các loại thịt ba lần thuần tịnh. Bởi vì họ thực hành việc tôn trọng tất cả các hữu tình và coi họ như là các vị bổn tôn Hộ Phật. Chỉ khi họ thoát khỏi tất cả các sự thèm khát vào các đối tượng giác quan thì họ mới đạt được giải thoát.

Vị hoàng tử Kiên-định-trong-sự-Trung-thành (Firm-in-Faith) được ghi lại là đã nói:

Hãy lắng nghe ta, hồi vua của những con quỷ ăn thịt. Tất cả những người giết hại súc vật và ăn thịt súc vật sẽ bị giảm thọ mạng và bị tái sinh vào địa ngục. Những chúng sinh khác sẽ trả thù họ bằng việc giết hại và ăn thịt họ. Bởi vì nghiệp quả sẽ tương ứng với nhân đã gieo. Hãy lắng nghe ta, hồi vua của những con quỷ ăn thịt. Có bao nhiêu chúng sinh đã rơi vào vòng hư hỏng hủy hoại do đã chơi với những bạn tội lỗi. Nếu các người ăn thịt và máu của chúng sinh đã từng là cha mẹ của các người, thì các người sẽ bị đi xuống địa ngục.

Và Đức Atisha vĩ đại đã nói rằng:

Bên trong, con hãy từ bỏ sự bất tịnh của năm độc. Bên ngoài, con hãy từ bỏ tất cả sự dơ bẩn và ô nhiễm. Và ở giữa, con hãy từ bỏ sự bất tịnh do lười biếng và thờ ơ. Hãy từ bỏ những thức ăn độc hại: thịt, tỏi, hành, và rượu. Hãy thoát khỏi tất cả các thực dưỡng không trong sạch và không thích hợp. Đối với những ai sống bằng khát thực và tuân thủ một thời gian thọ thực nhất định, hãy từ bỏ việc ăn vào các thời điểm không đúng.

Một lần nọ, hai vị tăng dòng Kadampa là Lạt-ma Zhangton Darma Gyaltsen và Changchub Zangpo gặp một số người buôn chè trên đường đến vùng Dam. Hai vị tăng này khát thực xin thức ăn. Khampa, một trong số những người bán chè, dâng cho họ thịt khô, là sườn và cẳng sau của động vật. Changchub Zangpo đã khóc “Ôi! đây chính là phần dưới của bộ xương của mẹ tôi. Nó đã được giữ lại cho tôi từ lâu! Làm sao tôi, con của bà, lại có thể ăn thịt mẹ mình. Nếu chúng tôi mặc y áo đệ tử của Phật mà lại đi ăn thịt của mẹ mình, thì chúng tôi chắc hẳn phải là những con chó rừng!” Ngài bắt đầu đọc tụng câu chú *Om Kamkani Kamkani* và ngồi

xuống với một vẻ mặt ủ ê. Người buôn chè Khampa sợ hãi, anh ta cúi lạy vội vàng và chạy mất, mang thịt đi xa.

Lạt-ma Zhangton mỉm cười với lạt-ma Changchub Zangpo và nói rằng “Con có cha mẹ là những người có tín tâm với Pháp, và đã từ lâu rồi, con rời xa cuộc sống làng xóm và đã được trao giới nguyện từ một vị lạt-ma tốt. Sau đó, con học tập tốt, và cảm xúc buồn bã khi nhìn thấy thịt động vật đã từng có thời là cha mẹ của con là một điều vô cùng tốt đẹp. Giờ đây ta đã sống đủ lâu trên thế giới này để có thể được nhìn thấy những điều như vậy!”

Khi một vị Khampa già khác hỏi lạt-ma Zhangton là ông thuộc truyền thống tu gì, lạt-ma đã nói ông là nhà tu dòng Kadampa.

“Tôi đã quy y với dòng Kadampa!” Ngài Khampa già kêu lên. “Tôi hy vọng một tu viện lớn dòng Kadampa cũng sẽ được thiết lập ở Kham!”

Trong Kinh điển tả Nhân Quả Nghiệp Báo có ghi:

Nếu bạn ăn thịt và nhai xương, bạn sẽ bị mất răng! Nếu bạn ăn nội tạng và thịt của chó và lợn, bạn sẽ tái sinh trong địa ngục hôi hám. Nếu bạn ăn cá sau khi đã lóc vây, bạn sẽ bị tái sinh trong địa ngục rừng kiếm.

Và vị đạo sư trên quý Dromton đã tuyên bố:

Những hành giả từ bỏ chính thịt và máu của mình nhưng lại đi ăn thịt và uống máu của cha mẹ mình. Chúng ta sẽ kêu lên thảm thiết như thế nào nếu bị liên tục săn đuổi và bị bắt buộc hy sinh mạng sống vì những hành giả này!

Một lần kia có một vị đạo sư Ấn Độ tốt bụng và từ bi đến thăm Tây Tạng. Vị đạo sư đã ghi lại một cách tinh ý tất cả mọi thứ và còn nhận xét rằng, “Tôi nhận thấy rằng tất cả những gì các hành giả Tây Tạng thực hành là tuyệt vời. Tuy nhiên tất cả họ đều ăn thịt; họ không từ bỏ việc ăn thịt và điều đó không tốt.”

Vị lạt-ma vĩ đại Jamyang Gyamtso đã nói:

Tất cả các hiện tượng xuất hiện trong sự tương thuộc. Vì có mối liên hệ nhân duyên giữa người ăn thịt và người giết hại động vật, chính người ăn thịt đã tạo ra nhân và lý do cho hành động giết hại tội lỗi. Kết quả là nghiệp của việc giết hại, ví dụ việc giết hại bò, sẽ chín mùi trên cả người ăn thịt và người giết hại động vật. Sự khác nhau duy nhất nằm trong mức độ của nghiệp báo. Đây là một thực tế không thể chối bỏ. Các đạo sư dòng Kadampas nói sở dĩ như vậy vì những người ăn thịt cũng gây ra hành động tội lỗi tương tự như người giết hại. Do đó, việc tiêu thụ thịt bị cấm trong cả Tiểu Thừa và Đại Thừa. Vì vậy, các hành giả hãy từ bỏ việc ăn thịt càng nhiều càng tốt.

Trong luận giảng Kho tàng Quý giá (Precious Heap) đã chỉ ra:

Việc cho phép ăn thịt và cá là một chỉ dạy cần được giải nghĩa rõ. Bởi vì Đức Phật đã nói rằng nếu Ngài nghiêm cấm ăn thịt ngay từ đầu thì có một số người sẽ

không bao giờ thâm nhập được giáo pháp. Chính vì vậy, với phương tiện thiện xảo, Đức Phật đã loại bỏ việc ăn thịt một cách từ từ. Mặt khác, như một phương thuốc đối trị với những người tự cho rằng [chỉ] việc không ăn thịt đã là sự vĩ đại của họ và chỉ cần như thế là đầy đủ cho việc thực hành, Đức Phật đã tuyên điều ngược lại thông qua việc nói rằng ăn thịt không tạo ra chướng ngại trên con đường đạo. Đức Phật đã nói như vậy để hạ bệ những người tự coi mình tốt đẹp hơn chỉ vì họ là người ăn chay. Tuy nhiên, thực tế là việc tiêu dùng thịt bị cấm ở cả Tiểu Thừa và Đại Thừa. Ở cả hai thừa đều bị cấm ngang nhau đơn giản chỉ vì một lẽ là việc tiêu dùng thịt là hành động liên đới tới việc giết hại. Và đặc biệt Đức Phật yêu cầu tất cả các hành giả Bồ Tát không được ăn thịt.

Trước kia ngài Katyayana tôn quý mắc bệnh đậu mùa và bác sỹ nói Ngài cần ăn thịt và máu dê để bôi chúng lên da. Nhưng Katyayana đã nói ông thà chết chứ không phạm giới luật. Ông đã không ăn thịt và vì vậy đã không phải chịu khổ quả.

Khi Đức Taklung Thangpa rất yếu và đứng bên bờ của cái chết, ngài được yêu cầu ăn súp nấu với mỡ động vật, vì nó có thể chữa lành bệnh cho ngài. Khi đó ngài đã trả lời “Trong suốt cả cuộc đời mình, tôi đã giữ gìn được giới luật. Tại sao bây giờ khi đến thời điểm chết tôi lại vi phạm?” Ngài đã phớt lờ lời khuyên của bác sỹ và đã ra đi.

Có rất nhiều câu chuyện như vậy. Chúng ta đã nghe rất nhiều những việc như các ngài Atisha, Drikung Kyobpa và người đệ tử thân cận nhất, cũng như ngài Taklung Thangpa và những bậc vĩ đại khác đã sử dụng đường, mật ong,... chứ không phải thịt, và họ đã sử dụng sữa hay pho-ma chứ không phải rượu. Và điều đó là một niềm hoan hỷ lớn lao cho Đức Ponlop Lochen. Gotsangpa Natsok Rangdol đã nói rằng ngài cảm thấy một niềm hứng khởi tuyệt vời trước sự thực hành của Atisha, Taklung Thangpa và những bậc vĩ đại khác. Bởi vì trong thời đại của mình, ngài nhìn thấy rất nhiều tu sĩ chuẩn bị cho buổi lễ cúng dường *ganachakra* đã uống rượu chỉ vì thèm muốn và sử dụng một cách rất tầm thường.

Ngày xưa ở thời Đức Phật Dipamkara, ở tỉnh Drucha có một người đàn ông xấu xí có người vợ xinh đẹp thuộc giai cấp Bà-la-môn đã sinh một người con trai có đôi mắt đỏ và những chiếc răng nanh sắc nhọn. Khi còn là một em bé, cậu đã kéo và xé những con sâu rồi dẫn lên chúng. Khi lớn lên cậu ta đã giết động vật hoang dã và cá bất cứ khi nào có thể và ăn thịt uống rượu một cách vô điều độ. Cuối cùng anh ta đã chết vì bị đâm vào tim với một dao găm đen có thuốc độc. Anh ta bị tái sinh trong địa ngục và bị phanh thân, bị ăn bởi các động vật ăn thịt hoang dã, và bị các quỷ ma tra tấn bằng cách đổ kim loại nấu chảy vào miệng. Anh ta kêu gào và thét lên rằng, “Vì trong quá khứ tôi đã ăn thịt động vật, giờ đây những con chim hoang dại ăn ngấu nghiến thịt da tôi. Bởi vì tôi đã thèm khát và đã ăn thịt uống máu, giờ đây những kẻ khác đang ăn ngấu nghiến tôi. Thịt trước kia trông thật ngon lành khi tôi ăn, nhưng giờ đây khi quả chín mùi đã trở thì thật là kinh khủng! Uống rượu dẫn tới quả là những kẻ canh ngục đổ kim loại nóng chảy vào miệng. Bởi vì tôi đã uống vô điều độ, giờ đây những kẻ khác tra tấn tôi không thương xót. Rượu có vẻ như thật là ngon khi tôi uống, thì giờ đây khi quả chín mùi nó thật là kinh

khủng!” Sau đó anh ta lại bị tái sinh làm ngựa quý và lại bị đau khổ tiếp tục.

Và cũng có một vị vua tên là Senge Bangzang, ông vua này ăn uống chế độ kiêng khem và hoàn toàn không ăn thịt. Nhưng đến một thời điểm, sự thèm thịt của ông đã tăng lên đến độ cuối cùng ông đã ăn thịt của một đứa bé. Triều đình và mọi người xa lánh ông ta. Và vì thế ông đã bị chịu rất nhiều khổ sở và cuối cùng, sau khi chết ông bị tái sinh vào các cõi thấp.

Ngày xưa, khi Hoàng tử Kiên-định-trong-sự-Trung-thành lên đường đi đến đất của loài la sát ăn thịt người và hỏi một con quỷ la sát canh cổng là tại sao không ăn thịt ông, thì quỷ la sát đã khóc và đáp lại vị hoàng tử rằng: “Vị đạo sư của ngài, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đã trao cho chúng tôi – loài quỷ ăn thịt – giới nguyện upavasa – cần được thực hiện vào các ngày trăng tròn. Đức Phật đã giải thích với chúng tôi những hậu quả tội tệ của việc ăn thịt và dạy rằng thịt mà chúng tôi ăn thực chất là thịt cha mẹ của chúng tôi trong quá khứ. Ngài khuyên chúng tôi nên từ bỏ việc ăn thịt. Nhưng bởi vì máu và thịt là những thức ăn tự nhiên của chúng tôi, chúng tôi không thể hoàn toàn từ bỏ được, và vì thế

chúng tôi chỉ kiêng ăn thịt vào ngày thứ mười lăm của tháng. Nếu bất kỳ một con người nào đến đây vào ngày đó, chúng tôi không chỉ không làm hại họ mà chúng tôi còn giúp họ!”

Và chúng ta cũng được nghe kể lại rằng Vua Chome đã dâng cho Vua Pawo thịt một con hươu và hỏi Vua Pawo xem ngài đã ăn chưa. Vua Pawo đã trả lời là ngài không ăn, vì thịt tươi đỏ không phải là thức ăn đúng đắn đối với cả loài tinh linh ăn thịt, chứ đừng nói đến loài người. Và cuối cùng có một câu chuyện kể rằng có hai hành giả du già đang thực hành các pháp tu bổn tôn Hộ Phật Hayagriva và Varahi, và gần đến thời điểm thành tựu thì họ ăn một ít thịt lợn và thịt ngựa. Việc này đã gây ra cản trở cho việc thành tựu của họ, và vì vậy việc thành tựu đã không diễn ra.

Cuốn Ánh Sáng Không Tỳ Vết, một bình giải vĩ đại về Mật điển Kalachakra, đã nói rằng Đức Phật đã tiên đoán những hành giả du già Mật thừa sẽ ăn thịt, nhưng thịt đó lại thường xuyên là sản phẩm của giết hại. Nếu con người không giết hại súc vật để lấy thịt thì động vật cũng không bị nguy hại. Nếu không có người ăn thịt thì không có người giết hại động vật. Vì vậy cả

người ăn thịt lẫn người giết hại động vật đều phạm lỗi giết hại. Hơn nữa, những hành giả của những Mật Điện Bí Mật cần giữ hàng ngày mật nguyện thứ tư (trong số mười bốn mật nguyện gốc). Đó chắc chắn là sự chỉ dẫn của Đức Phật.

Đức Milarepa tôn kính đã nói rằng:

*Những con vật vô tội mà ngươi mổ thịt và ăn;
Ngươi đã ăn uống và việc đó làm ngươi say khướt
Và đó là cái nhân cho Địa Ngục Vô Gian
Ôi, xin hãy đừng nhảy vào vực thẳm khi hai mắt đang
mở.
Hãy cẩn trọng, hồi thân và người, xin hãy cẩn trọng!
Khi bị đâm bởi những chiếc gai nhọn, ngươi sẽ không
chịu được cái đau,
Thế mà ngươi lại giết hại và ăn thịt của chúng sinh.
Thật dữ dằn là những mũi tên của Địa Ngục Vô Gian,
Khi da sẽ bị bóc ra từ những xương sườn đang cháy
của ngươi!
Vì thế hãy từ bỏ việc ăn thịt và máu đỏ tội lỗi.
Hãy xem đây, không hư hỏng và còn nguyên vẹn;
Hãy nhận lấy nó và sử dụng theo ý ngươi!*

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Trong tiểu sử của Đức Phagmo Drupa đã kể lại rằng Ngài rất tôn kính ba giáo huấn và hoàn toàn không ăn những thức ăn tội lỗi như thịt. Ngài thậm chí còn không ăn súp mà nấu với mỡ động vật. Khi Ngài bị ngộ độc thức ăn và nằm trên bờ vực của cái chết, người ta khuyên Ngài là nếu Ngài uống một cốc bia đã được ban phước bằng những chú nguyện, Ngài sẽ được cứu sống. Nhưng Ngài đã không uống và vì vậy trả giá bằng mạng sống của mình.

Vị vua và cũng là lạt-ma Yeshe-O đã từng nêu lên thông điệp tới những người Tây Tạng, những người mà theo ngài đang thực hành sai:

Lòng từ bi của người thật nhỏ, còn nhỏ hơn của loại thú chuyên ăn thịt!

Sự thèm ăn thịt của người thật lớn, còn lớn hơn của điều hâu và chó sói!

Sự tham ái của người thật mạnh, người tội tệ hơn bò đực và lừa!

Người nốc bia rượu còn nhanh hơn cả tốc độ của những côn trùng bay và ruồi!

Sự nhận biết về dơ và sạch của người thì thua cả chó và lợn!

Trước những vị bốn tôn Hộ Phật, người bày phân của người,

Nước tiểu, tinh huyết, và máu của người –

Đáng thương thay cho người, người đi vào trong những bãi lầy của thịt thối rữa!

Người coi thường giáo huấn trong Tam tạng Kinh điển,

Đáng thương thay, người sẽ bị tái sinh trong những địa ngục tra tấn không người!

Và những con vật đáng lẽ ra cần được giải thoát thì người lại giết thịt,

Đáng thương thay cho người, những nhân này sẽ trở quả trong lãnh địa của la sát ăn thịt!

Người thêm khát sự hỷ lạc của hợp nhất –

Đáng thương thay cho người – sẽ mang người đến tái sinh ăn bám quấy phá trong bào thai!

Đức Changkya toàn tri đã từng tuyên dạy rằng:

Trước khi đưa lên đĩa và bày biện thật thịnh soạn

Những đồng xương và thịt đang chảy máu của những con vật bị giết hại.

Họ vung dao lên và rời mút những dẻ sườn đã được xiên

Bạn có nghĩ rằng họ sẽ đi để chiến đấu với đám quỷ ăn thịt không –

Những tu sĩ trông có vẻ đức hạnh, ôi, thật đáng thương cho họ!

Một lần, sau khi đã kể rất nhiều câu chuyện nói nên những tội lỗi của việc ăn thịt, ngài Drukpa Kunleg đã nói:

Đức Phật đã dạy việc ăn cá, thịt lợn, và tỏi là việc làm sai. Về vấn đề này, ta muốn nói thêm rằng, trong Đại Thừa nói chung, Đức Phật cấm ăn bất kỳ một loại thịt nào vì việc này làm suy giảm lòng từ bi của hành giả và vì việc tiêu thụ thịt có thể làm tổn hại đến cuộc sống của những người ăn thịt và thậm chí còn làm cho họ bị ảnh hưởng về mặt trí tuệ. Và hơn nữa, đặc biệt trong Kinh điển và Mật điển có dạy rằng tất cả các chúng sinh đã từng là cha mẹ của chúng ta. Đây là điều mà chúng ta có thể cảm nhận và tin tưởng là đúng – họ đã từng là cha mẹ của chúng ta từ vô thủy vô chung. Nếu xếp xương của tất cả những chúng sinh đã từng là cha của chúng ta, và tích lại sữa của tất cả các chúng sinh đã từng là mẹ của chúng ta [và sữa đó được cho chúng ta uống], thì tam thiên thế giới này cũng không đủ để

chứa. Và nếu chúng ta thật sự suy nghĩ về điều này, thì ai có thể ăn thịt của chính cha mẹ và con của mình?

Người ta nghĩ rằng các đấng Thanh Văn không còn muốn ăn thịt và không ăn các loại thịt không được phép là đủ rồi. Và họ ăn thịt rồi tự bào chữa cho mình bằng cách viện dẫn đến những văn tự như “Nếu các đấng Thanh Văn từ bỏ việc ăn loại thịt được phép (chính là thịt ba lần thuần tịnh), thì họ hành xử cũng như Devadatta” (*người anh em họ của Đức Phật*). Ví dụ, bạn sẽ không nói rằng một người phụ nữ bị phớt lờ bởi ba kẻ cuồng dâm là loại hàng hóa tốt, phải không? Vì vậy việc đi ăn loại thịt đã được mời chào (và bị từ chối) trong ba chợ là không đúng, phải không? Nếu người ta nguy biện bằng cách bám lấy nghĩa đen (bám lấy từ ngữ), và phớt lờ đi ý nghĩa của giáo huấn, họ đã sai.

Đó chính là những lời của Ngài Drukpa Kunleg. Hơn nữa, có một lần trên đường đi, ngài nhìn thấy một số tu viện có nhiều tu sĩ rất thích ăn thịt và đã mua thịt một cách tham lam từ những người bán. Ngài đã nói một cách khinh bỉ:

“Những tu viện này là những ổ chó sói và đúng vậy! Trong Đại-Thừa-Bồ-Tát-Học-Luận (Shikhsasamuccaya) đã dạy rằng chúng ta nên duy trì cơ thể của mình với thức ăn lành mạnh. Những thức ăn này không bao gồm cá và thịt, vì cá và thịt là các thức ăn bị cấm trong Kinh Lăng Già. Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật đã tuyên rằng những Bồ Tát có lòng từ bi không nên ăn bất kỳ loại thịt nào. Trong Đại-Thừa-Bồ-Tát-Học-Luận cũng nói rằng tạng Luật quy định những loại thịt ba lần thuần tịnh có thể được ăn và không cần phải từ bỏ, thì việc đưa ra quy định đó là nhằm mục đích xóa bỏ đi cảm giác ưu việt hơn của những người tự nghĩ rằng việc họ hoàn toàn không ăn thịt chứng tỏ họ đang nắm giữ một tri kiến trong sạch nhất. Đây cũng là một phương tiện thiện xảo nhằm giúp một số người vì nếu không dùng phương tiện thiện xảo như vậy thì họ sẽ không có khả năng lĩnh hội giáo lý do sự thèm thịt của mình, mặc dù những người này cũng có phước báu để được tiếp cận giáo lý. Điều này cũng được nêu lên trong Kinh Lăng Già, kinh đã nói rằng những giáo pháp và giới luật được đưa ra một cách từ từ và tất cả đều là các bước trong cùng một con đường. Vì thế, việc cho phép được ăn thịt trong giai đoạn Giới-Biệt-Giải-Thoát, thì bị cấm trong cỗ xe Đại Thừa, khi mà kẻ

cả việc ăn thịt của những con vật đã bị chết từ một trong mười loại chết tự nhiên cũng là hoàn toàn phạm luật.”

Về việc hình thành dần dần ba giới luật liên quan đến việc ăn thịt mà Đức Phật đã đưa ra theo từng bước, các vị Đạo sư trong quá khứ đã nói trong tạng Luật, là đầu tiên tất cả việc tiêu thụ và sử dụng thịt người và thịt động vật móng liền đều bị cấm. Sau đó ăn thịt nói chung là bị cấm chỉ trừ thịt ba lần thuần tịnh. Hai giới này trong tạng Luật, tiếp theo là giới của Đại Thừa [nói chung] nghiêm cấm các Bồ Tát ăn thịt dù bất kể loại thịt nào, kể cả thịt của động vật bị chết một cách tự nhiên. Đó chính là ba giới luật liên quan đến việc ăn thịt.

Đức Khyentse Rinpoche đã nói rằng trong các kinh điển, Ngài luôn chỉ nhìn thấy những huấn thị như “Ta đã không cho phép, Ta giờ không cho phép, Ta sẽ không cho phép việc ăn thịt. Ta đã nói với toàn bộ tăng đoàn là ăn thịt là một việc không đúng đắn.... Kể từ bây giờ, các vị Thanh Văn không được ăn thịt.” Ngược lại, Khyentse Rinpoche nói, ngài chưa bao giờ thấy chỗ nào mà Đức Phật nói “Hãy đánh dấu những con bò và

cừ sẽ bị giết thịt.” Khyentse Rinpoche cũng nói những người dân làng bên cạnh nơi Ngài sống giết số lượng lớn động vật đã được nuôi béo chỉ vì họ muốn ăn thịt, và những người dân này cũng mang gan và các phần thịt khác nhau để dâng cho các lạt-ma và các thiền sư.

“Đáng thương thay cho những người này!” ngài khóc. “Những người dân này mới phóng khoáng làm sao và họ có cái nhìn thật thanh tịnh về các vị lạt-ma! Họ can đảm làm sao khi có thể giết hại như vậy! Họ không nghĩ rằng hành động giết hại là một tội lỗi to lớn! Họ nghĩ rằng món quà nhỏ đó cho các vị lạt-ma và các thiền sư sẽ mang lại cho họ nhiều lợi lạc và tẩy sạch lỗi lầm của họ; và họ nghĩ rằng các lạt-ma có thể giải thoát chúng sinh cũng dễ dàng như kéo chúng với những dây xích bằng sắt. Điều đó hoàn toàn không thể được! Đức Long Thọ (Nagarjuna) đã nói trong tác phẩm của ngài có tên Lá thư cho một Người Bạn:

*Nếu tôi nặn một viên đất cỡ chỉ bằng quả dâu
Cho mỗi người mẹ đã từng sinh ra tôi
Thì cả quả đất này cũng không đủ để làm được.*

“Tất cả các chúng sinh đã từng là những bà mẹ của chúng ta, nhưng những người bình thường không nhận ra được họ, chính vì vậy mà những người đó có thể giết họ. Tất nhiên, chúng ta, những hành giả thực hành pháp, không thể ăn thịt, tại sao? Bởi vì cha mẹ chúng ta, anh chị cũng như bạn bè quá khứ, những người đã từng rất tử tế với chúng ta – giờ đây, họ ở trước mặt chúng ta! Họ đã trở thành những tạo vật lung còng xuống và ngu si được gọi là động vật, không biết điều gì cần làm và điều gì cần tránh. Họ có thể có sừng trên đầu, có thể đi bằng bốn chân, nhưng họ đã từng là cha mẹ và bạn bè trong quá khứ của chúng ta. Người ta không bao giờ nghĩ về điều này. Họ giam hãm những con vật trong chuồng và trại, điều này thật tội tệ. Và khi những con vật này, tất cả là cha mẹ hay vợ chồng hay bạn bè trong quá khứ của chúng ta rơi vào tay của những kẻ bán thịt, những người độc ác không hề có một chút gì từ bi, chúng run rẩy với sự lo sợ, kinh hãi tột cùng trước ánh mắt của tên đao phủ. Mắt của những con vật tràn đầy nước mắt và chúng níu chặt trong nỗi lo sợ. Những con vật này tự nghĩ “Ai sẽ giúp tôi bây giờ? Không còn chỗ nào cho tôi chạy nữa; tôi cũng không thể bay; chỉ còn cái chết cho tôi!” Những con vật đó tràn đầy sự kinh hãi, sự khổ đau của chúng còn

kinh khủng hơn là khi chúng ở bên bờ vực của những địa ngục nóng. Chúng bị ném xuống đất, mắt của chúng nổ đom đóm. Thế rồi, xoa tay vào nhau với sự thỏa mãn, những tên đồ tể dùng dao mổ bụng những con vật này mà không hề có một chút do dự nào và đưa chúng lên đường đến với kiếp mới. Có gì ở đây có thể làm vui lòng các vị lạt-ma? Với một sự tin tưởng tuyệt đối vào Đức Liên Hoa Sanh (Guru Rinpoche), tôi khóc mà cầu xin với các bạn – tất cả những ai yêu thương tôi, xin đừng giết hại ngay cả khi để bảo vệ mạng sống của chính bạn. Đức Phật đã từng nói ở trong Kinh Liên tục Chánh niệm (*Sutra of Close Mindfulness*): “Những ai giết hại dù chỉ một chúng sinh sẽ bị đun sôi trong địa ngục trong một trung kiếp.” Kinh cũng nói rằng dâng tặng những thứ như thịt, rượu, chất độc, và vũ khí là một hành động xấu, dù là làm trực tiếp hay gián tiếp. Vì vậy việc dâng tặng thịt là một hành động không đúng. Ngay cả đối với những người không biết đến một thực hành nào khác thì cũng nên tránh ăn thịt càng nhiều càng tốt. Cầu xin cho những lời chân thực này được lan xa!”

Đấng Kim-Cang-Trì (*Vajradhara*) Reting Trichen đã nói:

Những vị Bồ Tát mà còn thêm vị thịt sẽ làm thuyên giảm sự từ bi của mình. Họ nên từ bỏ việc ăn thịt!

Bình giảng của ngài Khendrup Je về Ba Giới Nguyên đã nói rằng, về tổng thể thì chỉ có Bồ Tát là cần phải từ bỏ ăn thịt. Vì vậy tất cả những ai đã thọ giới nguyên Bồ-Đề-Tâm, dù họ là tăng sĩ, ni sư, hay là người thường, cần từ bỏ việc ăn thịt. Bởi vì nếu các hành giả Bồ Tát, những người được khen ngợi, đi ăn thịt thì sự thêm mạnh mẽ vị thịt sẽ phát triển trong họ. Và kết quả là lòng từ bi của họ sẽ giảm dần. Vì vậy những vị tu sĩ thọ giới đầy đủ, những vị mới thọ giới, các vị vua, bộ trưởng, thủ lĩnh, và những người bình thường thực hành Đại Thừa cần phải từ bỏ việc ăn thịt.

Ngài Khendrup Je đã tiên đoán rằng mặc dù có những người đã thọ giới Bồ Tát và đọc tụng lời nguyện Bồ-Đề-Tâm hàng trăm lần nhưng vẫn không coi việc giết hại hàng nghìn con vật có chủ ý hay xúi giục người khác làm như vậy là việc làm sai trái; chứ chưa cần nói đến việc họ từ bỏ ăn thịt. Ngài luôn đúng, và chúng ta có thể nhìn thấy trong thời đại của chúng ta sự tiên đoán của Ngài đã trở thành hiện thực!

Vì vậy chúng ta cần phải coi việc ăn thịt là trái ngược lại với giáo lý. Chúng ta phải quen với suy nghĩ việc thềm ăn thịt là sai trái và chúng ta cần từ bỏ nó! Nếu chúng ta lại tự nghĩ, “Thịt thật tốt cho chúng ta. Thịt là sạch và lành mạnh. Thịt có hương vị thật là ngon!” thì hậu quả là bất cứ khi nào thịt và máu được đặt trước mặt chúng ta – như thể nó cũng không khác gạo và tsampa, sữa và bơ – chúng ta sẽ cảm thấy rất thềm và sẽ không thể từ chối. Chính vì vậy mà đức Khendrup Je đã nói rằng, ngay khi chúng ta chuẩn bị cho thịt vào miệng, chúng ta cần suy nghĩ rằng thịt là thứ gì dơ bẩn, đến từ máu huyết và tinh dịch. Ngoài ra chúng ta cần nhớ rằng thịt đó là từ những chúng sinh từng là mẹ hoặc con cái của chúng ta từ vô thủy vô chung. Và chúng ta kết luận thật là sai trái nếu lại thềm ăn thịt của họ, cũng giống như kinh sợ làm sao nếu chúng ta lại đi mong muốn được ăn thịt của con cái mình!

Chúng ta nên suy ngẫm về những nguy hại tiềm ẩn trong việc mong muốn ăn thịt và đối chiếu chúng với những giáo lý, rằng nếu chúng ta đi săn và câu cá, chúng ta sẽ trở thành những tên đồ tể và những kẻ giết hại. Nếu chúng ta mua thịt, chúng ta đang khuyến

khích kẻ khác giết động vật để lấy thịt. Nếu chúng ta buôn bán thịt của những động vật bị giết hại để kiếm tiền, nếu chúng ta muốn ăn thịt, thì chúng ta giống như Senge Bangzang và Prince Kangtra, những kẻ đã giết người để ăn thịt. Người thấy mùi ghê tởm của chúng ta, động vật sẽ chạy trốn. Giáo huấn này nói rằng việc thành tựu mật chú vidya (*duy thức luận*) và sự phát triển lòng yêu thương và bi mẫn lớn lao sẽ bị cản trở.

Vì vậy khi thèm ăn thịt, chúng ta cũng không nên bao giờ nói là Luật tạng ủng hộ việc ăn thịt. Chúng ta được dạy rằng không bao giờ, thậm chí cả trong giấc mơ, đi nói là việc ăn thịt là không lỗi lầm. Kinh nghiệm đã chứng minh rằng, những người mong mỗi giác ngộ và trưởng dưỡng Bồ-Đề-Tâm mà ăn thịt thì sự từ bi của họ sẽ bị suy giảm và sự quyết tâm cũng vậy. Mặt khác giáo huấn đã nói khi hành giả luôn kiểm soát mình để kiềm chế sự thèm hương vị thịt, và khi những người này từ bỏ ăn thịt các loại, kể cả thịt ba lần thuần tịnh hay không thuần tịnh – tức là cả thịt của những động vật bị giết hại và những động vật bị chết một cách tự nhiên – thì đó thật sự là một điều kỳ diệu lớn lao!

Thậm chí cả những người ngoại đạo cũng từ bỏ việc ăn thịt. Thánh Suge đã nói:

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

*Tất cả các con vật người đã giết thịt trước đó
Máu của chúng ngập đầy trước chân người.
Chẳng nhẽ đó là cách mà người sẽ tái sinh ở các cõi
cao,
Vậy điều gì sẽ làm người chìm xuống địa ngục?*

Và ngài Netso đã nói:

*Những con cừu bị giết hại là nhân chứng cho hành
động giết hại của người,
Máu của chúng tràn ngập trước chân người.
Chẳng nhẽ đó là cách mà người sẽ tái sinh ở các cõi
cao,
Vậy điều gì sẽ làm người chìm xuống địa ngục?*

Thánh Jawa nói:

*Một kẻ ăn thịt, và một kẻ bị ăn thịt –
Hãy xem điều gì chia cách hai kẻ này!
Một kẻ với cái bụng đầy còn cuộc đời bị cắt ngắn
Kẻ kia bị mất đi mạng sống!
Nhưng ai hiểu nỗi sợ và nỗi đau
Của những kẻ biết mình ở giờ phút cuối của cuộc đời*

Sẽ gìn giữ mạng sống của tất cả các chúng sinh.

Nhiều vị thánh uyên thâm và từ bi ngoài đạo Phật đã đồng ý rằng bảo vệ dù chỉ một chúng sinh thoát khỏi sợ hãi thì vô cùng tốt đẹp. Thậm chí việc cúng dường nhiều núi vàng và châu báu cho hàng ngàn vị Bà-là-môn, cùng với các món quà là trâu bò và tiền bạc, cũng không sánh được. Đó chính là quan điểm của một số vị thánh uyên thâm và từ bi ngoài đạo Phật.

Nếu nghiêm túc thực hiện những gì thống nhất với thông điệp của Đức Phật – dù rằng những thứ đó xuất phát từ người bình thường hay người không phải là Phật tử – thì chúng ta cũng coi chúng như giáo pháp của Đức Phật và chúng ta sẽ không bị sai lầm. Mật điển Kalachakra đã dạy rằng những giáo lý không phải thuộc Đạo Phật nhưng thực sự tuyệt vời cũng cần được tôn kính. Và trong kinh Ương Quật Ma (*Angulimala*) cũng thuyết rằng chúng ta cần hiểu tất cả những gì thống nhất với giáo lý của Đức Phật thì chính là giáo lý của Đức Phật. Tất cả những điều này là khai thị của đức Khendrup Je.

Vì vậy chúng ta có thể thấy rằng việc ăn thịt được coi là sai trái đối với cả Đạo Phật và ngoài Đạo Phật. Ai đó có thể phản đối và nói rằng tại sao ngài Gunaprabha nói trong Luật tạng và điều này cũng được lặp lại trong đại bình giảng, là nếu các vị Thanh Văn từ bỏ thịt ba lần thuần tịnh [là thịt được cho phép ăn], thì họ hành xử giống như Devadatta vậy. Chúng tôi giải thích câu hỏi này thông qua việc nhấn mạnh rằng Devadatta liên tục ghen tỵ với Đức Phật. Ông ta đã từng cố gắng hãm hại Đức Phật bằng nhiều cách, ví dụ đã từng lăn đá vào Đức Phật, thả voi cho húc Ngài. Thêm nữa, ông ta đã tạo ra sự phân chia trong tăng đoàn thông qua việc nói với những người xung quanh, “Hãy nhìn kia, vị Cồ Đàm đức hạnh lại ăn thịt nhưng chúng ta sẽ không ăn thịt, vì như vậy là làm hại động vật.” Bằng cách này, ông ta đưa ra giới luật trông có vẻ từ bi hơn giới luật mà Đức Phật đưa ra. Tương tự như vậy, nếu chúng ta, những đệ tử của Đức Phật, từ bỏ việc ăn thịt chỉ vì chúng ta muốn được tôn kính và ghen tỵ với người khác, cố gắng để trông có vẻ tốt đẹp hơn họ, thì chúng ta thật sự là hành xử giống như Devadatta. Nhưng mà thật là sai trái nếu đi so sánh những người từ bỏ việc ăn thịt xuất phát từ một tấm lòng từ bi chân thật và không muốn làm hại động vật dù là gián tiếp hay trực tiếp –

với Devadatta. Những người như vậy thì giống như là Đức Phật, hay Bồ Tát, hay các hành giả Phật Pháp giống như các vị dòng Kadampas cổ xưa, hay các vị thánh hoặc những vị từ bi ngoài đạo Phật, những hành giả hoặc những người bình thường khác có lòng từ bi. Nếu một người hiểu lầm như ở trên thì chẳng khác gì người đó ngụ ý rằng những ai ăn thịt thì hành xử giống như Đức Phật. Và sẽ là lý luận để người đó thay đổi câu chữ của Luật tạng đến độ kiêu như nếu các vị Thanh Văn ăn thịt được cho phép vì nó ba lần thuần tịnh thì họ cũng hành xử giống như Đức Phật. Không nghi ngờ gì nhiều người sẽ chế bịa ra những văn tự và bình luận như vậy – không vì lý do gì khác hơn việc họ muốn ăn thịt.

Việc ăn thịt được xem là một việc đưa Pháp đến chỗ tai tiếng, và vì vậy sự ngăn cấm ăn thịt được tìm thấy trong Kinh Lăng Già xuất phát từ thực tế là ở một số nước và tại một số thời điểm nhất định, thậm chí những hành giả không thuộc đạo Phật, như những hành giả đạo Jains, cũng từ bỏ việc ăn thịt. Vì vậy quần chúng có thể nghĩ rằng những tu sĩ đạo Phật là thấp kém hơn họ, và vì vậy dẫn đến họ thiếu sự tín tâm vào giáo lý Đức Phật. Đó là một trong những lý do mà Đức

Phật nói chúng ta không nên ăn thịt. Hơn nữa, Phật Pháp xuất phát từ sự từ bi, chính đó là lý do mà Đức Phật đã cấm việc ăn thịt vì nghĩ đến chúng sinh khác, mặc dù trong một trường hợp cụ thể của ai đó thì việc ăn thịt không phải là phạm tội.

Chắc chắn rằng nếu tất cả các văn tự nói về lỗi lầm của việc ăn thịt, dù rằng trong kinh điển, mật điển, bình giảng, hay trong tiểu sử các vị đạo sư và trong các bài ca chúng ngộ của họ, được thu thập lại thì sẽ có được một quyển sách rất dày.

Thịt chính là một cản trở trên con đường đạo. Nó là nhân cho những cõi thấp và là lấy đi mạng sống động vật. Việc tiêu thụ thịt rõ ràng là nguyên nhân của sự hãm hại đến chúng sinh khác, không có loại thức ăn nào lại mang đến nhiều tổn hại như vậy. Vì vậy tất cả mọi người – đạo sư, đệ tử, và những thí chủ – cùng với tất cả những hành giả thông tuệ và từ bi, những người bình thường dù là ở cuộc sống tu viện hay Phật tử ở ngoài, dù có thể lực hay người yếu đuối, từ giờ trở đi cần phải cố gắng không ăn thịt. Chúng ta phải coi thịt là một thức ăn bất tịnh và như thể là thịt của cha mẹ và

con cái của chúng ta. Chúng ta cần phải xem thịt như thuốc độc.

Chúng ta hãy cầu nguyện vị đại đạo sư – Đức Phật – quán tưởng Ngài ở phía trên đỉnh đầu, xin Ngài gia trì để chúng ta có sức mạnh đi theo lời huấn thị của Ngài; và hãy quán tưởng một dòng cam lồ tuôn chảy xuống và tịnh hóa chúng ta.

ĐOẠN KẾT

*Đức Phật từ bi, nơi Quy Y của tất cả chúng con,
Với trí huệ thâm sâu và sáng tỏ của Người
Trong ba thời – quá khứ, hiện tại, và vị lai –
Với lòng nhân từ và tình yêu thương, xin hãy che chở
cho tất cả chúng sinh như những đứa con yêu dấu
nhất,
Hãy luôn luôn ở trên đỉnh đầu con và gia trì cho con.*

*Việc ăn thịt và máu của các chúng sinh đã từng là cha
mẹ,*

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Thức ăn tội lỗi này làm gia tăng ham muốn, là gốc rễ của luân hồi;

Nó cắt bỏ đi lòng từ bi, là gốc rễ của Pháp.

Vì vậy tất cả các tội lỗi từ việc tiêu dùng thịt

Thì đây con xin lặp lại trong bài hát có vần và âm điệu này.

Tất cả những ai đã ăn loại thức ăn tai hại này,

Máu và thịt của các chúng sinh đã từng làm cha mẹ của mình,

Sẽ tái sinh trong các địa ngục gào thét và lửa cháy,

Nơi đó họ bị nướng và bị đun sôi.

Nếu người ăn thịt của động vật bị kẻ khác giết,

Người sẽ ở trong những địa ngục như vậy trong suốt một đại kiếp.

Nhưng nếu người ăn thịt của động vật mà chính người giết hại

Hoặc ra lệnh cho kẻ khác giết hại, thì sẽ là một trăm ngàn đại kiếp

Người bị ở trong địa ngục.

Và nếu người uống máu của động vật bị kẻ khác giết hại,

Trong suốt một đại kiếp thậm chí là

*Tên của Tam Bảo cũng không đến tai người.
Nhưng nếu người uống máu của động vật chính tay
người giết,
Người sẽ bị tái sinh trong các địa ngục kim loại nóng
chảy.
Nếu người ăn máu thịt đã nấu của con bò,
Trong bảy kiếp người sẽ bị tái sinh trong thân của loại
động vật hèn mọn.
Và nếu người nuôi thân thể mình bằng thịt và máu,
Một cuộc sống tái sinh có độ dài bằng một đại kiếp,
trong địa ngục đồng sôi.
Và sau bảy kiếp một số phận giống hệt như vậy sẽ đón
những kẻ
Nuôi thân mình bằng thịt và máu đỏ tươi -
Còn sẽ là sau mười kiếp cho những kẻ ăn khi thịt và
máu đã được nấu.

Ăn thịt của động vật hoang dại mà người giết sẽ dẫn
người tới địa ngục;
Và nếu, giống như thú vật, người ăn những tạo vật
đang còn sống,
Thì hồi ôi, Diêm Vương, sẽ rót vào miệng người
Một dòng kim loại nóng chảy.*

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Khi ấy người sẽ kêu gào như thế nào khi bị cháy bỏng ruột gan!

*Ăn thịt của những con cá người đã câu
Sẽ dẫn người tái sinh trong các địa ngục rùng rợn kiếm nhọn,
Và nếu người ăn thịt và ruột của chó hay lợn,
Người sẽ tái sinh trong địa ngục lây lội hôi thối.
Tất cả những kẻ ăn thịt và máu với sự thèm muốn khó cưỡng,
Sẽ bị tái sinh thành những tinh linh ăn thịt và máu.*

*Nếu, sau khi đã giết hại dê hay cừu hay bò, người bán thịt chúng,
Người sẽ bị tái sinh làm quỷ dữ, những con ma kinh hãi.*

*Còn nếu giết động vật để ăn thịt
Dẫn người đến địa ngục nóng bỏng khôn cùng.
Ăn thịt và máu, người sẽ trở thành
Hổ, sư tử, chó sói, cáo hay mèo, những con vật ăn thịt kinh hãi.*

*Còn nếu người ăn thịt người, người sẽ trở thành
Con ma cà rồng nam hay nữ, hay quỷ dữ, quỷ thần ăn thịt.*

Và cả những tái sinh bị ruồng bỏ sẽ đến với ngươi:
Như những tên đồ tể, những tên thợ săn độc ác, hay
những con ma tội lỗi.

Vì đã ăn thịt và máu, không hề có một mảy may hối
thẹn,

Trong những kiếp tương lai ngươi sẽ trở thành người
điên không biết điểm dừng.

Gặm thịt và xương sẽ dẫn đến

Trong những kiếp tái sinh ngươi bị rụng răng khi còn
trẻ.

Vì vậy mật điển của Đức Quán Thế Âm đại bi

Tất cả đều nói rằng máu và thịt là những thức ăn làm
phí phạm ba cõi.

Ngươi sẽ cảm thấy ra sao, khi miệng ngáp ngắc ngoài,
đầu bị chặt khỏi cổ, và tim bị xé toạc,

Khi kẻ khác ăn thịt và uống máu ngươi?

Hãy sử dụng thân thể này để suy tư –

Hãy đừng ăn thịt, nguồn gốc của tổn hại đến kẻ khác.

Để cung cấp thịt cho thế giới này

Vô số thú vật bị giết thịt hàng ngày.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ăn thịt đã gây tổn hại

Tới cuộc sống của các chúng sinh khác.

Không có thức ăn nào mang lại nhiều sự chết chóc như vậy.

Vì vậy thịt còn tội tệ hơn rượu rất nhiều,

Vì đã làm tổn hại quá nhiều cuộc sống của các chúng sinh khác.

Vì vậy thức ăn tội lỗi đó cần nên tránh xa

Bởi bất kỳ ai là người có lòng bi mẫn.

Nguyên nhân chính của tái sinh trong địa ngục là giết hại,

Mà lý do lớn nhất của việc đó là để có thịt làm thức ăn.

Để có thịt ăn, người ta đã giết dê, cừu, và bò.

Một số con bị những kẻ kia bịt miệng cho ngắc ngoải,

Ôi kinh hãi làm sao!

Một số bị bọn họ bắt khi sống và bị mổ bụng với dao sắc,

Dùng tay giết chúng – ôi thật kinh hãi!

Một số bị rạch một đường bên sườn ngay dưới tim

Và cắt thân làm đôi với xiên và dao – ôi thật kinh hãi!

Một số thì bị một đường ở cổ,

Cắt cổ của chúng – ôi thật kinh hãi!

Có bao nhiêu cách những kẻ kia đã giết hại các nạn nhân của họ,

*Giết hại những chúng sinh đã từng làm cha mẹ mình –
Ôi thật kinh hãi!*

*Trong tất cả các đời vị lai của ngươi, xin hãy đừng bao
giờ sử dụng nữa*

Thịt và máu của chúng sinh đã từng là cha mẹ mình.

Với sự gia trì của Đức Phật, Đáng từ bi nhất,

Xin ngươi hãy không còn thèm muốn ăn thịt nữa.

CAM LÒ CỦA SỰ BÁT TỬ



Con cúi đầu chí thành đánh lễ và quy y tất cả các đấng đạo sư tôn quý, các đấng Pháp vương, và tất cả các bậc là suối nguồn yêu thương vĩ đại vô điều kiện và không thể nghĩ bàn. Con khẩn nguyện các vị hãy gia trì cho con và tất cả các chúng sinh với lòng đại bi, để giúp cho tình yêu thương, sự bi mẫn và Bồ Đề Tâm nảy nở trong tâm thức chúng con.

Trong tất cả các kiếp trong vòng luân hồi vô thủy vô chung này, không có chúng sinh nào mà lại đã không từng làm mẹ chúng ta. Và khi các chúng sinh này chăm sóc chúng ta, thì họ cũng đối xử tử tế như người mẹ trong kiếp hiện tại. Điều này được Đức Phật – Đạo sư của chúng ta – từng dạy nhiều lần. Và ai có thể nghi ngờ giáo huấn của Ngài?

Đó là tại sao chúng ta cần thực hành chỉ dẫn bảy điểm để tôi luyện Bồ Đề Tâm. Đầu tiên, chúng ta phải học để nhận ra rằng tất cả các chúng sinh đã từng là cha mẹ ta. Thứ hai, chúng ta cần biết đến sự tử tế mà họ đã từng dành cho ta, và thứ ba, là quyết tâm để đền đáp họ. Thứ tư, chúng ta cần khơi dậy tình yêu thương với họ, và thứ năm là lòng bi mẫn. Thứ sáu, chúng ta cần vun trồng suy nghĩ phi thường về trách nhiệm rộng lớn bao trùm, và điểm thứ bảy chính là kết quả vĩ đại, là thái độ về Bồ Đề Tâm. Tương tự chúng ta phải tôi luyện lặp đi lặp lại cho chính mình sự thực hành về bình đẳng và hoán đổi vị trí giữa ta và người. Sau đó, trước vị Đạo sư và Tam Bảo, chúng ta cần phát Bồ Đề Tâm, cả trên phương diện Bồ Đề Tâm nguyện và Bồ Đề Tâm hạnh.

Khi đã có được nhận thức tất cả các chúng sinh đã từng là cha mẹ, và khi sự nhận thức này trở nên liên tục thì kết quả là khi nhìn thấy thịt, chúng ta nhận ra rằng đó là thịt của những người mẹ của mình. Và đừng nói đến việc cầm chúng lên và bỏ vào miệng, chúng ta thậm chí còn không thể động đến miếng thịt hay ngửi mùi thịt nữa. Đây là thông điệp của nhiều đấng đạo sư trong quá khứ, những người là hiện thân của lòng từ bi.

Lý do cho những lời dạy này của các Ngài là gì? Dê, cừu và các con vật nuôi khác đã từng là những người mẹ tử tế của chúng ta vào thời điểm nào đó. Giết hại những con vật này bằng cách buộc miệng chúng lại, đâm vào cơ thể chúng để lấy đi huyết mạch sống, để một người có thể ăn thịt đỏ còn tươi của các con dê hay cừu đó – tất cả điều này chính là những hành động ma quỷ tàn ác. Đây là hành động mà Đức Phật đã phản đối dưới nhiều hình thức khác nhau. Đức Phật đã từng nói:

Và vì vậy Ta phản đối việc ăn thịt, được nhắc trong các giáo huấn:

Trong kinh Niết Bàn (Parinirvana), kinh Ương Quật Ma (Angulimala),

Kinh Lăng Già (Lankavatara), Kinh Tượng Kiếp (Hastikakshya), và kinh Đại Vân (Mahamegha).

Tôi không có ý định trình bày chi tiết những sai lầm từ việc ăn thịt, bởi vì điều này đã được nhắc đến trong một số các kinh điển, mật điển, và các giáo huấn. Thay vào đó tôi chỉ muốn đưa ra một giải thích tổng quan và ngắn gọn về vấn đề này.

Chúng ta đã được nghe rằng nếu chúng ta ăn thức ăn tội lỗi, nếu chúng ta tiêu thụ thịt và máu của các chúng sinh đã từng là cha mẹ chúng ta, thì trong kiếp tương lai chúng ta sẽ tái sinh trong địa ngục Gào Thét, đó là một trong các địa ngục nóng của 18 địa ngục. Bởi vì chúng ta đã từng ăn thịt của các chúng sinh, nước đồng sôi màu đỏ sẽ chảy vào mồm chúng ta, đốt cháy các bộ phận trong cơ thể và đồng thời dâng lên từ các bộ phận ở phía dưới. Chúng ta sẽ phải trải nghiệm sự đau đớn vô cùng. Và thậm chí khi chúng ta được tái sinh trở lại trên thế giới này, trong năm trăm kiếp, chúng ta sẽ phải tái sinh trong các dạng đói khát và ác độc. Vô số kiếp chúng ta sẽ tái sinh với dạng người bị ruồng bỏ, người bán thịt, người dân chài, thợ nhuộm, hay dưới dạng những loại động vật khát máu như hổ, sư tử, báo, gấu, bọ cạp, rắn, chó sói, cáo, mèo, đại bàng, diều hâu. Vì vậy để có một tái sinh tốt đẹp với thân người hoặc được ở cõi cao hơn, và để tiến bước trên con đường dẫn đến tự do giải thoát, thì rõ ràng việc ăn thịt sẽ là một cản trở to lớn.

Hơn nữa, chúng ta đã được dạy rằng, trí tuệ chân như toàn tri đến từ Bồ Đề Tâm. Mà Bồ Đề Tâm được nảy nở từ gốc rễ là lòng từ bi và việc hoàn thành các

phương tiện thiện xảo của sáu Ba La Mật. Mật điển “Đại giác ngộ của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na” (*Vairochana*) đã dạy rằng: “trí tuệ chân như và toàn tri đến từ Bồ Đề Tâm, được nảy nở từ gốc rễ từ bi và Bồ Đề Tâm cũng chính là sự hoàn thiện đầy đủ các phương tiện thiện xảo.” Vì thế một trong những cản trở lớn nhất của việc phát khởi Bồ Đề Tâm là thèm ăn thịt. Bởi vì nếu lòng đại bi không được phát triển trong tâm chúng ta thì nền tảng của Bồ Đề Tâm không được vững chắc. Và nếu Bồ Đề Tâm không vững chắc thì dù chúng ta có nhận một trăm lần chúng ta là những hành giả Đại thừa, nhưng sự thật là không phải như vậy; chúng ta không phải những vị Bồ Tát của cỗ xe lớn. Từ đó chúng ta cần hiểu rằng việc thiếu khả năng loại trừ đi mong muốn ăn thịt là một cản trở cho việc đạt được giác ngộ. Vì vậy, tất cả những ai thực hành pháp – và thực ra là tất cả mọi người – nên nỗ lực cao nhất trong khả năng của mình, để từ bỏ việc ăn thức ăn tội lỗi này - là thịt của cha mẹ chúng ta.

Một số người sẽ phản đối và cho rằng trong các giáo huấn có nói: một người chỉ phải chịu kết quả nghiệp của các hành động mà họ thực sự làm, và không có kết quả nào phát sinh từ những hành động họ không làm.

Vì vậy theo luật nhân quả, nếu một người ăn thịt động vật mà người đó không nhìn thấy động vật đó bị giết để dành cho họ, không nhận được thông báo là những động vật đã bị giết vì mục đích cho họ, và nếu người đó không nghi ngờ động vật đã bị giết vì anh ta, thì người đó không phạm lỗi gì. Họ sẽ nói “cũng không sao đâu. Chúng tôi không tham gia vào việc giết hại những con cừu này (hoặc bất kỳ động vật nào liên quan). Vì vậy chúng tôi tin chắc là quả nghiệp giết hại không chín đối với chúng tôi, mà là của những người trực tiếp giết hại động vật.”

Lý lẽ này cần được kiểm chứng chặt chẽ hơn. Chúng ta hãy tưởng tượng là có một làng ngay gần với một tu viện lớn nơi có những tu sĩ ăn thịt. Những người sống trong làng tính toán là nếu họ giết cừu và bán phần thịt ngon nhất trong mùa xuân cho cộng đồng tu sĩ ở tu viện thì họ sẽ có lời, bởi vì họ sẽ giữ phần lông, đầu, chân cừu cho họ. Và những tu sĩ biết rõ rằng con cừu đã được giết và thịt của nó được giữ lại, sẽ đến để mua thịt. Tới năm sau, gia đình bán thịt sẽ giết thêm cừu để bán thịt. Và nếu họ làm ăn sinh lời từ việc này, năm sau nữa sẽ có hàng trăm động vật bị giết và gia đình người bán thịt đó sẽ giàu có. Vì vậy do cố để trở nên

giàu có, họ đã trở thành những người mổ và bán thịt. Họ sẽ dạy cách làm ăn buôn bán này cho con cháu họ và những người thân cận với họ. Và thậm chí nếu họ không truyền lại cho người khác, thì những người xung quanh sẽ nhìn thấy công việc xấu của họ. Đến lượt những người này sẽ trở thành những người giết mổ thịt và làm những công việc đầy tội lỗi, và tạo ra động cơ cho một xâu chuỗi đầy tiêu cực và tội lỗi được tiếp diễn cho đến tận cuối vòng luân hồi. Và tất cả được bắt đầu bằng chỉ một lý do: cộng đồng tu viện và những người khác ăn thịt. Do vậy ai là người hành động tội lỗi một cách liên tục như những cộng đồng tu viện ăn thịt kia?

Nếu không có người ăn thịt, sẽ không có người giết mổ –cũng như ở Ấn Độ và Nepal không có người buôn trà vì không có người uống trà. Người ăn thịt tham dự vào hành động tội lỗi của người giết mổ. Và do hành động của người ăn thịt là tiêu cực, thật sai lầm khi nghĩ rằng nghiệp quả khi đã chín lại không phải là tiêu cực. Đức Phật đã dạy rằng mọi hành động mà trực tiếp hay gián tiếp mang lại đau khổ cho chúng sinh thì đều là tội lỗi. Những lời dạy của Đức Phật là sự thật, rõ ràng là việc ăn thịt gần như chắc chắn mang nhiều tổn thương cho

chúng sinh hơn việc sử dụng bất kỳ thức ăn nào khác. Chính vì vậy Mật điển Kalachakra (thời luân) và phần luận giải đều tuyên bố rằng, giữa người ăn thịt và người giết mổ động vật, thì người ăn thịt có nhiều tội lỗi hơn. Vì vậy, đối với ai còn nghĩ rằng tội lỗi của việc ăn thịt không nghiêm trọng, hoặc rằng họ không có tội giống như người giết mổ thịt, hoặc rằng họ hoàn toàn vô tội, thì tất cả những suy nghĩ đó hoàn toàn là phi lý. Nhưng dù là đúng hay sai thì tại sao họ lại phải có thói quen ăn thịt như vậy? Tôi tin rằng họ sẽ trở nên tốt hơn rất nhiều nếu họ có thể giúp mình thoát khỏi sự phụ thuộc vào thói quen ăn thịt.

Tiếp tục, chúng ta lại xem xét trường hợp một tu viện nhỏ nơi mà tu sĩ nghèo và không có tiền, hoặc nơi sống tằn tiện và được quản lý nghiêm ngặt, hoặc nơi tu sĩ là những người đi theo dòng truyền thừa Kadampa, chỉ tiêu dùng ba loại thức ăn trắng. Trong tâm trí của những dân làng sống xung quanh, sẽ không bao giờ gợi lên ý định giết mổ động vật để cung cấp thịt cho các tu sĩ đó. Đặc trưng của một hành động đức hạnh là nó mang lại lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp cho bản thân hoặc những người khác. Vì vậy tôi tin rằng nếu ai thực sự mong muốn duy trì và tăng trưởng những thói quen

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

tốt, không có gì tốt hơn việc làm sao để từ bỏ việc ăn thịt. Những tu sĩ nào thật sự có lòng từ bi nên giữ điều này trong trái tim của mình.

Khi một vị lạt-ma có thói quen ăn thịt bắt đầu chuyển hành khất vào mùa hè hay mùa thu, tất cả những gia chủ trung thành của ông ta đều nghĩ rằng thật may mắn cho ta nếu được vị lạt-ma vào thăm nhà. “Vị này không chỉ là một vị lạt-ma già”, họ nói, “vị này là một vị tái sinh (tulku)! Chúng ta cần mời ngài một bữa ăn thịnh soạn.” Hiểu được thói quen ăn uống của vị lạt-ma, họ sẽ giết thịt một con cừu và mời vị lạt-ma chỗ thịt ngon nhất. Về phần mình, những gia chủ kia hành động với ý nghĩ rằng con cừu bị giết thịt đó được một kết thúc tốt. Thật là may mắn được giết thịt để phục vụ một vị lạt-ma. Và họ nói với nhau là việc giết thịt con cừu là đúng đắn và con cừu đó thật sự là một trong những con cừu may mắn. Nhưng chỉ khi những người giết mổ đó tái sinh các kiếp kế tiếp, họ mới nhận ra họ may mắn như thế nào!

Ngược lại, nếu vị lạt-ma đến thăm kia không ăn thịt, những gia chủ không chỉ không giết thịt súc vật, mà họ còn giấu giếm tất cả thịt họ có và cả ngày hôm đó họ sẽ

không ăn thịt. Họ sẽ ăn các thức ăn khác như khoai tây ngọt, phó-mát, v.v. và cả vị lạt-ma lẫn gia chủ giữ được sự thanh tịnh và không bị nhiễm bởi hành vi tiêu cực – trong khi con cừu thì được sống. Chúng ta hãy cầu nguyện rằng tất cả các vị lạt-ma sẽ hành xử như vậy. Bởi vì nếu họ có những hành xử sai, những vị lạt-ma khác và những vị tái sinh đi theo họ sẽ bắt chước, và kết quả là trong mùa hè và mùa thu, cả lạt-ma và gia chủ sẽ cùng nhau trồng hạt giống của những hành động tội lỗi ngay trong giây phút vị lạt-ma giảng đạo! Thật tội tệ cho vị lạt-ma và cho những người khác, đây chính là nguyên nhân cho những sự đau khổ trong cuộc đời này và đời kế tiếp. Người nào có thể nói khác hơn lạt-ma Konchok Khyen đã nói, “Hỡi đấng đạo sư và Tam Bảo, xin hãy đoái trông đến chúng con”?

Nhưng có những người khác nói, “Đức Je Tsongkhapa (Tông Khánh Ba) và những người con tâm truyền của Ngài, cùng những vị thành tựu và học giả trong quá khứ, đã dạy trong một số trích đoạn từ kinh điển rằng theo Giới Ba-la-đề-mộc-xoa hay Giới biệt-giải-thoát, chúng ta được ăn thịt ba lần thuần tịnh. Nhưng gần đây”, họ tiếp tục nói, “những người thực hành pháp nửa mùa, những ả sĩ và những người tương tự họ, nói

nhiều điều vô nghĩa lý về việc này và ngăn cấm việc ăn thịt. Họ là những người quý quái ác độc, họ đang cố tước đi thức ăn của các vị tu sĩ. Thực ra chính bằng việc ăn thịt mà tu sĩ giữ được sức khỏe và có thể thực hành Pháp tốt hơn. Và hơn nữa nếu tăng đoàn không được hỗ trợ theo cách này, thì thức ăn của họ sẽ được cung cấp cho những người giết mổ và những thường dân – và như vậy sẽ là sai trái và không đúng cách.” Rồi họ kết luận rằng “dù trong mọi trường hợp, dù mọi người có nói bao nhiêu lần rằng không nên ăn thịt, thực tế là nếu tăng và ni không được ăn thịt (thịt thuần tịnh) thì người thường cũng không được ăn thịt. Và có nhiều lý do thích đáng để cho phép những người hành pháp ăn thịt.”

Những người nói như vậy thì họ không chỉ ăn thịt mà còn ủng hộ việc này một cách công khai và ngay cả trong những cuộc trò chuyện riêng tư. Cứ như thể là quỷ thần khuyên họ nên ăn gì. Vì tất cả các chư Phật trong quá khứ đều đồng tuyên rằng, chính từ nền tảng của Giới biệt-giải-thoát mà một người cần nuôi dưỡng Bồ Đề Tâm, là thái độ đặc trưng của con đường Đại Thừa. Bằng cách tôi luyện trong cỗ xe Ba-La-Mật (*Paramitas*) và sau đó là cỗ xe Kim-Cương-Thừa

(*Vajrayana*), một hành giả đến một cấp độ sẽ trở thành hành giả Kim-Cương-Thừa trì giữ cả ba thệ nguyện. Theo cách đó, chúng ta – những người hiện đang thực hành Pháp – bằng cách học theo và phục vụ đạo sư của chúng ta, đầu tiên phải phát thệ nguyện Giới biệt-giải-thoát, sau đó dần trưởng dưỡng Bồ Đề Tâm, hướng tới việc thực hành Đại thủ ấn (*Mahamudra*), Đại viên mãn (*Dzogchen*), Đạo và Quả (*Path and Fruit*), thực hành pháp An Dịu (*Pacification*), và pháp cúng dường thân tâm (*Chö*). Nhưng thậm chí ngay cả khi chúng ta chưa tiến xa được như vậy, tôi nghĩ không có ai mà đã từng quy y và phát Bồ Đề Tâm, lại không nhắc nhở và nuôi dưỡng những lời tâm nguyện này hàng ngày.

Nếu ai đó thệ nguyện vào buổi sáng sớm trước Đức Phật và đạo sư sẽ nuôi dưỡng Bồ Đề Tâm, cả Bồ Đề Tâm nguyện và Bồ Đề Tâm hạnh, sẽ hiến mình vào con đường Bồ Tát, và sau đó vào buổi chiều họ lại làm hại chúng sinh – tất nhiên không trực tiếp nhưng dù là gián tiếp – bằng cách nói rằng việc ăn thịt là được phép thì điều đó chỉ có nghĩa là sau khi nhồi thịt vào bụng thì những người đó đã để mắt trí khôn và chỉ lấp bắp nói điều mê sảng (họ cố tình lờ đi lời Đức Phật đã dạy đi dạy lại trong khuôn khổ giới Bồ Tát – rằng thịt, kết

quả của việc làm hại chúng sinh, không nên được tiêu dùng). Bởi vì một người lành mạnh không thể nhìn nhận theo cách này. Thay vào đó, nếu họ trung thực nói “Tôi đang thực hành những giáo huấn trong kinh điển và mật điển, và tôi tin chắc là hành vi của tôi không bị ô nhiễm” thì thật tuyệt vời biết bao.

Bây giờ chúng ta xem xét từ bất kỳ một giới nguyện nào trong ba giới nguyện, thì trong những trường hợp khi cần thiết và lợi lạc cho người và ta, có những cho phép đặc biệt – cho chúng ta làm những việc bình thường bị cấm. Nhưng thật sai lầm nếu nghĩ rằng sự ưu tiên này được cho phép một cách dễ dàng mà không có một nhu cầu cụ thể. Có thể phản đối việc người ta cho rằng Rinpoche Khedrup đã dạy – trên cơ sở của việc suy luận và kinh điển – là được phép ăn các loại thịt ba lần thuần tịnh. Không nghi ngờ gì nếu người ta nói về trước tác của Ngài “Đại cương về ba giới nguyện” và bảo chúng ta đọc nó.

Tất nhiên chúng ta nên xem xét vấn đề này một cách thông minh và cẩn thận. Không có một phần nào trong kinh điển của Đức Phật mà Đức Khedrup lại không xem xét. Ngài đã sử dụng tất cả các giáo huấn đó như

những chỉ dạy cá nhân cho riêng mình. Ngài đã nói rõ trong các lập luận và các trước tác rằng kinh điển và mật điển hoàn toàn rất ăn ý với nhau và hỗ trợ nhau, và diễn tả toàn bộ giảng dạy của Đức Phật như một con đường sáng rõ. Nhưng trong một dịp, khi Đức Khedrup nói rằng đối với ai đã thọ giới Bồ Tát thì giáo huấn trong kinh Lăng Già không mâu thuẫn với những giới luật của Giới biệt-giải-thoát (cấm việc sử dụng cá và thịt của những động vật có móng), thì khi đó Ngài chỉ đơn thuần trình bày quan điểm của những người cho rằng ai đã phát thệ nguyện Mật thừa (Mantrayana) thì vẫn được cho phép ăn khi thêm những loại thịt bị cấm trong Giới biệt-giải-thoát. Tuy nhiên Ngài đã bác lại quan điểm này.

Rõ ràng việc ăn thịt chưa bao giờ được cho phép đối với những người đã lập thệ nguyện Bồ Tát (thọ Bồ Tát Giới). Ngược lại đối với họ thì việc cấm ăn thịt đã được nói rất rõ ràng. Như vậy những người nghiện thịt đã chuyển gánh nặng trách nhiệm sang Đức Tông Khánh Ba (Tsongkhapa), lên người con tâm truyền của Ngài là Đức Khedrup, và lên các đạo sư trong quá khứ, thông qua việc tuyên bố rằng họ cho phép ăn thịt, là một việc rất không từ bi. Mà sự mong cầu giác ngộ tối

thượng thì được vun trồng trên mảnh đất từ bi tâm. Họ không có mối liên hệ nhân quả với các giới Bồ Tát, dù là cao, trung, hay thấp. Vì vậy hãy để họ đi và nói những gì họ muốn – rằng họ ăn thịt bởi vì họ là Thanh Văn (shravakas) hoặc hành giả Mật Thừa (tantrikas). Và cuối cùng chúng ta sẽ biết điều gì sẽ xảy đến với họ!

Một số người lại có thể phản đối với lý luận rằng, mặc dù việc ăn thịt rõ ràng là sai nhưng trong cả kinh điển và mật điển nói rằng nếu ai đó đọc tụng tên của Đức Phật, hoặc các câu thần chú nào đó cùng với thần chú Đà La Ni (Dharanis), hoặc nếu người đó tiến hành một thời thiền ngắn về bốn tôn Hộ Phật cùng với niệm chú thì tội lỗi sẽ được tịnh hóa. Và khi đó họ không phạm phải những hành động tội lỗi. Thậm chí họ còn nói nếu ai đó làm tất cả các việc đó trong khi hướng về con vật bị giết thịt thì con vật đó sẽ có lợi lạc và có thể thậm chí còn được coi là may mắn [nói về mặt nghiệp quả]. Với cái nhìn như vậy, họ còn tiếp tục cho rằng khi người bình thường giết thịt con dê, cừu, hay bò và ăn thịt của chúng với máu còn đang nóng thì hành động của những người đó là hoàn toàn tội lỗi. Nhưng khi những người thực hành Pháp ăn thịt, và khi họ tụng

niệm những ngôn từ của Đức Phật hướng vào thịt con vật mà trong những ngôn từ đó đã có sẵn sự gia trì, thì con vật sẽ có được nhiều lợi lạc. Và họ kết luận rằng việc ăn thịt là không sao cả, với điều kiện không được ăn quá nhiều. Và họ cũng biện minh cho mình bằng cách nói hoàn cảnh và con người buộc họ phải ăn thịt.

Nhưng những người này hãy xem xét những lập luận sau đây – sau đó họ sẽ hiểu. Trong quá khứ, Đức Phật từ bi đã dạy trong lần quay bánh xe Pháp đầu tiên, rằng những hành động tội lỗi cần tránh, những hành động thiện cần làm, và trong mọi thời điểm người hành giả cần có trái tim tử tế và tốt bụng. Đức Phật đã không nói trong những bài giảng đầu tiên của mình là những người thực hành Pháp có thể và nên ăn thịt. Đức Phật đã không có bất kỳ đảm bảo nào rằng việc đọc tụng những câu mật chú v.v... người ăn thịt có thể tránh khỏi tội lỗi. Chính vì vậy tốt nhất là nên hoàn toàn từ bỏ việc ăn thịt.

Vậy tại sao Đức Phật nói về khả năng tịnh hóa tội lỗi liên quan đến việc giết hại động vật để ăn thịt, tiêu thụ thịt và các hành động tội lỗi khác? Thực tế là Đức Phật đang nói đến những hành động bất thiện mà một người

đã tích lũy trong các đời quá khứ, từ vô thủy trong luân hồi đến bây giờ, khi một người chìm trong vô minh. Hơn thế nữa, Đức Phật nói đến những hành động được thực hiện trước kia trong đời này của một người, khi người đó không có được phương thức khác để duy trì cuộc sống hoặc bị dẫn dắt bởi vô minh, tham luyến, đố kỵ. Nhưng bây giờ, nếu người đó đã nhận ra hành động của mình là tội lỗi, nếu người đó sám hối tội lỗi đó với một sự ân hận mạnh mẽ như thể trước kia người đó đã ăn phải thuốc độc nguy hiểm; và nếu người đó có mục tiêu sửa chữa lỗi lầm thật lớn, thề rằng sẽ không phạm lại sai lầm kể cả khi nguy hiểm đến tính mạng; nếu người đó đọc tụng tên của Đức Phật, các mật chú, và mật chú Đà La Ni, và nếu người đó nặn tượng Phật (tsa-tsas), đi nhiễu v.v... thì những hành động tội lỗi của người đó sẽ được tịnh hóa (một trong bốn sức mạnh của sự sám hối, đó là “sức mạnh chữa trị”). Lời dạy của Đức Phật là như vậy.

Đức Phật đã nói nhiều lần trong kinh điển những giáo huấn như là “Những đệ tử của Ta cần từ bỏ tất cả các hành động tội lỗi làm tổn thương đến chúng sinh khác dù là trực tiếp hay gián tiếp”. Người ta có thể không nghe theo những lời Đức Phật dạy, có thể cố ý hướng

người khác làm việc tội lỗi qua việc ăn thịt. Người ta có thể nghĩ “Luôn luôn có những phương cách thiện xảo trong kinh điển và mật điển để đối trị lại những tội lỗi vì vậy tôi vẫn được trong sạch thoát khỏi tội lỗi.” Và người này có thể tự vấn an mình bằng cách nói với bản thân là đã có những chất liệu được đặt vào trong miệng của con vật và đã có từ ngữ được nói thắm vào tai nó và được ấn vào tâm nó để cho những con vật đó không bị ở những cõi thấp nữa. Nhưng làm tất cả những điều này cho thấy một sự thất bại hoàn toàn trong việc hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy. Điều này là xuyên tạc pháp Phật. Hành xử theo cách này cũng tương tự như những người Hồi giáo Trung Quốc không biết đến giáo pháp. Các vị giáo sĩ đó nói rằng nếu người khác giết hại chúng sinh họ sẽ phạm tội lớn, nhưng nếu chính các giáo sĩ đó giết hại thì họ không phạm tội gì cả. Họ nói rằng vì những tạo vật bị giết thịt kia được biết đến tôn giáo của họ thì chúng sẽ tốt hơn trong tương lai. Tôi được nghe rằng những giáo sĩ đó giữ cổ con cừu và giết hại chúng bằng cách cắt đầu những con cừu đó. Nếu điều này là đúng thì rõ ràng là trong hành động và trong động cơ của những người đó và những Phật tử chúng ta vừa miêu tả ở trên hoàn toàn không có sự khác nhau nào cả. Vì thế từ nay trở về sau

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

những người muốn ăn thịt, ngoài những biện minh của họ đã nói ở trên, thì nên học thêm vài bài học từ những giáo sĩ Hồi giáo và nghiên cứu thói quen của họ! Họ có thể học được một vài điều. Có thể chẳng nó sẽ mang lại vài điều tốt tránh khỏi sự như bản!

Hãy nhìn vào cách con mèo hành xử. Nó bắt chuột và hồi hộp nghĩ rằng chuẩn bị giết thịt con chuột. Nhưng mà sau đó, như thể là thương hại cho con chuột, con mèo để con chuột đi và chơi trò với nó – mặc dù đây rõ ràng không phải trò chơi. Sau đó, sau khi đã tự thích thú trong một thời gian dài, con mèo cắn lấy con chuột, và đưa nó vào một góc và nhai ngấu nghiến con chuột. Đó chính xác là những gì mà một số hành giả làm! Họ giả bộ như có sự từ bi đối với con cừu hay dê chuẩn bị giết thịt, cầu nguyện cho con vật và tụng đọc nhiều kinh chú *mani*. Sau đó khi con vật bị giết và thịt của nó được nấu, họ mang đến một nơi vắng vẻ để không ai nhìn thấy, và họ ăn ngấu nghiến. Rất nhiều người làm như vậy.

Một lần tôi nghe nói về một con mèo bắt được một con chuột và mang con chuột đi. Nhưng sau đó con mèo nghĩ tới việc chơi với con chuột. Khi con mèo để

cho con chuột chạy đi, con chuột thoát và trốn ở dưới một cái rổ lật úp nằm ngay cạnh. Con mèo ngồi đó nhìn vào dưới cái rổ và kêu meo meo một cách ngọt ngào và yêu thương. Nhưng khi con chuột chạy sâu hơn vào nơi ẩn náu, thì con mèo bực bội, nhìn ngược nhìn xuôi. Mọi người xung quanh cười lên thành tiếng! Đây chính là cách mà một số hành giả làm. Họ đã diễn nhiều sự từ bi và đọc tụng nhiều câu minh chú khi con cừu đang bị giết. Nhưng nếu con cừu lâu không chết thì họ bực tức và cáu kỉnh. Bất cứ khi nào tôi gặp phải cảnh tượng như vậy tôi nghĩ rằng không chỉ Đức Phật ở cõi niết bàn phải phì cười, mà những người bình thường ở thế giới này cũng thấy buồn cười nữa, khi họ nghe về trò hề của một số hành giả! Mặc dù vậy, nếu người ta có khơi dậy được một loại từ bi nào đó và tụng đọc mật chú, tôi nghĩ rằng điều đó mang lại một vài lợi ích cho họ, mặc dù không có nhiều lợi ích gì cho con vật bị giết.

Toàn bộ vấn đề này có thể được tổng kết lại rằng, đối với những hành giả tốt và giàu lòng từ bi, câu hỏi là liệu một người bị chịu hoặc không bị chịu nghiệp xấu là không thích hợp. Một hành giả chân chính sẽ cảm nhận một sự từ bi tự nhiên và bản năng đối với những

con cừu hay dê bị giết thịt như thể chúng là những người mẹ già của họ. Họ sẽ không bao giờ làm gì liên quan đến việc giết hại những con vật đó để lấy thịt. Ngược lại, họ khao khát gìn giữ sự sống; họ chuộc những con vật bị nhốt để giết và thả chúng ra. Bày tỏ sự thương xót và từ bi đối với động vật sau khi chúng đã bị giết và thịt chúng được ăn – tụng đọc mật chú vì con vật đó – chỉ là một trò ngớ ngẩn, chẳng khác gì như cố gắng để đấm thụi ai không có mặt ở đó.

Những người làm những việc như thế thì có thể được chấp nhận và thông cảm dưới con mắt của những người vô minh, nhưng khi bạn nhìn kỹ hơn thì cách hành xử của họ chẳng có gì để noi theo, ngay cả trong động cơ và hành động. Nếu mọi người bóp méo lời dạy của Phật và hành động xấu như chúng ta đã mô tả, đó không phải là lỗi của giáo huấn từ Đức Phật. Mà đó là sự việc những học thuyết tinh túy của Đức Phật đã bị bóp méo qua hành động và động cơ của người khác – và kết quả là nó trở nên không phân biệt được với những giáo lý của những người ngoại đạo. Chúng ta cần hành xử thế nào để khiến cho những điều này đừng xảy ra nữa!

Nói chung, các học thuyết của Phật bản chất là mang lại hạnh phúc và an lạc cho mọi chúng sinh. Như trong các lời cầu nguyện vẫn nhắc “Nguyện xin Phật Pháp— là cội nguồn của niềm vui và ơn phước — hãy trường tồn!” Vì vậy nếu con người và động vật sống cạnh những người tự nhận là Phật tử mà được cùng sống trong hạnh phúc và bình an, thì đó là dấu hiệu chứng tỏ Phật Pháp đang có mặt. Nhưng nếu điều ngược lại xảy ra và có sự hãm hại và bất hòa thì đó là dấu hiệu cho thấy không có Pháp ở đó. Tuy nhiên ngày nay lấy lý do là để tích lũy cho cộng đồng tu viện, một số tu sĩ đã gây ra sự cực nhọc cho những làng mạc và ai sống ở đó, kể cả con người và động vật. Thật là đau lòng khi nhìn thấy điều này. Nhưng tốt hơn tôi không nên nói quá nhiều. Dù sao thì cũng chẳng ai nghe. Còn gì nữa, nếu tôi chỉ ra những sai phạm cá nhân của những hành giả ở những vị trí cao, hầu hết họ sẽ phản ứng lại với những lời tức giận. Và còn có nguy hiểm là một vài người thực sự quyền lực sẽ tóm lấy tôi và dùng dao cắt mồm tôi. Vì vậy tốt hơn tôi nên dè chừng. Dù sao thì, những ai thật sự chân thành và từ bi sẽ được lợi lộc dù chỉ với chút ít những gì tôi đã nói. Mặt khác, dù ai đó có nói bao nhiêu đi chăng nữa với những người thiếu lương tâm và ý thức về sự đúng đắn thì kết quả chả

mang lại gì mà chỉ mang lại rắc rối cho người nói. Trong trường hợp này thì châm ngôn đã nói “Tốt hơn là ngậm miệng lại.”

Vị Đạo sư của chúng ta, với lòng đại bi và các phương tiện thiện xảo, đã đưa ra quy định đầu tiên về việc ăn thịt cho các vị Thanh Văn, những người đã phát các giới nguyện Biệt-giải-thoát, chỉ rõ rằng thịt của loại động vật một móng (ngựa, lừa v.v.), để phân biệt với động vật có nhiều móng (bò, dê, cừu v.v.), thì không được ăn. Sau đó Đức Phật đưa ra một quy định nữa nói rằng, ngoại trừ những loại thịt ba lần thuần tịnh thì tất cả các sản phẩm từ thịt đều bị cấm. Và sau đó, liên quan đến giới nguyện Bồ Tát và xét thấy không một chúng sinh nào lại không từng làm cha mẹ ta, Đức Phật cấm sử dụng mọi loại thịt bao gồm cả thịt động vật mà bị chết do thiên tai. Những đạo sư cao tuổi dòng Kadampa đã nói rằng hai quy định đầu tiên được đưa ra trong bối cảnh Biệt-giải-thoát giới, là để dạy lúc ban đầu cho những ai đang có thói quen ăn nhiều thịt. Đức Phật biết rằng nếu việc sử dụng thịt bị cấm ngay từ đầu tiên thì những người như vậy sẽ không có khả năng tiếp cận giáo lý Phật. Tuy nhiên một khi họ đã đi sâu vào Pháp, và khi tâm trí của họ đã được tinh luyện – và

tất nhiên đối với cả các Bồ Tát – Đức Phật đưa ra yêu cầu cấm ăn thịt hoàn toàn. Điều mà các đạo sư dòng Kadampa nói là rất đúng. Khi Đức Phật chuyển pháp luân cỗ xe lớn, rất nhiều Thanh Văn phát triển tâm thức và rất nhiều trong số họ đã phát Bồ Đề Tâm, một tâm giác ngộ tối thượng. Khi đó họ đã chấm dứt việc ăn thịt. Vì vậy nếu nghĩ là tất cả các Thanh Văn là người ăn thịt là một suy nghĩ sai lầm.

Ngài Tông Khánh Ba (Tsongkhapa) – một bậc vĩ đại và là Đức Phật thứ hai – đã nhắc nhiều lần trong các sách của mình và đã dùng lý lẽ, trích dẫn trong kinh điển để chứng minh những lời dạy của Ngài, rằng nếu một người hiểu được ranh giới giữa những gì được phép và những gì bị cấm thì người đó sẽ hiểu tất cả kinh điển và mật điển đều nói giống nhau. Ngài giải thích là trong bối cảnh ba giới nguyện, một số nhu cầu đặc biệt có thể được xem xét và không bị cấm như hoàn cảnh bình thường. Vì vậy nếu có một lý do thích đáng và để mang lại lợi ích to lớn cho cả bản thân và người khác, việc ăn thịt và sử dụng những thứ liên quan đến giác quan như rượu, vị phối ngẫu có thể không cấm, mà là thưởng thức chúng như một ân sủng của thực tại cao nhất. Nhưng điều đó không có nghĩa là

một người được phép ăn uống những thứ như vậy theo cách bình thường và thiếu đi sự xem xét thích đáng nhất. Và Đức Khedrup đã nói trong tài liệu Đại Cương Về Ba Giới Nguyện rằng “Tất cả những ai đã phát được tâm giải thoát tối thượng – những vị Bồ Tát của cỗ xe lớn – thật là tuyệt vời nếu họ từ bỏ việc ăn thịt. Thậm chí ở mức độ Giới Biệt-Giải-Thoát, chỉ trừ những loại thịt ba lần thuần tịnh, không cho phép được ăn bất kỳ loại thịt nào khác. Thậm chí trong cả giấc mơ, một người cũng không nên nói rằng việc ăn thịt là được phép chỉ bởi vì họ thèm thịt.”

Tuy nhiên hiện nay thì người ta chỉ nhìn thấy những loại thịt động vật bị giết mổ để làm thức ăn. Thật sự vô cùng hiếm hoi để gặp được loại thịt ba lần thuần tịnh. Và cũng hiếm gặp những hành giả không thèm thịt. Vì thế thay bằng việc những người ăn thịt đi loan tin âm ỉ rằng việc ăn thịt là được phép, thì chắc chắn sẽ tốt hơn nếu họ suy ngẫm về những lỗi lầm của họ!

Không chỉ việc ăn nhiều thịt là không tốt về lâu về dài (cho những kiếp sống tương lai); một sự thật hiển nhiên là thậm chí trong cuộc sống hiện tại rất nhiều người bị suy nhược do độc tố có trong thịt. Chúng ta đã

nhìn và nghe nhiều lần là khi các hành giả nói với các gia chủ rằng họ cần một số thịt, thì các gia chủ liền đi và giết một con cừ. Và khi người giữ quỹ của tu viện nói rằng họ chuẩn bị có những lễ hội lớn, hai mươi hay ba mươi con cừ được mang đến từ những người dân du mục và bị giết thịt trong mùa thu. Đây là một điều xuất hiện phổ biến trong các tu viện cả lớn lẫn nhỏ. Và kết quả là khi một người đi hành hương đến tu viện, dự định để cầu nguyện và để biểu tỏ sự tôn kính, người đó gặp phải một đồng súc vật đã bị giết trước khi gặp được các vị giác ngộ. Nếu điều này không được gọi là “lối sống sai” thì hãy nói cho tôi biết đó được gọi là gì? Những “hành giả” mà không nhìn thấy được tồn tại trực tiếp và gián tiếp đã gây ra cho cuộc sống của các con dê và cừ đó, các ông có mù chăng? Có phải có điều gì đó không bình thường với mắt của các ông chăng? Và nếu ông không mù thì hãy đừng giả bộ như các ông không nhìn thấy gì từ điều đó!

Trong đất nước của chúng tôi, chính vì không ai ăn thịt ngựa, chó, hay thịt người nên không ai thấy những chúng sinh đó bị giết hại để lấy thịt. Nhưng chỉ cần có nhu cầu thị trường về những thứ đó, chắc chắn bạn sẽ thấy những người bán thịt ngựa, người bán thịt chó và

người bán thịt người. Thực tế có tin đồn là ở Trung Quốc việc này đã xảy ra. Ở đây trong đất nước của chúng ta, có rất nhiều người ăn thịt dê, cừu và bò – và hãy nhìn xem có bao nhiêu người bán thịt ở đây. Đức Phật đã dạy rằng “Tất cả những tổn thương gây ra cho chúng sinh dù là trực tiếp hay gián tiếp đều là tội lỗi, hãy từ bỏ!” Nhiều người hiểu được lời nói của Đức Phật tiếp tục nói họ không làm tổn thương gì chúng sinh qua việc ăn thịt. Quý thần gì đã ngự trị họ vậy? Chúng sinh bị tổn hại cả trực tiếp và gián tiếp thông qua việc ăn thịt. Không có thức ăn nào lại có hại cho cuộc sống của hữu tình như là thịt.

Đức Phật từ bi, thiện xảo về phương tiện, cũng có lần ăn thịt nhưng chỉ trong những trường hợp đặc biệt, buộc phải làm do sự cần thiết về mặt thời gian và bối cảnh. Ví dụ Ngài ăn thịt khi không còn gì để ăn, và khi việc nhịn ăn sẽ gây nguy hiểm cho cuộc sống của Đức Phật. Ngoài ra Ngài ăn thịt trong trường hợp gia chủ đã chuẩn bị thịt ba lần thuần tịnh – khi mà nếu Đức Phật từ chối thì hành động cúng dường không có được kết quả tích cực viên mãn, và khi Đức Phật chấp nhận thì có thể giúp chín mùi công đức tích lũy của người cúng dường. Nói một cách khác, trong những trường hợp

thực sự cần thiết, Đức Phật đã ăn thịt đã được xác nhận trong sạch theo ba cách. Nhưng nếu ai đó nghĩ rằng Đức Phật ăn thịt không do tình huống bắt buộc và còn vui thích lặp lại điều này, người đó thậm chí đã phỉ báng Đức Phật và còn ngụ ý rằng Ngài thậm chí không phải là Bồ Tát. Người đó đã bỏ qua không xem thông điệp trong Kinh Lăng Già khi Đức Phật tuyên bố rằng “Nếu Ta là người ăn thịt mà lại nói với họ Ta không phải, thì Ta không phải là Đạo Sư, và họ không phải là đệ tử của Ta”.

Vì quá ghen tỵ nên Devadatta ném đá vào Đức Phật và thả voi hoang định giết Đức Phật. Ông ta đã bôi nhọ Đức Phật, nói là Ngài ăn thịt còn ông ta thì không. Thực tế là Devadatta có ăn thịt nhưng ăn giấu, còn trước mặt mọi người ông ta không ăn thậm chí là thịt ba lần thuần tịnh. Ông ta che đậy sự giả dối của mình bằng những từ ngữ sai trái và trống rỗng “Hãy nhìn kia, giới luật của Đức Phật không phải giới luật của Devadatta. Đức Phật cũng ăn thịt như những người khác.” Ai cũng đi nói kiêu như vậy tức là họ đứng về phía Devadatta. Bằng cách tuyên bố Đức Phật và tăng đoàn của Ngài luôn ăn thịt ba lần trong sạch vào các bữa trưa, thậm chí khi không có nhu cầu, những người

kia không hề kính trọng mà là bôi nhọ Đức Phật và đệ tử của Ngài. Họ lặp lại những thứ đó không chỉ với những Phật tử mà với cả những người không phải Phật tử. Vì vậy họ đã bôi nhọ Đạo sư của chúng ta, ngụ ý rằng Ngài không tương xứng với Devadatta và không thể từ bỏ việc ăn thịt. Thay bằng việc đi loan báo nói những lời vu cáo như vậy, họ nên ngậm miệng lại. Và nếu họ không thể ngậm miệng lại thì thà cho phân vào miệng còn hơn là đi nói lời vu cáo Đức Phật!

Trong quá khứ, Phật và các đệ tử của Ngài đã phụ thuộc vào việc đi khát thực để có được đồ ăn. Họ không ở lại một địa điểm. Họ không giữ tiền và các vật dụng và không tham gia vào việc mua bán. Hiển nhiên họ hoàn toàn không tham gia vào việc mua bán thịt. Bất cứ thứ thịt nào mà họ tiêu thụ thì tất yếu là ba lần thuần tịnh. Họ không thể dính lứu vào bất kỳ một kiểu sống tội lỗi nào. Nhưng gần đây các tu viện được xây và hàng hóa được tích trữ để sử dụng thì lại nhiều hơn bất cứ một gia đình cư dân nào. Những người bán thịt được cho phép sống gần tu viện, và họ giết hại súc vật vì biết rằng tu sĩ sẽ đến mua. Và đúng là tu sĩ làm như vậy – đây đơn giản chỉ là vấn đề cung và cầu. Chính vì có cả người mua và người giết đồng lòng với nhau nên

hàng trăm và nghìn con cừu và dê bị giết hại. Nếu mà điều đó không có lỗi lầm gì và nếu loại thịt đó là ba lần thuần tịnh thì chỉ có nghĩa là đối với những người đó, tất cả mọi thứ đều trở nên thanh tịnh vô hạn. Và có nghĩa là những con vật bị giết hại ở thời kỳ suy đồi này là may mắn nhất và chẳng có gì sai trái trong việc gây tổn hại cho súc vật dù trực tiếp hay gián tiếp! Điều đó có nghĩa là Đức Phật không cấm trong quy định của Ngài dù trực tiếp hay ngụ ý, và việc ăn thịt của động vật giết bởi những người buôn bán thịt là không có gì sai trái! Những tu sĩ đó tất nhiên đã không bận tâm đến những gì Đức Phật nói, họ đã hành động với sự tự do như thể họ là những thành tựu giả. Hãy để họ làm những gì họ muốn!

Bây giờ chúng ta có một truyền thống giáo pháp mới mà trước đây chưa từng biết! Đó là Pháp của Đức Phật ăn thịt và lạt-ma ăn thịt, dùng cho các đệ tử ăn thịt và những người bán và cung cấp thịt cho họ! Nó là truyền thống ủng hộ việc tiêu diệt đi giống cừu và dê. Nhưng hãy cẩn thận nếu bạn đi theo những vị đạo sư đó, đến một thời gian nào đó tất cả cừu, dê, bò sẽ tuyệt chủng. Và kể cả chó, ngựa, người cũng cần đề phòng.

Ngày xưa các vị trời, người, long thần, kiện-đà-la (*gandharvas*) kính dâng lên Đức Phật và các đệ tử của Ngài rất nhiều thứ cúng dường. Trong kinh điển có nói rằng họ dâng lên vật phẩm được chuẩn bị từ “ba thứ trắng và ba thứ ngọt.” Chưa bao giờ kinh điển nói rằng họ dâng lên Đức Phật “ba thứ đỏ và ba thứ ôi thiu!” Những thứ như vậy tôi chưa bao giờ thấy nói trong bất kỳ kinh sách nào. Tương tự như vậy, khi Đức Phật thứ hai và người đệ tử tâm truyền của Ngài cư ngụ ở Yerpa Lhari và những nơi khác, họ chỉ ăn ba thứ trắng và ba thứ ngọt, những thức ăn mà Đức Phật đã cho phép. Trong tiểu sử của các Ngài hay trong bất cứ nơi nào khác, không ở đâu nói Ngài và đệ tử của ngài ăn nhiều thịt thuần tịnh. Trong các câu chuyện về cuộc đời của Đức Je Rinpoche (người giống như Đức Phật và là hiện thân của giáo pháp) và những đệ tử tâm truyền của Ngài cũng không nói rằng họ đã được phép ăn thịt. Và đối với những đệ tử của Ngài, việc tiêu thụ thịt và ăn thịt vì thèm muốn chưa bao giờ được ủng hộ và cho phép.

Tất nhiên ai đó có thể phản đối và nói rằng có câu chuyện về gia chủ tên là Rajgir đã dâng mời Đức Phật súp thịt, và nhiều tăng sĩ cũng ăn súp thịt đó cùng với

Đức Phật. Nhưng chúng ta cũng nên biết rằng gia chủ dâng cúng Đức Phật bởi vì ông ta biết rằng ông sẽ tích lũy được công đức lớn thông qua việc tiếp đón trân trọng Đức Phật và tăng đoàn của Ngài; và ông thành thực nghĩ rằng súp làm từ thịt là thức ăn ngon nhất và tốt nhất trong các món thông thường khác và vì vậy ông đã dâng lên Đức Phật. Còn đối với Đức Phật, Ngài biết rằng nếu Ngài từ chối và không ăn món súp cúng dường, hành động của người gia chủ kia sẽ không mang lại thành quả gì, và người gia chủ đó sẽ không tích lũy được công đức, trong khi nếu Ngài nhận món súp cúng dường thì sẽ giúp hoàn thiện được sự tích lũy đức hạnh của gia chủ. Vì vậy ở đây hoàn toàn vắng mặt sự thèm muốn, mà giống như người mẹ ném món thịt của chính con bà hay như người nào đó bôi mỡ chó để chữa vết thương, Đức Phật lần đó đã ăn súp thịt, đơn giản vì hành động đó mang lại lợi ích cho một ai đó. Chúng ta không thể qua đó mà đi kết luận rằng Đức Phật tạo thói quen ăn súp thịt! Để mang lại lợi lạc cho người khác, Đức Phật và các đệ tử của Ngài thậm chí đã từng ăn cả thức ăn độc hại từ kẻ tà thuật!

Một số người lại có thể nói rằng bởi vì các vị Thanh Văn – các đệ tử của Đức Phật – thường luôn ăn thịt ba

lần thuần tịnh nên Devadatta đã đưa ra luật lệ: “Đức Phật và các đệ tử của Ông ăn thịt nhưng chúng ta sẽ từ bỏ việc ăn thịt!” Và đúng là trong Ba giới nguyện có nói các vị Thanh Văn thường có thói quen ăn thịt ba lần thuần tịnh. Nhưng sự thật là họ chỉ làm vậy trong trường hợp thật sự cần thiết. Hơn nữa, ai mà có thể tin tưởng vào Devadatta và Sunakshatra, và coi những gì họ nói là sự thật? Hai người đó chỉ trích Đức Phật chỉ vì lòng đố kỵ. Tôi nghĩ rằng tất cả những ai đi tin, ủng hộ, và lặp lại những lời mà Devadatta và Sunakshatra nói thì thực tế đang từ bỏ giáo pháp của Đức Phật và dòng truyền thừa của các đệ tử của Ngài.

Một số lại viện cứ và nói rằng Đức Khedrup Je đã nói rõ ràng là thịt ba lần thuần tịnh thì nên ăn, và rằng Ngài có đưa những chứng cứ có lý luận và các trích dẫn trong kinh điển. Đúng là khi có nhu cầu thật sự và chính đáng, không chỉ Đức Khedrup Je mà cả Đức Phật cũng cho phép. Khi một người trông thấy thịt, anh ta nên kiểm tra thịt đó có phải là thịt ba lần thuần tịnh hay không. Hơn nữa, có rất nhiều thái độ khi một người ăn thịt. Đức Khedrup Je chưa bao giờ nói được ăn thịt vì thèm muốn. Trong trước tác Đề cương về ba giới nguyện, Ngài đã nói “Không thèm thường thịt có

nghĩa là gì? Bạn nên có cảm giác giống như vua và hoàng hậu trong một câu chuyện bị bắt buộc phải ăn thịt con trai của họ. Hãy tự kiểm tra xem bạn có cảm nhận theo cách đó không. Bạn nên cảm nhận giống như ai đang buồn nôn, không hề có sự thèm muốn ăn thịt, và ăn mà không hề thấy sự ngon miệng hay hương vị gì.” Và kết quả là những ai đi nói rằng Đức Khedrup Je chủ động ủng hộ việc ăn thịt thì không phải là đệ tử chân chính của Đức Tsongkhapa (Tông Khánh Ba) và những người theo Ngài. Họ là sự hổ thẹn cho truyền thống mà họ đang theo. Chỉ dẫn của Đức Je Rinpoche rằng khi một người có được sự chứng ngộ cao thì người đó nên ăn thịt và uống rượu như những yếu tố giúp phát khởi hỷ lạc và tánh không thì đó là một chỉ dẫn đặc biệt. Đó không phải là giấy phép chung cho việc ăn thịt. Trong trường hợp cụ thể, sự cần thiết có thể vượt qua sự ngăn cấm thông thường. Vì vậy chúng ta không nên cho phép bản thân kết luận là Đức Je Rinpoche ủng hộ việc ăn thịt đối với những người chỉ đơn giản thèm thịt mà Ngài không có thêm sự xem xét kỹ lưỡng và lường tính hậu quả của nó.

Trong trường hợp thật cần thiết, rất có thể là hành giả ở bất cứ mức độ giới nguyện nào – Biệt-giải-thoát, Bồ-

Tát-giới, hoặc Mật-thừa – được đặc biệt cho phép ăn thịt, uống rượu, hoặc có người phối ngẫu, do bởi căn cơ và năng lực của họ. Điều này là không phủ nhận. Nhưng chúng ta, những người cố gắng để hiểu được ý nghĩa thật sự những lời dạy của Đức Phật, Đức Je Rinpoche và những đệ tử tâm truyền của Ngài, không thể chỉ quan tâm đến từ ngữ. Nếu thịt, rượu, và những thứ khác là có hại cho tâm của một người nào đó thì chúng chắc chắn là không nên dùng.

Một số người lại có thể tiếp tục nói rằng những giảng dạy trong mật điển Kalachakra và trong đại luận giải của mật điển này (“nếu không có người ăn thịt thì sẽ không có người giết mổ động vật”) thì cũng không khác gì những giảng dạy của những người theo đạo Jain. Và vì vậy nó không hợp lý và sẽ không được chấp nhận, mặc dù thực tế là những giảng dạy đó được tìm thấy trong luận giải.

Tuy nhiên Đức Phật đã dạy rằng, bất cứ điều gì mang lại lợi ích dù trực tiếp hay gián tiếp cho chúng sinh là được phép, thậm chí cả khi trông có vẻ như là một hành động tiêu cực. Ngược lại, bất kỳ điều gì gây tổn hại cho chúng sinh dù trực tiếp hay gián tiếp không nên

thực hiện – thậm chí cả khi trông có vẻ là một hành động tích cực. Nếu việc tích lũy phước đức chuyển thành một cái gì đó có hại, thì việc đó trở thành việc tiêu cực. Vì vậy, nếu một hành động theo đúng chỉ dẫn của Đức Phật – “Hãy từ bỏ mọi ác hạnh, thực hành tốt thiện hạnh, nhiếp phục tâm trí hoàn toàn: đó là giáo huấn của Đức Phật” – thì nó sẽ được ủng hộ và xác nhận, mặc dù các đạo khác như Hin-du, đạo Bon, đạo Hoshang, hay Hồi giáo cũng ủng hộ. Đức Phật cũng đã nói “Bất cứ điều gì mà những tôn giáo ngoại đạo hay những truyền thống thế tục phù hợp với Pháp Phật, thì cũng được coi trọng như là giáo huấn của Ta.” Nếu không như vậy và nếu chúng ta bị cấm hành động theo những đức tin và thực tiễn của những gì ngoài Pháp Phật, chúng ta sẽ phải từ bỏ toàn bộ các khoa học của thế gian. Bởi vì ngoại trừ khoa học bên trong của Pháp Phật, những khoa học khác cũng được thực hành bình đẳng bởi các truyền thống ngoại đạo. Vì vậy, nếu ác hạnh giết hại không xuất hiện thì mục đích của chúng ta đạt được và thế là đủ.

Tuy nhiên một số người vẫn tiếp tục tranh luận như sau: “Có rất nhiều trường hợp mà những đệ tử của Đức Phật được cho phép ăn thịt, dù là trong bối cảnh của

Biệt-giải-thoát-giới, Bồ-tát-giới, hay Mật-thừa-giới. Và thậm chí những hành giả kim cang giữ cả ba giới nguyện cũng ăn thịt ba lần thuần tịnh chứ cần gì phải nêu ra chỉ những hành giả thực hành giới Biệt-giải-thoát. Hơn nữa, Giới luật cũng nên luôn luôn được điều chỉnh phù hợp với đất nước và thời gian. Thịt có thể là một thức ăn tội lỗi, nhưng những loại thực dưỡng mà hoàn toàn hòa hợp với Phật Pháp thì khó tìm được ở Tây Tạng. Vì vậy nếu hành giả ăn thịt, và đồng thời cũng học Phật Pháp, thì không chỉ họ không có lỗi làm gì, mà khi những hành giả đó đạt được giác ngộ, thì họ có thể giúp tất cả những chúng sinh có liên hệ với họ theo cách nào đó. Làm sao việc ăn thịt của những hành giả như vậy lại đi so sánh với hành vi của những người bình thường, những người bán thịt, và những thợ săn? Vì vậy có thể có hàng trăm, thậm chí hàng nghìn lý do không nên ăn thịt, nhưng thực tế là cần phải ăn. Anh có thể nói với cả những hành giả và những người bình thường là họ không nên ăn thịt vì những khổ đau đáng sợ ở các địa ngục nóng, nhưng không ai có thể sống thiếu thịt!”

Và vì vậy những người này sẽ nói “nếu anh biết những giảng dạy nào nói là chúng ta có thể ăn thịt mà không

bị lỗi lầm thì hãy cho chúng tôi biết. Nếu anh không biết thì trong tương lai, anh và những người tương tự nên giữ những lời khuyên và việc thực hành từ bỏ thịt cho riêng mình; anh nên thiền định về sự vô thường của thời gian cái chết đến và tụng minh chú *mani* cho chính bản thân anh! Những bài giảng pháp anh đưa ra quá một chiều, và anh đang tàn phá đời sống của các tu viện. Vì vậy hãy ngậm miệng lại – và nếu anh không yên lặng, thì xem cái gì sẽ đến với anh! Khi tất cả đã được nói và làm, phải chăng chính xác vì anh không ăn thịt nên mới ồn ào như vậy? Đó có phải là lý do khiến anh trở thành sự khó chịu thảm hại? Nhưng mà dù chúng tôi có nói gì với anh, anh cũng không lắng nghe – và vì vậy hãy đi khỏi đây và hét thật to vào bầu trời trống rỗng kia!”.

Cũng có thể họ đúng. Rất có thể là không ai có thể hoặc sẽ để ý đến tôi. Mặt khác, cũng có thể một hoặc hai người thông minh có lòng từ bi có thể để ý. Bởi vậy mà vì họ tôi cảm thấy tôi cần phải nói ra những giáo huấn về vấn đề này với toàn bộ khả năng và trí khôn của tôi. Liên quan đến các giới của ba giới nguyện, họ nói đúng. Có rất nhiều sự được phép và cũng nhiều sự bị cấm. Nhưng một người phải biết đâu là ranh giới.

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Làm sao có thể đúng khi đơn giản nói rằng ăn thịt là được cho phép và rồi thực hiện việc ăn thịt mà không có một phút để suy nghĩ? Làm sao chúng ta có thể hấp tấp và khinh suất trong việc làm dẫn đến hậu quả phá vỡ ba giới nguyện, giống như con dê nhảy xuống hồ và tự làm thương mình?

Trường hợp việc ăn thịt được phép là như sau. Theo như Giới Biệt-giải-thoát, một người được phép ăn thịt khi một người đang trên một chặng đường dài, ví dụ từ tỉnh Kham đến trung tâm Tây Tạng, và người đó không tìm được thứ thức ăn gì khác ngoài thịt – và khả năng người đó có thể gặp phải rủi ro chết đói nếu không ăn thịt. Tương tự, một người có thể bị ốm nặng, hoàn toàn bị kiệt sức, và cận kề cái chết, và sự sống của người đó phụ thuộc vào việc ăn một lượng thịt nhất định. Trong bối cảnh Bò-tát-giới, đúng là nếu một Vị Bò Tát đang ở những cấp độ chứng ngộ nhất định mà mất đi thì ánh sáng của Giáo Lý sẽ bị tắt, trong khi nếu vị Bò Tát đó sống lâu hơn sẽ mang lại lợi ích cho chúng sinh và giáo pháp. Vì vậy khi một số vị đạo sư vĩ đại trở nên già cả và cần phục hồi thể lực, họ được phép ăn thịt. Còn trong bối cảnh của Mật điển bí mật, hành giả du già đã đạt ở một mức độ nhất định trong giai đoạn sinh khởi

và hoàn thiện được phép ăn thịt trong những buổi thực hành nghi lễ cúng dường (*ganachakra*) và sử dụng chúng như phương tiện để phát triển sự chứng ngộ về hỷ lạc và tính không v.v. Nói tóm lại, việc ăn thịt được chấp nhận chỉ khi có lý do quan trọng mang đến lợi ích cho bản thân và người khác.

Một số người nhất định có thể được phép trong một số tình huống đặc biệt mà điều đó không áp dụng đối với những người khác hoặc không áp dụng trong mọi thời điểm. Ví dụ, các nhà sư được khuyến khích giữ giới hạnh, được khuyên răn là phải luôn tham dự các nghi lễ cúng dường, không được đón tiếp phụ nữ tại nơi ở, và không được uống rượu. Tất nhiên đúng là các nhà sư đó đều cần phải thực hành như vậy. Tuy nhiên, nếu vì thực hiện nhiệm vụ của mình mà người quản lý tu viện phải vắng mặt không tham gia được và ông nói rõ lý do không thể tham dự được buổi nghi lễ cúng dường, thì ông được cho phép đặc biệt để vắng mặt. Tương tự như vậy, nếu các nhà sư già và yếu xin phép được ở lại phòng của họ thì thường họ được cho phép. Nếu họ cần phải uống một chút rượu cùng với thuốc để chữa trị bệnh thì họ được phép uống. Và cuối cùng, nếu nhà sư đang sắp chết, họ được phép gặp mẹ và anh chị.

Một lần nữa, sự cần thiết thì quan trọng hơn sự cấm đoán. Giáo pháp của Đức Phật có bản chất từ bi. Vì vậy khi có một nhu cầu to lớn vì một điều lợi lạc (trực tiếp hay gián tiếp, cho người khác hay bản thân) – có những thứ bình thường bị cấm – thì trong những trường hợp như vậy được miễn trừ và được cho phép. Và điều này đúng trong bối cảnh của bất kỳ giới nguyện nào trong ba giới nguyện. Nhưng khi không có những nhu cầu như vậy, một người không thể tự tiện và vi phạm luật. Nếu điều này được hiểu một cách rõ ràng thì giáo pháp của Đức Phật, nguồn gốc của mọi tốt đẹp và hỷ lạc, sẽ không bị bóp méo, và chúng ta sẽ thấy cả kinh điển và mật điển đều hỗ trợ cho nhau. Tất cả các giáo pháp có đặc tính là các chỉ dẫn mang tính cá nhân, mang lại lợi lạc cho tâm trí. Điều này là đặc biệt quan trọng. Nếu ai nâng giữ giáo pháp của Đức Phật, người đó sẽ mang lại điều tốt đẹp cho những chúng sinh khác; người đó sẽ có khả năng dẫn dắt họ hiểu về vấn đề này hay những vấn đề khó khác. Còn nếu khi không có một nhu cầu thật sự cho việc ăn thịt, sẽ không đúng nếu một người đã thọ nhận ba giới nguyện lại đi ăn thịt, cho dù đó là thịt ba lần thuần tịnh – còn nói gì đến việc tiêu thụ thịt của những con vật đã bị giết hại để phục vụ cho chính mục đích kia. Nếu

những người mà năng lượng gió trong người quá mạnh cần ăn thịt và không thể dừng việc ăn thịt, thì anh ta nên suy ngẫm về tất cả những lỗi lầm khi ăn thức ăn đó và nỗ lực để giúp bỏ thói thèm ăn thịt của anh ta. Nếu những người này không nhìn, không nghe hoặc có nghi ngờ rằng con vật đã bị giết cho anh ta ăn, và nếu anh ta mua thịt ba lần thuần tịnh và chỉ ăn ít thôi, thì không có lỗi lầm.

Nhưng bây giờ, khi các lạt-ma dành cả mùa hè và mùa thu đi khắp nơi để thực hiện việc gây quỹ, nên những người bảo trợ và gia chủ giết dê và cừ hàng ngày để mời các lạt-ma ăn. Điều tương tự cũng xảy ra đối với các nhà sư cử hành các nghi lễ ở các làng. Người dân mổ thịt rất nhiều động vật – dê, cừ, bò – để mời các nhà sư ăn. Tương tự, vào các thời điểm có những nghi lễ tôn giáo, rất nhiều con vật bị giết thịt. Nhưng nếu các nhà sư và các lạt-ma ăn thịt đó, không chỉ họ ăn thịt của những con vật đã bị giết để phục vụ họ, mà họ còn làm điều này dưới danh nghĩa của Pháp, và điều này bị coi là trầm trọng hơn bất cứ một hành động tiêu cực nào. Hành động như vậy cần bị cấm như thể nó là thuốc độc vậy!

Nhưng một số người lại nói rằng việc ăn thịt thì không sao và ngày nay trong số các Lạt-ma và đạo sư, có những người là những hiện thân của các Đức Phật. Thậm chí họ còn nói có những người bán thịt cũng là những hiện thân của Phật. Vậy thì ăn thịt có điều gì là sai trái?

Bạn đã bao giờ nghe thấy những điều ngớ ngẩn buồn cười đến như vậy chưa? Tình huống này cũng giống như câu chuyện của hai người làm tượng đã lừa dối và gian lận lẫn nhau quá nhiều và cả hai đều bị đọa trong đời đó và các đời tương lai. Đừng bao giờ tin vào những lời nói dối như vậy. Đừng bao giờ đặt niềm tin vào những kẻ gian lận và lừa đảo, những người nói về các Lạt-ma trong quá khứ đã giết động vật và dẫn tâm thức chúng lên các cõi cao hơn, và về những người bán thịt đã dẫn các con vật lên được với số phận tốt hơn, hay về những vị hộ Pháp cũng làm những điều tương tự. Tốt hơn hãy tin vào những lời chân quý của Đức Phật. Hãy đừng để ý đến những lý lẽ nghe có vẻ thuyết phục và hấp dẫn của những kẻ gọi là hành giả nhưng thực chất chỉ là người tầm thường. Chúng ta nên coi tất cả các chúng sinh là những cha mẹ tử tế của mình, và để đền đáp sự tận tâm của họ, chúng ta nên thiên định

hàng ngày về lòng yêu thương, sự bi mẫn, và Bồ Đề Tâm. Hãy đừng để chúng ta bị bất tịnh bởi thức ăn tội lỗi này, thịt và máu của chính cha mẹ mình!

Đó chính là lời khuyên từ trái tim của tôi dành cho tất cả những ai có lòng từ bi và lòng quy ngưỡng, những người có phẩm tính của Bồ Tát. Xin họ hãy nhớ lời tôi. Xin họ lưu giữ những lời đó trong trái tim mình.

Đó chính là Cam Lộ Của Sự Bất Tử, sự chỉ dẫn dập tắt đi ngọn lửa bùng cháy của sự thèm thuồng quá mạnh vào loại thức ăn tội lỗi là thịt và máu của cha mẹ chúng ta. Sự chỉ dẫn này được viết bởi một hành giả du già, ngài Shabkar bước chân trắng (ngụ ý nơi đâu Ngài đặt chân tới thì nơi đó trở nên trong trẻo với đầy đức hạnh). Ngài đã viết những chỉ dẫn này với một động cơ tốt đẹp để làm lợi lạc cho Giáo Pháp và chúng sinh, trong sự cô tịch dễ chịu của Thung lũng Drong, nơi mà tâm trí đạt được sự sáng rõ tự nhiên và trong trẻo.

Một cách trực tiếp hay gián tiếp, xin điều này mang lại lợi lạc cho Giáo Pháp và chúng sinh!

Nguyện cầu cho tất cả đều tốt đẹp!

Shabkar Tsogdruk Rangdrol

Viet Nalanda Foundation (trước đây còn có tên là **Viet Vajra Foundation**) là một tổ chức bất vụ lợi 501(c)3 được thành lập vào năm 2006 tại Maryland, Hoa Kỳ để tạo nhịp cầu tiếp nối giữa những Phật tử người Việt có duyên với Kim Cương Thừa tại khắp nơi trên thế giới. Viet Nalanda Foundation cố sù ý tinh thần bất bộ phái, và tôn trọng chư Đạo Sư cùng các Giáo Pháp đặc thù của tất cả bốn dòng truyền thừa của Phật Giáo Tây Tạng gồm có Nyingma, Sakya, Kagyu và Gelug.

Muốn biết thêm chi tiết về tổ chức Viet Nalanda Foundation cũng như tìm hiểu thêm về Kim Cương Thừa – Phật Giáo Tây Tạng, xin vào xem trang nhà <http://www.vietnalanda.org> hoặc gửi điện thư đến vietnalanda@ymail.com

Địa chỉ liên lạc:

112 Stanford Court
Irvine, CA 92612 USA
ĐT: (949)-390-7062

13902 Rosebranch Ct.
Houston, TX 77059-3539 USA
ĐT: (713)-382-6874

Tài liệu về Kim Cương Thừa – Phật Giáo Tây Tạng cũng có thể được tìm thấy tại các trang nhà sau đây:

Thư Viện Nalanda: <http://www.nalanda.batnha.org>

Thư Viện Hoa Sen: <http://www.thuvienhoasen.org>

Trang nhà Quảng Đức: <http://www.quangduc.com>

**PHƯƠNG DANH ẮN TỔNG KINH SÁCH
VIỆT NALANDA FOUNDATION 2012**

Phyllis La	Garden Grove, CA	\$2,000.00
Quan Pham	Chandler, AZ	\$100.00
Yoko Sato	Gardenia, CA	\$50.00
Minh Cao	Chandler, AZ	\$100.00
An Danh	Houston, CA	\$50.00
Bach Nga Nguyen	Australia	\$50.00
Tan Duy Bui	Houston, TX	\$300.00
Tung D. Vu	Houston, TX	\$300.00
Lan Chi Nguyen	Germany	\$150.00
Cindy Thanh Ly	Houston, TX	\$70.00
Thuy Morton & Friends	Houston, TX	\$930.00
Tan Bui	Houston, TX	\$600.00
Vuong Duc Nguyen	Westminster, CA	\$200.00
Vinh & Loan Le	Scarborough, ON	\$200.00
Lan Anh Tran	VN	\$100.00
Uncle Serge at Lien Hoa Temple	CA	\$100.00
Tieu Anh Lac's Family	Stanton, CA	\$200.00
Thao Tran	Garden Grove, CA	\$100.00
Tiep Truong	Grand Rapids, MI	\$50.00
Trung Nguyen	CA	\$20.00
Suong Tran	Boyds, MD	\$100.00
Pearl-Sheen Tran	Stanton, CA	\$60.00
Julie Nguyen Luong	Luxembourg	\$130.00
Tuan Ba Nguyen	Stanton, CA	\$100.00
Tam	MN	\$20.00
Binh Dao	CA	\$50.00
Tam Thai	Australia	\$100.00
Michelle Thuy Do	San Jose, CA	\$100.00
Thanh Mai Nguyen	Fountain Valley, CA	\$50.00
Hung Lu	Fountain Valley, CA	\$40.00
Lan Phung	San Jose, CA	\$200.00

Tammy Tam Uyen	San Jose, CA	\$200.00
Hung Q. Dang	Silver Spring, MD	\$100.00
Loan Le	TX	\$100.00
Le Nguyen	TX	\$100.00
Trang Nguyen	TX	\$100.00
Diem Phan	TX	\$10.00
Nhuan Thuc	TX	\$20.00
Cac Phat Tu An Danh	TX	\$346.00
Thuy Bui	Santa Ana, CA	\$20.00
Minh A Pham	Sacramento, CA	\$100.00
Hoi Huong Huong Linh	Chanh Tho	
Thang D Nguyen	Seattle, WA	\$200.00
Hoi Huong Huong Linh		
Truc Tho Oa T Nguyen	Seattle, WA	\$200.00
Hoi Huong Huong Linh		
Bat Huy Nguyen	Seattle, WA	\$10.00
Hoi Huong Huong Linh		
Dieu Ngoc Xuyen T Nguyen	Seattle, WA	\$10.00
Hoi Huong Huong Linh		
Dieu Hanh Gai T Vu	Seattle, WA	\$5.00
Hoi Huong Huong Linh		
Lam Huu Hoang	Seattle, WA	\$5.00
Hoi Huong Huong Linh		
Dien Hoang	Seattle, WA	\$5.00
Hoi Huong Huong Linh		
Luu Huu Hoang	Seattle, WA	\$5.00
Hoi Huong Huong Linh		
Dieu Luong	Seattle, WA	\$5.00
Tam Thanh	Seattle, WA	\$20.00
Dieu Hanh Thuan Loi & Family	Seattle, WA	\$50.00
Dinh Hien/ Dinh Hoang	Seattle, WA	\$10.00
Thuy T Hoang	Seattle, WA	\$10.00
Hoang Ly	Seattle, WA	\$20.00
Minh Duc	Seattle, WA	\$20.00
Hoang Diep	Seattle, WA	\$30.00

Dieu Quy & Family	Seattle, WA	\$60.00
Thanh Lam Dinh Phuoc	Seattle, WA	\$50.00
Danh Thien Thuy Nghia	Seattle, WA	\$100.00
Ngoc Han Nguyen	Australia	\$100.00
Dieu Toan	Australia	\$200.00
Minh Tin Ton	Tustin, CA	\$100.00
Phuong Bich Dzuong	Midway City, CA	\$100.00
Trang Tuyet Nguyen	Tucson, AZ	\$100.00
Dong Vu's Family	CA	\$50.00
Bich Thuy Do	Fountain Valley, CA	\$150.00
Hiep Truong	Milpitas, CA	\$50.00
Do Tran Nguyen	Sacramento, CA	\$120.00
John Hung Tran	CA	\$100.00
Tina Bui	Houston, TX	\$100.00
Tung D. Vu **	Houston, TX	\$200.00
Thuoc B. Vu **	Houston, TX	\$100.00
Thu Vui Ho	Houston, TX	\$50.00
Oanh T Thai	Houston, TX	\$50.00
Kim Hong T Quach	Philadelphia, PA	\$1,000.00
Loan Giao Le	Toronto, Canada	\$50.00
Natalie Phan	Falls Church, VA	\$100.00
Tina Cao	CA	\$40.00
Phat Tu An Danh	South CA	\$95.00
Thu Ha Dinh	Ontario, Canada	\$200.00
Huong Le	Ontario, Canada	\$100.00

** Hồi hương đến hương linh chú Lê Duy Chất và tất cả.

Ghi chú: Phương danh ấn tống đã được cập nhật vào ngày 30 tháng 6, năm 2012. Các đóng góp tịnh tài gửi đến sau ngày này sẽ được sung vào quỹ ấn tống kinh sách cho năm 2013.

*Cho đến khi đạt đến
Giác Ngộ viên mãn,
chúng con xin quy y Phật,
chúng con xin quy y Pháp,
và cũng như thế,
chúng con xin quy y Tăng đoàn
của chư Bồ Tát.*

*Như chư Phật thuở xa xưa
đã nhiếp thọ Bồ Đề Tâm
và tinh tấn hành trì Bồ Tát Đạo,
chúng con, nay cũng vì lợi lạc
của tất cả chúng sinh,
xin phát Bồ Đề Tâm
và tinh tấn tu hành
để viên thành Đạo Quả.*

Viet Nalanda Foundation

